

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ôn tập các số đến 100
 - + Đọc, viết số
 - + So sánh các số, thứ tự số
 - + Đếm thêm 1, 2, 5, 10
 - + Cấu tạo thập phân của số
 - + Vị trí, số thứ tự
- Làm quen với thuật ngữ chữ số

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Một thanh trục và 8 khối lập phương, hình vẽ bài Vui học

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Một thanh trục và 8 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho cả lớp múa hát tập thể tạo không khí vui tươi.- GV giới thiệu vào bài mới	<ul style="list-style-type: none">- Cả lớp cùng tham gia múa hát tập thể- HS lắng nghe
<p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS quan sát bảng các số từ 1 đến 100, nhận biết bảng gồm 10 hàng và 10 cột.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Đọc số</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS (nhóm 4) đọc các yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ rồi thảo luận	<ul style="list-style-type: none">- HS trình bày theo yêu cầu của GV- HS đọc các số từ 1 đến 100

<p>a) GV cho HS đọc nối tiếp, mỗi em đọc một hàng nhiều số</p> <p>b) GV cho HS đọc các số tròn chục</p> <p>- GV chốt: đếm thêm 10 (có thể sử dụng trong đếm nhanh)</p> <p>c) GV cho HS đọc các số cách 5 đơn vị</p> <p>- GV chốt: đếm thêm 5 (có thể sử dụng trong đếm nhanh)</p> <p>Bước 2: Thứ tự các số trong bảng</p> <p>- GV cho HS nhóm 4 đọc các yêu cầu, nhận nhiệm vụ, thảo luận</p> <p>- GV lưu ý HS trả lời bạn ong: “Từ trái sang phải, từ trên xuống dưới”</p> <p>- GV hướng dẫn HS chơi “Ném bóng để sửa bài”</p> <p>+ GV chỉ vào bảng số cho HS đọc một vài số để minh họa</p> <p>+ GV chỉ vào hai số liền nhau trong cùng một cột để giới thiệu cách đếm thêm chục</p>	<p>+ Đọc lại các số từ 100 đến 1</p> <p>- HS đọc các số: 10; 20; 30; 40; 50; 60; 70; 80; 90; 100</p> <p>- HS chú ý lắng nghe</p> <p>- HS đọc các số: 5; 10; 15; 20; 25; 30; 35; 40; 45; 50; 55; 60; 65; 70; 75; 80; 85; 90; 95; 100</p> <p>- HS chú ý lắng nghe</p> <p>- HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu</p> <p>- HS chú ý lắng nghe</p> <p>- HS trả lời</p> <p>a) Các số trong bảng được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn</p> <p>- HS đọc số GV chỉ</p> <p>b) Các số trong cùng một hàng (kể từ số cuối cùng) có số chục giống nhau</p> <p>c) Các số trong cùng một cột có số đơn vị giống nhau</p>
---	---

<p>+ GV chỉ vào hai số bất kì trong cùng một hàng (hay cùng một cột) cho HS nhận xét</p> <p>Bước 3: So sánh các số</p> <p>a) Phân tích mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS so sánh hai số 37 và 60 - GV chọn 2 HS có 2 cách trình bày khác nhau, nói cách làm của mình trước lớp <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS cả lớp nhận xét bài làm của bạn rồi tự nhận xét bài làm của mình - GV nhận xét - GV cho HS đọc yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ, xem lại mẫu - GV gọi hai nhóm làm bài nhanh nhất trình bày trước lớp (mỗi nhóm một câu) - GV chốt lại: Ôn lại cách so sánh <p>+ Số có hai chữ số lớn hơn số có một chữ số</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát và đọc <p>d) Nhìn hai số trong cùng một hàng, ta nói ngay: số bên phải lớn hơn số bên trái</p> <p>Nhìn hai số trong cùng một cột, ta nói ngay: số ở hàng dưới lớn hơn số ở hàng trên</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét <ul style="list-style-type: none"> - HS so sánh - 2 HS trình bày cách làm: <p>+ 37 < 60</p> <p>3 chục bé hơn 6 chục nên $37 < 60$</p> <p>+ 60 > 37</p> <p>6 chục lớn hơn 3 chục nên $60 > 37$</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận xét - HS lắng nghe - HS làm việc nhóm đôi (mỗi em ghi một cách so sánh) - HS trình bày: $79 > 74$; $52 > 25$ hay $74 < 79$; $25 < 52$
--	--

<p>+ So sánh số chục, số nào có chục lớn hơn là số lớn hơn</p> <p>+ Số chục bằng nhau, so sánh số đơn vị, số nào có số đơn vị lớn hơn là số lớn hơn.</p> <p>b) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn</p> <p>- GV hướng dẫn HS so sánh tương tự như câu a) và sắp xếp thứ tự từ bé đến lớn các số</p> <p>Bước 4: Làm theo mẫu</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, tìm hiểu mẫu:</p> <p>+ Có mấy việc phải làm?</p> <p>+ Đó là những việc gì?</p> <p>- GV chốt: có 5 việc, trong sách có một việc, các em làm tiếp 4 việc nữa cho hoàn thiện</p> <p>- Sửa bài: GV tổ chức cho HS chơi tiếp sức để điền vào sơ đồ trên bảng lớp</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức</p> <p>- HS sắp xếp các số:</p> <p>+ Từ bé đến lớn: 38, 43, 70; 29, 82, 87</p> <p>- HS trình bày các việc phải làm:</p> <p>+ Viết số</p> <p>+ Viết số chục - số đơn vị</p> <p>+ Dùng thanh trực và khối lập phương để thể hiện số</p> <p>+ Viết số vào sơ đồ tách – gộp số</p> <p>+ Viết số thành tổng của số chục và số đơn vị</p> <p>- HS lắng nghe và hoàn thiện bài</p> <p>- HS cả lớp tham gia trò chơi điền số vào bảng:</p>
---	--

C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã được ôn tập

Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm, hoàn thành BT1

- GV cho HS đọc yêu cầu và thảo luận nhóm

- GV gọi HS đọc bài làm theo nhóm (mỗi nhóm đọc 1 dãy số , GV khuyến khích HS nói cách làm.

- GV chốt:

+ Thêm 1: 21, 22, 23, **24, 25, 26, 27, 28, 29, 30**

+ Thêm 2: 30, 32, **34, 36, 38, 40, 42, 44, 46, 48**

+ Thêm 5: 5, 10, 15, **20, 25, 30, 35, 40, 45, 50**

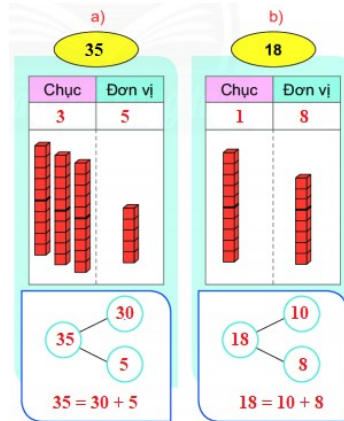
+ Thêm 10: 10, **20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 100**

- GV mở rộng thêm: Đếm đếm nhanh, trong một số trường hợp nên đếm thêm 1, thêm 2, thêm 5, thêm 10, cho ví dụ.

+ Thêm 1: Số lượng ít.

+ Thêm 2: Số lượng nhiều, đặc biệt khi xuất hiện các “cặp”.

Ví dụ: Đếm chân của nhiều con vật 2 chân (gà,



- HS thảo luận (nhóm 4) tìm cách làm: thêm 1, thêm 2, thêm 5, thêm 10

+ HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm 4

- HS đọc bài, cả lớp nhận xét

- HS lắng nghe

<p>vịt, chim, ...).</p> <p>+ Thêm 5: Khi có các nhóm 5.</p> <p>Ví dụ: Mỗi hộp có 5 cái bánh, ...</p> <p>+ Thêm 10: Những thứ để thành từng chục.</p> <p>Ví dụ: Bó hoa, xôi bánh ú, chục trứng, hộp bút sáp 10 cái,</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động cặp đôi, hoàn thành BT2</p> <p>- GV đặt câu hỏi giúp HS nhận biết yêu cầu bài:</p> <p>+ Thay dấu (?) bằng số thích hợp.</p> <p>+ GV lưu ý làm dấu khi đếm, đếm lần lượt để không bị trùng lặp)</p> <p>- GV gọi vài HS nói trước lớp - cả lớp nhận xét.</p> <p>- GV chốt: Có 18 bạn tham gia trò chơi.</p> <p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT3</p> <p>- GV vấn đáp giúp HS nhận biết yêu cầu của đề bài</p> <p>+ Có tất cả bao nhiêu cái?</p> <p>- GV giúp HS biết đếm nhanh (đếm thêm 5)</p> <p>- GV gọi HS nói trước lớp - cả lớp nhận xét.</p>	<p>- HS lắng nghe GV và ghi nhớ kiến thức</p> <p>-</p> <p>- HS làm bài:</p> <p>+ HS tìm cách làm “Đếm nhanh” (đếm thêm 2).</p> <p>+ HS làm bài (cá nhân) rồi nói với bạn câu trả lời.</p> <p>- HS trình bày cách làm, cả lớp nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	---

<p>- GV chốt kết quả: 35</p> <p>Nhiệm vụ 4: Hoàn thành thử thách</p> <p>- GV cho HS đọc nội dung, nhận biết yêu cầu, xác định nhiệm vụ:</p> <p>+ <i>Khay cuối cùng có bao nhiêu cái bánh?</i></p> <p>- GV gọi vài em đọc kết quả, nói cách làm</p> <p>- GV chốt: HS có thể có cách làm khác nhau, lí luận đúng đề tìm được kết quả đúng thì chấp nhận. Khay cuối cùng có 27 cái bánh.</p> <p>Nhiệm vụ 5: Vui học</p> <p>- GV nói câu chuyện, giới thiệu hình vẽ, giúp HS xác định quy định các phòng học, đọc thẻ số của các bạn thủ.</p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu và thực hiện yêu cầu</p> <p>- GV gọi HS nói trước lớp, khuyến khích HS vừa nói vừa chỉ vào hình vẽ trên bảng lớp</p> <p>- GV cho HS liên hệ thực tế: vào đúng phòng, ngồi đúng chỗ</p> <p>D. CÙNG CỐ</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua hoạt động hỏi nhanh, đáp nhanh.</p>	<p>- HS lắng nghe GV hỏi, HS trả lời</p> <p>- HS lắng nghe GV gợi ý cách làm</p> <p>- HS đếm trước lớp, cả lớp nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đọc đề, thảo luận (nhóm 4)</p> <p>+ HS đếm và viết số bánh trên năm khay theo thứ tự: 2, 7, 12, 17, 22 (đếm thêm 5).</p> <p>- HS làm bài cá nhân, chia sẻ trong nhóm để kiểm tra kết quả</p> <p>- HS đọc kết quả</p> <p>- HS lắng nghe GV</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc yêu cầu, thảo luận nhóm đôi</p> <p>+ HS nói cho nhau nghe</p> <p>- HS nói trước lớp. Cả lớp lắng nghe, nhận xét.</p>
--	--

<p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi: Đố bạn?. GV cho HS chơi 3 lần để xác định đội thắng cuộc (đội nào đúng nhiều hơn thì thắng cuộc) + Một HS đọc 2 số trong bảng số + Cả lớp viết vào bảng con rồi điền dấu so sánh <p>* Liên hệ thực tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu cho HS về nhà cùng người thân chơi trốn tìm để tập đếm thêm 5: 5; 10; 15; 20;, 100 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS cả lớp tham gia trò chơi + Nghe bạn đọc số và viết kết quả so sánh vào bảng con. - HS về nhà chơi cùng người thân
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: ƯỚC LƯỢNG (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết việc ước lượng
- Vận dụng ước lượng đồ vật theo nhóm chục

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học.

Tích hợp: Tự nhiên xã hội, Thủ công

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU


1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bảng con
- Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh sau 9 (trong vòng 15s) và trả lời câu hỏi : <p>Đoán xem trong hình có bao nhiêu quả bóng ?</p>  <ul style="list-style-type: none">- GV ghi lại một số kết quả ở góc bảng- GV đặt vấn đề: Có nhiều khi chúng ta không đủ	<ul style="list-style-type: none">- HS quan sát hình ảnh và đoán số quả bóng

thời gian để đếm và có khi cũng không thể đếm hết được. Ví dụ như đếm số con gà đang chạy trên sân. Nếu muốn biết có khoảng bao nhiêu con gà, chúng ta phải ước lượng. Vậy cách ước lượng như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay - Bài 2: Ước lượng.

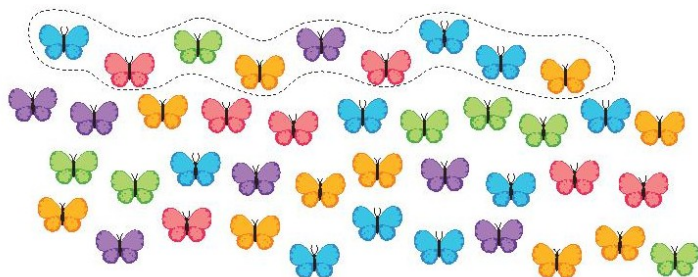
B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

Mục tiêu: Thông qua các hoạt động học sinh nắm được cách ước lượng

Cách tiến hành:

Bước 1: Ước lượng

- GV cho HS quan sát hình vẽ phần Cùng học trên bảng lớp, nhận biết việc cần làm:



“ước lượng” số con bướm có tất cả trong hình.

+ GV giải thích: chỉ quan sát, không đếm hết, xác định có khoảng bao nhiêu con bướm.

- GV dùng phương pháp khăn trải bàn, cho HS thảo luận nhóm bốn để tìm cách ước lượng

- GV hệ thống hoá cách ước lượng: Ta có thể ước lượng theo cột, theo hàng, theo nhóm, ... (gọi chung là nhóm).

- HS chú ý lắng nghe

- HS quan sát hình

- HS lắng nghe GV giải thích

- HS thảo luận nhóm trình bày

<p>- Ước lượng theo cách nào phụ thuộc hai yếu tố sau:</p> <p>+ Nhóm mẫu có khoảng 10 vật (10, gần được 10 hay hơn 10 một vài vật).</p> <p>+ Số lượng vật ở các nhóm gần bằng nhau.</p> <p>- Ở bài này ta ước lượng theo nhóm nào? Tại sao?</p> <p>- GV khái quát cách ước lượng bằng các câu hỏi, HS trả lời cụ thể với hình ảnh các con bướm trong phần bài học.</p> <p>+ Tất cả có khoảng bao nhiêu con bướm?</p> <p>- GV cho HS đếm hết số bướm (sử dụng SGK) để có kết quả chính xác</p> <p>- GV chốt: Chọn nhóm mẫu vật có khoảng 10 chục rồi đếm theo chục</p> <p>Bước 2: Thực hành</p> <p>- Gv cho HS xác định yêu cầu của phần thực hành</p> <p>- GV cho HS thực hiện nhóm đôi thực hiện:</p>	<p>- HS lắng nghe GV, ghi nhớ kiến thức</p> <p>- HS trả lời: Theo hàng. Mỗi hàng có khoảng 10 con bướm.</p> <p>- HS quan sát hình ảnh trả lời:</p> <p>+ Các con bướm được xếp thành 4 hàng.</p> <p>+ Mỗi hàng có khoảng 10 con.</p> <p>+ Đếm số con bướm theo các hàng (1 chục, 2 chục, 3 chục, 4 chục hay 10, 20, 30, 40).</p> <p>+ Có khoảng 40 con bướm</p> <p>- HS đếm số con bướm có trong hình: 41 con, lệch 1 con.</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ kiến thức</p> <p>- HS xác định yêu cầu: Ước lượng,</p>
--	---



+ Ước lượng số máy bay và đếm lại xem có bao nhiêu chiếc máy bay?

+ Ước lượng số ngôi sao và đếm lại xem có bao nhiêu ngôi sao?

- GV sửa bài, giúp HS trình bày theo các ý chính:

+ Giải thích tại sao lại chọn mẫu như vậy.

+ Trình bày cách ước lượng

+ Thông báo kết quả đếm

+ So sánh kết quả ước lượng thì chênh lệch bao nhiêu?

đếm

- HS hoạt động cặp đôi ước lượng và đếm

- HS trình bày theo gợi ý của GV:

1. Ước lượng theo cột vì mỗi cột có khoảng 10 máy bay.

+ Các máy bay được xếp theo cột.

+ Số máy bay ở các cột gần bằng nhau.

+ Cột đầu (nhóm mẫu) có 10 máy bay.

+ Đếm theo cột: 10, 20, 30, 40, 50.

+ Có khoảng 50 chiếc máy bay.

- Đếm: Có 50 chiếc máy bay.

2. Ước lượng theo nhóm vì ngôi sao được xếp gọn theo từng nhóm.

<p>C. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập, luyện tập cách ước lượng rồi đếm</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv sử dụng phương pháp nhóm mảnh ghép cho HS luyện tập các bài tập: <p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm 1: Ước lượng số lượng thuyền giấy + Nhóm 2: Ước lượng số lượng quả bóng tennis. + Nhóm 3: Ước lượng số lượng quả bóng rổ. <p>Bước 2: HS tạo nhóm chia sẻ với nhau rồi nói trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi các nhóm trình bày (vừa nói vừa thao tác trên bảng lớp) + Giải thích tại sao chọn mẫu như vậy. 	<ul style="list-style-type: none"> + Các ngôi sao được xếp theo nhóm. + Số ngôi sao ở các nhóm gần bằng nhau. + Nhóm đầu có khoảng 10 ngôi sao. + Đếm theo nhóm: 10, 20, 30. + Có khoảng 30 ngôi sao. - Đếm: Có 28 ngôi sao. <ul style="list-style-type: none"> - HS các nhóm thảo luận rồi ước lượng <ul style="list-style-type: none"> - HS tạo nhóm để chia sẻ kết quả - HS lắng nghe GV, các nhóm trình bày kết quả theo gợi ý của GV
--	--

<p>+ Trình bày cách ước lượng.</p> <p>+ Thông báo kết quả đếm và độ chênh lệch so với ước lượng.</p> <p>- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương nhóm trình bày tốt nhất</p> <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua so sánh kết quả bài luyện tập 3 với kết quả dự đoán ở phần khởi động.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV cho HS so sánh kết quả của bài luyện tập 3 với kết quả dự đoán ở phần khởi động để thấy tác dụng của việc học ước lượng.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.</p>	<p>- HS lắng nghe GV nhận xét</p> <p>- HS tiến hành so sánh kết quả và rút ra kết luận</p> <p>- HS lắng nghe GV nhận xét</p>
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: SỐ HẠNG – TỔNG (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính tổng
- Ôn tập phép cộng trong phạm vi 10, 100
- Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua các trường hợp cụ thể, GV khái quát bằng lời (chưa nêu tên tính chất). Vận dụng tính chất giao hoán, tính chất hợp lí.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* **Năng lực riêng:** Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK.
- Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh nhất” - GV chia lớp thành 2 đội, đọc phép tính, HS làm trên bảng con (đội 1 làm phép tính ngang, đội 2 đặt tính). - GV quan sát HS làm, trong một đội, ai nhanh nhất và đúng, được gắn bảng lên trước lớp. - GV cùng cả lớp nhận xét, đánh giá, dẫn HS vào 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe GV trình bày thể lệ trò chơi - HS thực hiện tính nhanh

bài học mới: **Số hạng – tổng.**

B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

Mục tiêu: HS nắm được các thành phần của phép cộng và biết áp dụng để thực hành.

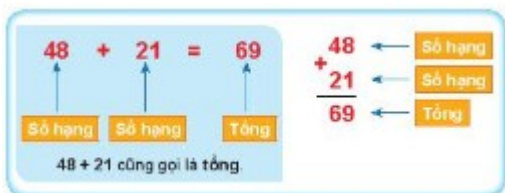
Cách tiến hành:

Bước 1: Giới thiệu tên gọi các thành phần của phép cộng

- GV viết lại phép tính lên bảng lớp:

$$48 + 21 = 69$$
$$\begin{array}{r} +48 \\ +21 \\ \hline 69 \end{array}$$

- GV giới thiệu tên gọi các thành phần của phép cộng (nói và viết lên bảng như sgk).



- GV lần lượt chỉ vào số 48, 21, 69, yêu cầu HS nhắc lại tên các thành phần.

- GV nói tên các thành phần: số hạng, tổng, yêu cầu HS nói số.

Bước 2: Thực hành

*** Gọi tên các thành phần của phép cộng**

- GV cho HS nhóm đôi sử dụng sgk gọi tên các thành phần của các phép cộng (theo mẫu).

- HS nghe GV giới thiệu bài mới

- HS quan sát, ghi phép tính vào vở

- HS chú ý lắng nghe

- HS nhắc: số hạng, số hạng, tổng.

- HS nhắc: 48, 21, 69

- HS hoạt động nhóm

<p>- GV sửa bài, đưa thêm một số phép cộng khác: $3 + 6 = 9$, $34 + 16 = 50$, $65 + 14 = 79$;....</p> <p>* Viết phép cộng</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu bài: nhận biết tính tổng là thực hiện phép cộng, mỗi phép cộng thực hiện hai cách viết (hàng ngang và đặt tính), cần phải viết các phép cộng đó ra bảng con.</p> <p>- GV ví dụ: Tính tổng của 22 và 16</p> $\begin{array}{r} 22 \\ + 16 \\ \hline 38 \end{array}$ <p>Phép cộng tương ứng là: $22 + 16 = 38$</p> <p>- GV lần lượt chỉ vào số 22, 16, 38, yêu cầu HS nhắc lại tên các thành phần.</p> <p>C. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách nhận biết tính tổng và các thành phần của tính tổng.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1</p> <p>- GV ghi yêu cầu lên bảng nhóm, yêu cầu HS thực hiện phép tính vào bảng con.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tính tổng các số hạng 43 và 25 + Tính tổng các số hạng 55 và 13 + Tính tổng các số hạng 7 và 61. <p>- GV mời ba bạn HS lên bảng, mỗi bạn thực hiện</p>	<p>- HS nghe GV chữa bài, thực hiện phép cộng GV đưa ra.</p> <p>- HS lắng nghe, nắm rõ kiến thức.</p> <p>- HS quan sát GV làm ví dụ</p> <p>- HS nhắc: số hạng, số hạng, tổng.</p> <p>- HS dùng bảng con, thực hiện các phép tính GV giao.</p> <ul style="list-style-type: none"> • $43 + 25 = 68$ • $55 + 13 = 68$
--	--

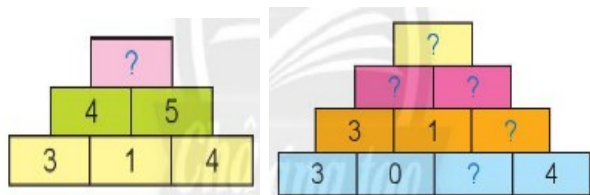
đặt tính một phép tính.

- GV chữa bài cho các em, GV yêu cầu hs gọi tên các thành phần của phép tính.

- GV tuyên dương, khen ngợi các bạn đã thực hiện phép tính đúng, trình bày đẹp.

Nhiệm vụ 2: Hoạt động cặp đôi, hoàn thành BT2

- GV vẽ các hình lên bảng, cho HS hoạt động bắt cặp với bạn bên cạnh, thảo luận và tìm những số thích hợp điền vào ô trống



- GV gợi ý cách làm (Các em phải biết quy luật, tổng hai số cạnh nhau là số ở trên hai số đó, dựa vào sơ đồ tách – gộp số: gộp 3 và 1 được 4, gộp 1 và 4 được 5, gộp 4 và 5 được mấy?). Tương tự với câu a, các em làm tương tự câu b.

- GV lấy tinh thần xung phong, gọi HS lên bảng điền vào vị trí còn trống.

- GV chữa bài cho HS, sau đó GV nhận xét và khen ngợi tinh thần học tập của các bạn.

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm, hoàn thành BT3

- GV gọi HS trả lời câu hỏi:

+ Yêu cầu của bài là gì? (số)

+ Muốn tìm số phải làm như thế nào?

• $7 + 61 = 68$

- HS lên bảng hoàn thành phép tính.

- HS quan sát GV chữa bài

- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương.

- HS quan sát hình, hoạt động cặp đôi

- HS lắng nghe gợi ý cách làm

- HS xung phong lên bảng điền số còn thiếu.

- HS lắng nghe GV nhận xét

- HS lắng nghe GV hỏi, HS trả lời

- GV gọi một số HS đứng dậy trình bày, sau đó GV gợi ý: Ba số theo cột hay theo hàng đều có tổng số bằng 10, gộp 3 và 1 và 6 được 10, gộp 6 và 2 và 2 được 10, gộp 2 và 5 và mấy để được 10...).

- GV chia lớp thành 2 nhóm, sau khi thảo luận xong, các nhóm lên điền kết quả vào bảng nhóm.

- GV chữa bài, GV gọi đại diện nhóm đứng dậy trình bày cách làm để ra được kết quả đó.

- GV chữa xong hai nhóm, nhận xét, tuyên bố nhóm nhanh hơn và có kết quả đúng là nhóm chiến thắng.

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cặp đôi, hoàn thành BT4

- GV gọi HS trả lời câu hỏi:

+ Yêu cầu của bài là gì? (số)

+ Vậy tìm bằng cách nào?

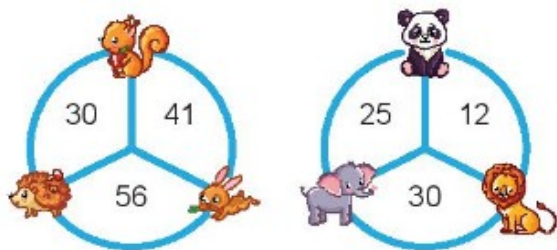
- GV hướng dẫn cho HS nhận biết:

$$50 + 20 = 70$$

$$20 + 40 = 60$$

$$40 + 50 = 90$$

- GV yêu cầu HS làm tương tự đối với hai bài tập còn lại



- HS lắng nghe GV gợi ý cách làm

- HS hoạt động nhóm, thảo luận tìm kết quả.

- HS nghe GV chữa bài, HS trình bày cách làm

- HS lắng nghe nhận xét, tuyên dương.

- HS lắng nghe GV hỏi, HS trả lời

- HS lắng nghe GV gợi ý cách làm

- HS hoạt động cặp đôi, thảo luận tìm kết quả.

- GV gọi HS đứng dậy trình bày kết quả, GV chữa bài, nhận xét kết quả của HS.
- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành các bài tập 5, 6, 7 trong sgk.

D. CÙNG CỐ

Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua hoạt động hỏi nhanh, đáp nhanh.

Cách tiến hành:

- GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn một phép cộng. Khi GV đưa bảng con ra, HS gọi tên các thành phần của phép tính.

$$12 + 4 = 16$$

$$54 + 12 = 66$$

$$14 + 24 = 38$$

.....

- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.

- HS trình bày kết quả, nghe GV chữa bài

- HS lắng nghe yêu cầu, về nhà hoàn thành BT.

- HS lắng nghe GV trình bày

- HS nêu tên các thành phần

- HS lắng nghe nhận xét

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: SỐ BỊ TRỪ - SỐ TRỪ - HIỆU (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính trừ
- Ôn tập phép cộng trong phạm vi 10, 100

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* **Năng lực riêng:** Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học.

- Tích hợp: Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Hình vẽ để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con
- Tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh nhất” - GV chia lớp thành 2 đội, đọc phép tính, HS làm trên bảng con (đội 1 làm phép tính ngang, đội 2 đặt tính). 	<p>- HS nghe GV trình bày thể lệ trò chơi</p>

$$69 - 21 = 48$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ -21 \\ \hline 48 \end{array}$$

- GV quan sát HS làm, trong một đội, ai nhanh nhất và đúng, được gắn bảng lên trước lớp.

- GV cùng cả lớp nhận xét, đánh giá, dẫn HS vào bài học mới: **Số bị trừ - Số trừ - Hiệu**

B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

Mục tiêu: HS nắm được các thành phần của phép trừ và biết áp dụng để thực hành.

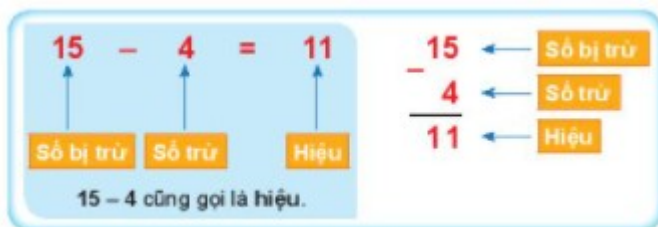
Cách tiến hành:

Bước 1: Giới thiệu tên gọi các thành phần của phép trừ

- GV viết lại phép tính lên bảng lớp:

$$15 - 4 = 11$$

- GV giới thiệu tên gọi các thành phần của phép trừ (nói và viết lên bảng như SGK).



- GV lần lượt chỉ vào số 15, 4, 11 yêu cầu HS nói tên các thành phần

- HS thực hiện tính nhanh

- HS nghe GV giới thiệu bài mới

- HS quan sát, ghi phép tính vào vở

- HS chú ý lắng nghe

- HS nhắc: số bị trừ, số trừ, hiệu.

<p>- GV nói tên các thành phần: số bị trừ, số trừ, hiệu yêu cầu HS nói số.</p> <p>Bước 2: Thực hành</p> <p><i>* Gọi tên các thành phần của phép trừ</i></p> <p>- GV cho HS nhóm đôi sử dụng sgk gọi tên các thành phần của các phép trừ (theo mẫu).</p> <p>- GV sửa bài, đưa thêm một số phép trừ khác: $7 - 5 = 2$, $74 - 43 = 31$, $96 - 6 = 90$,....</p> <p><i>* Viết phép trừ</i></p> <p>- GV cho HS tìm hiểu bài: nhận biết tính hiệu là thực hiện phép trừ, mỗi phép trừ thực hiện hai cách viết (hàng ngang và đặt tính), cần phải viết các phép trừ đó ra bảng con.</p> <p>- GV ví dụ: Tính hiệu của 9 và 5 Phép trừ tương ứng là: $9 - 5 = 4$</p> <p>- GV lần lượt chỉ vào số 9, 5, 4 yêu cầu HS gọi tên các thành phần.</p> <p>C. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách nhận biết tính hiệu và các thành phần của phép tính hiệu</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của</p>	<p>- HS nhắc: 15 và 4, 11</p> <p>- HS hoạt động nhóm đôi gọi tên</p> <p>- HS nghe GV chữa bài, thực hiện phép trừ GV đưa ra.</p> <p>- HS lắng nghe, nắm rõ kiến thức.</p> <p>- HS quan sát GV làm ví dụ</p> <p>- HS nhắc: số bị trừ, số trừ, hiệu</p>
--	---

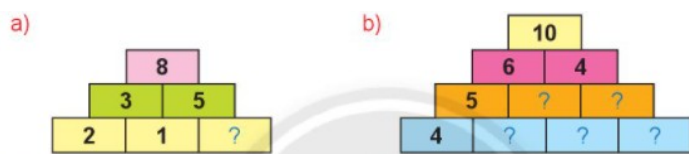
<p>bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc lần lượt từng phép tính, yêu cầu HS thực hiện phép tính ra bảng con. + <i>Tính hiệu: Số bị trừ là 63, số trừ là 20</i> + <i>Tính hiệu: Số bị trừ là 35, số trừ là 15</i> + <i>Tính hiệu: Số bị trừ là 78, số trừ là 52</i> + <i>Tính hiệu: Số bị trừ là 97, số trừ là 6</i> <p>- GV mời 4 bạn HS lên bảng, mỗi bạn thực hiện đặt tính một phép tính.</p> <p>- GV chữa bài cho các em, GV yêu cầu hs gọi tên các thành phần của phép tính.</p> <p>- GV tuyên dương, khen ngợi các bạn đã thực hiện phép tính đúng, trình bày đẹp.</p> <p><i>Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS trả lời câu hỏi: + <i>Yêu cầu của bài là gì?</i> <p>- GV cho HS thực hiện theo nhóm đôi đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe</p> <p>- GV chữa bài, khuyến khích nhiều em HS đọc</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các em HS đọc rõ ràng, đúng</p> <p><i>Nhiệm vụ 2: Hoạt động cặp đôi, hoàn thành BT3</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu bài, nhận biết tính hiệu và thực hiện phép tính trừ. - HS dùng bảng con, thực hiện các phép tính GV giao. <p>- HS lên bảng hoàn thành phép tính.</p> <p>- HS quan sát GV chữa bài, gọi tên từng thành phần của phép tính</p> <p>- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>- HS lắng nghe GV hỏi, HS trả lời: Tính nhẩm</p> <p>- HS hoạt động nhóm đôi theo yêu cầu của GV</p> <p>- HS đọc kết quả các phép tính</p> <p>- HS lắng nghe nhận xét, tuyên dương.</p>
---	---

- GV gọi HS trả lời câu hỏi:

+ *Yêu cầu của bài là gì ? (Số)*

+ *Tìm thế nào?*

- GV vẽ các hình lên bảng, cho HS hoạt động bắt cặp với bạn bên cạnh, thảo luận và tìm những số thích hợp điền vào ô trống



- GV gợi ý cách làm (Dựa vào sơ đồ tách –gộp số, tính từ trên xuống: 8 gồm 3 và 5; 3 gồm 2 và 1. Tiếp theo: 5 gồm 1 và mấy?) Tương tự với câu a, các em làm tương tự câu b.

- GV lấy tinh thần xung phong, gọi HS lên bảng điền vào vị trí còn trống.

- GV chữa bài cho HS, khuyến khích HS giải thích cách làm

- GV nhận xét và khen ngợi tinh thần học tập của các bạn.

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4

- GV gọi HS trả lời câu hỏi:

+ *Yêu cầu của bài là gì? (số)*

+ *Vậy tìm bằng cách nào?*

- GV hướng dẫn cho HS: Dựa vào sơ đồ tách – gộp số, thao tác tách để tìm số thích hợp thay cho dấu ?

- GV yêu cầu HS quan sát mẫu làm tương tự đối

- HS lắng nghe GV hỏi, HS trả lời

- HS quan sát hình, hoạt động cặp đôi

- HS lắng nghe gợi ý cách làm

- HS xung phong lên bảng điền số còn thiếu.

- HS giải thích cách làm của mình

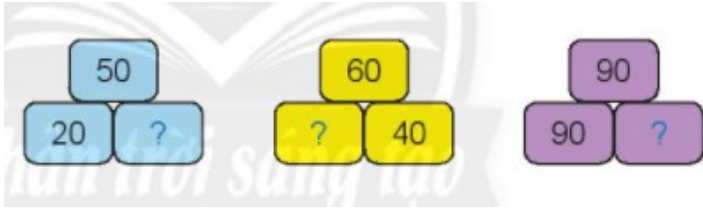
- HS lắng nghe GV nhận xét

- HS lắng nghe GV hỏi, HS trả lời

- HS lắng nghe GV gợi ý cách làm

với bài tập còn lại

+ Lưu ý HS dựa vào cách tách để kiểm tra kết quả



- GV gọi HS đứng dậy trình bày kết quả, GV chữa bài, nhận xét kết quả của HS.

- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành các bài tập 5 trong sgk.

D. CÙNG CỐ

Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua hoạt động hỏi nhanh, đáp nhanh.

Cách tiến hành:

- GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn một phép cộng. Khi GV đưa bảng con ra, HS gọi tên các thành phần của phép tính.

$$10 - 7 = 3$$

$$24 - 13 = 11$$

.....

- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.

- HS làm bài theo mẫu

- HS trình bày kết quả, nghe GV chữa bài

- HS lắng nghe yêu cầu, về nhà hoàn thành BT.

- HS lắng nghe GV trình bày

- HS nêu tên các thành phần

- HS lắng nghe nhận xét

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: NHIỀU HƠN HAY ÍT HƠN BAO NHIÊU (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết nhiều hơn, ít hơn
- Vận dụng GQVĐ liên quan: Tìm xem hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* **Năng lực riêng:** Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học.

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- 20 khối lập phương
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con
- 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát tranh: 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh, lắng nghe câu hỏi của GV



+ *Bạn nào có nhiều kẹo hơn? Nhiều hơn bao nhiêu cái?*

- GV đặt vấn đề: Có thể dùng đồ dùng học tập để thể hiện số kẹo của mỗi bạn. Từ đó dẫn dắt HS vào tìm hiểu bài mới

B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

Mục tiêu: HS nhận biết được nhiều hơn, ít hơn

Cách tiến hành:

Bước 1: Giới thiệu nhiều hơn, ít hơn

- GV yêu cầu HS dùng kinh nghiệm của cuộc sống, chưa cần giải thích:

+ Sử dụng đồ dùng dạy học thể hiện số kẹo của bạn trai, bạn gái. Nhận biết số lớn, số bé, phần chênh lệch

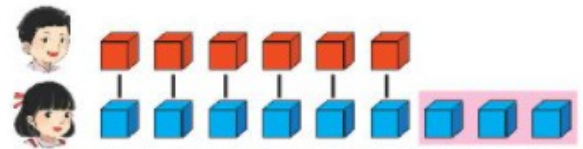
+ Quan sát hình ảnh mô hình kẹo của hai bạn để nhận biết số kẹo chênh lệch của bạn trai và bạn gái

- GV dùng đồ dùng dạy học khái quát quan hệ nhiều hơn, ít hơn:

+ Số kẹo bạn trai là số bé (6).

- HS nghe GV giới thiệu bài mới

- HS sử dụng ĐDDH để thể hiện



+ HS quan sát ảnh nhận biết:

- Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo
- Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo

- HS lắng nghe GV

+ Số kẹo bạn gái là số lớn (9).

+ Số kẹo bạn gái nhiều hơn bạn trai cũng chính là số kẹo bạn trai ít hơn bạn gái (phần chênh lệch).

+ GV đặt câu hỏi: *Nếu không có đồ dùng thay thế số kẹo, ta sẽ làm phép tính như thế nào để biết nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu?*

- GV chỉ vào từng thành phần của phép tính, cho HS nói.

Bước 2: Thực hành

- GV cho HS hoạt động nhóm đôi thực hiện các bài tập 1, 2

Bài 1:



GV cho HS sử dụng đồ dùng học tập, mỗi nhóm lấy số khối lập phương tùy ý, miễn là đảm bảo yêu cầu của bài để thể hiện bạn trai có nhiều hơn bạn gái 2 kẹo

Bài 2:

- GV hướng dẫn mẫu, yêu cầu HS nhận biết việc cần làm

- HS viết ra bảng con: $9 - 6 = 3$ (tìm phần chênh lệch)

- HS nói:

- Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 3 cái kẹo.
- Bạn trai có ít hơn bạn gái 3 cái kẹo.

- HS thực hiện theo nhóm đôi, lấy số khối lập phương để thể hiện

- HS quan sát mẫu, lắng nghe GV hướng dẫn, nhận biết việc cần làm

+ Quan sát hình ảnh.

Nêu số lớn, số bé và số chỉ phần chênh lệch.

+ Thực hiện phép tính để tìm phần chênh lệch.

+ Dùng các từ nhiều hơn, ít hơn để kết luận.

- GV yêu cầu HS bắt cặp với bạn bên cạnh viết phép tính phần a), b) tương tự theo mẫu:



C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách tìm hai nhóm đối tượng nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu qua việc so sánh hai số hơn kém bao nhiêu đơn vị

Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để nhận biết yêu cầu của bài toán

- GV sử dụng phương pháp mảnh ghép tổ chức cho HS luyện tập câu a và câu b

- GV chữa bài cho các em, GV khuyến khích nhiều nhóm HS nói

- GV tuyên dương, khen ngợi các nhóm làm đúng

- HS thảo luận nhóm đôi viết các phép tính

- HS thảo luận nhóm đôi nhận biết đây là bài toán tìm phần chênh lệch.

- HS thảo luận nhóm làm câu a, b r

- HS nói kết quả

- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương.

- HS lắng nghe, ghi nhớ

<p>- GV mở rộng: cách nói về tuổi có thể dùng từ “lớn hơn ... tuổi” hoặc “nhỏ/ bé hơn... tuổi”.</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm, hoàn thành BT2</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi để nhận biết các nhiệm vụ cần làm: cách phổ biến nhất là đo từng băng giấy rồi làm tính trừ (10 em — 6 em = 4 em).</p> <p>- GV cho HS thực hiện theo nhóm đôi tiến hành đo độ dài mỗi băng giấy và viết kết quả</p> <p>- GV gọi các nhóm trình bày, giúp đỡ các em giải thích từng bước làm</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện đúng</p> <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi “Ai nhanh hơn”</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV phổ biến luật chơi:</p> <p>+ GV nói: 8 cái bánh, 1 cái kéo. HS theo nhóm đôi viết phép tính vào bảng con, nhóm nào viết xong trước thì chạy lên đứng trước lớp, giơ bảng cho cả lớp xem và nói:</p> <p>* Bánh nhiều hơn kẹo 7 cái.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm đôi để nhận biết nhiệm vụ cần làm</p> <p>- HS hoạt động nhóm đôi theo yêu cầu của GV</p> <p>- Các nhóm HS trình bày kết quả và các bước làm của nhóm mình</p> <p>- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi</p> <p>- HS nêu tên các thành phần</p>
--	--

<p>* Kẹo ít hơn bánh 7 cái.</p> <p>- GV cho HS bắt cặp theo bàn, tổ chức cho HS chơi trò chơi</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện nhanh nhất, đúng nhất</p>	<p>- HS cả lớp tham gia trò chơi</p> <p>- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương</p>
--	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ôn tập: tên gọi các thành phần của phép tính cộng và phép tính trừ.
- Củng cố ý nghĩa của phép cộng, phép trừ. Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng, phép trừ.
- Sử dụng sơ đồ tách — gộp số để nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học.

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Hình vẽ, tranh ảnh cho bài tập 9
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

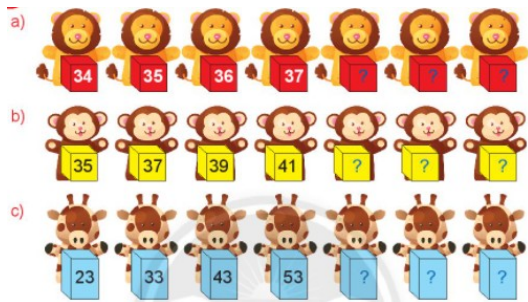
2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p>	

<p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS cả lớp chơi trò chơi: Đố bạn - GV hỏi: Tám mươi bảy gồm mấy chục và mấy đơn vị? + GV hỏi: Gộp 80 và 7 được số nào? - GV cho HS bắt cặp theo nhóm đôi, chơi trò chơi <p>B. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhóm hai tìm hiểu bài, nhận biết: + Yêu cầu của bài: Số + Tìm quy luật của dãy số (câu a thêm 1, câu b thêm 2, câu c thêm 10) - GV yêu cầu HS đếm thêm số điền vào các dấu ?, viết vào bảng con. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp nói: 87 gồm 8 chục và 7 đơn vị hay 80 và 7. + Cả lớp nói: Gộp 80 và 7 được 87 - HS bắt cặp theo nhóm đôi tham gia chò trôi. - HS thảo luận nhóm đôi nhận biết yêu cầu của bài. - HS điền số viết vào bảng con
--	--



- GV gọi 3 HS lên bảng điền số, giải thích tại sao lại điền như vậy?

- GV tuyên dương, khen ngợi HS viết đúng số

Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2

- GV cho HS thảo luận nhóm đôi để tìm hiểu mẫu, nhận biết yêu cầu rồi thực hiện:

- Phân tích cấu tạo số: 73 gồm 70 và 3
- Viết bốn phép tính với ba số 43; 70 và 3

- GV cho HS làm việc nhóm đôi phân tích số dựa vào mẫu:

- HS lên bảng điền số và giải thích:

a) Đếm thêm 1: 34; 35; 36; 37; **38; 39; 40**

b) Đếm thêm 2: 35; 37; 39; 41; **43; 45; 47**

c) Đếm thêm 10: 23; 33; 43; 53; **63; 73; 83**

- HS lắng nghe GV

- HS quan sát mẫu, thảo luận nhóm đôi

- HS thực hiện theo nhóm đôi, phân tích số 36

- HS phân tích: 36 gồm 30 và 6

$$+ 30 + 6 = 36 \qquad 6 + 30 = 36$$

$$+ 36 - 6 = 30 \qquad 36 - 30 = 6$$



- GV gọi HS lên bảng trình bày, phân tích cấu tạo số

- GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, trình bày đẹp

Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân/ nhóm đôi, hoàn thành BT3

- GV chỉ vào từng số trong các phép tính, gọi lần lượt 2 HS gọi tên thành phần trong phép tính

- GV cho HS làm việc nhóm đôi che từng số trong sơ đồ tách – gộp số rồi đọc phép tính để tìm số bị che.

- HS lắng nghe GV nhận xét

- HS gọi tên từng số:

- $34 + 52 = 86$: 34 là số hạng, 52 là số hạng và 86 là tổng
- $86 - 52 = 34$: 86 là số bị trừ, 52 là số bị trừ và 34 là hiệu.

- HS thảo luận nhóm đôi

- HS điền số thích hợp:


$$34 = 86 - 52$$

$$52 = 86 - 34$$


$$86 = 34 + 52$$

- HS lắng nghe


- HS đọc đề nhận biết yêu cầu: Đặt tính rồi tính.



$34 + 52 = 86$



$86 - 34 = 52$



$86 - 52 = 34$

- GV gọi HS lên bảng trình bày, thay dấu ? bằng phép tính thích hợp

- GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, trình bày đẹp

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT4

- GV cho HS đọc đề, tìm hiểu bài để nhận biết yêu cầu của bài

- GV đọc phép tính, cho cả lớp HS thực hiện phép tính vào bảng con

* Lưu ý HS đặt đúng phép tính $8 + 41$

- GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, trình bày đẹp

Nhiệm vụ 5: Hoạt động nhóm đôi hoàn thành BT5

- GV cho HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài và hoàn thành bài

+ Yêu cầu của bài so sánh – điền dấu

- HS thực hiện phép tính vào bảng con:

- HS lắng nghe

- HS hoạt động nhóm đôi theo yêu cầu của GV

- Các nhóm HS trình bày kết quả và các bước làm của nhóm mình

- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương

- HS đọc đề, trả lời câu hỏi của GV

- HS lắng nghe GV hướng dẫn

- GV gọi các nhóm lên bảng trình bày kết quả, giải thích tại sao chọn điền dấu đó

- GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng, giải thích chính xác

Nhiệm vụ 6: Hoạt động nhóm đôi hoàn thành BT6

- GV đặt câu hỏi cho HS tìm hiểu bài:

- Yêu cầu của bài là gì? (Số?)
- Tìm thế nào?

- Gv hướng dẫn HS mẫu:



Tổng hai số cạnh nhau là số ở trên hai số đó dựa vào sơ đồ tách – gộp số: gộp 4 và 5 được 9, hoặc 9 gồm 4 và 5

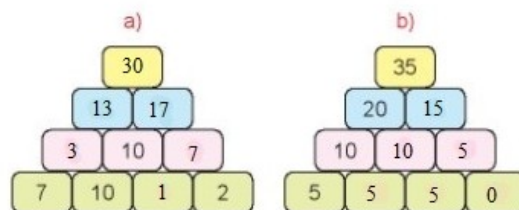
+ GV cho HS thảo luận nhóm đôi thực hiện theo hướng dẫn để làm các phần a), b)

- GV gọi các nhóm lên bảng trình bày kết quả, giải thích cách làm

- GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện

- Thảo luận nhóm đôi điền số, viết vào bảng con

- HS trình bày kết quả và cách làm:



- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương

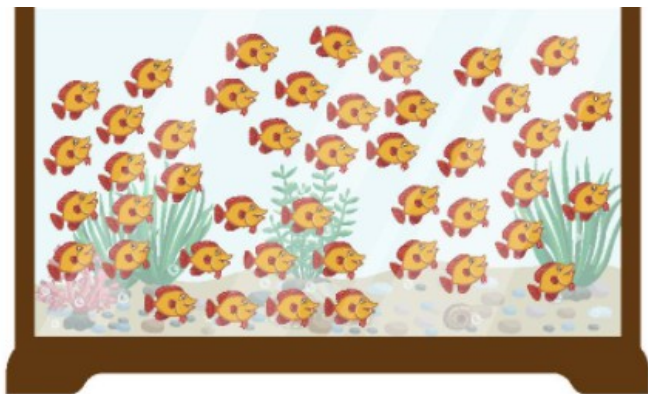
- HS đọc, xác định yêu cầu của bài

- HS viết phép tính vào bảng con

- HS trả lời, giải thích cách làm

Bài 7: Bến xe còn lại $29 - 9 = 20$ ô tô
Chọn phép trừ vì hỏi phần còn lại thì phải tách

Bài 8: Cả ba và mẹ mua $10 + 6 = 16$ cái bánh



- GV sửa bài, gọi các nhóm trình bày cách làm, khuyến khích HS vừa nói vừa thao tác trên hình vẽ được giáo viên treo trên bảng lớp

- GV nhận xét câu trả lời và cách làm của HS, tuyên dương bạn HS có câu trả lời tốt nhất

D. CÙNG CỐ

Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi “Ai nhanh hơn”

Cách tiến hành:

- GV chuẩn bị một số bảng con, trên mỗi bảng con viết sẵn các số gia đình. Khi GV đưa bảng con ra, HS viết các phép tính vào bảng con. (Chơi theo nhóm bốn, mỗi em viết mỗi phép tính cho đủ 2 phép cộng và 2 phép trừ).

Chơi khoảng 3 lần, nhóm nào nhiều lần đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc.

- GV đưa bảng: 24; 13; 11. Các nhóm HS viết phép tính vào bảng con

- HS lắng nghe nhận xét

- HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi

- HS viết phép tính:

$$13 + 11 = 24$$

$$11 + 13 = 24$$

$$24 - 13 = 11$$

$$24 - 11 = 13$$

- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương

<p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện nhanh nhất, đúng nhất</p>	
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: ĐIỂM - ĐOẠN THẲNG (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được điểm và đoạn thẳng.
- Sử dụng thước thẳng để đo và vẽ độ dài các đoạn thẳng không quá 20 cm.
- Làm quen với việc giải quyết vấn đề với các số đo theo đơn vị xăng-ti-mét.
- Thực hành về vị trí, phương hướng.
- Thực hành ước lượng và đếm số lượng của một nhóm đối tượng.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Nhân ái, trách nhiệm (yêu thương và bảo vệ thú vật quý hiếm), yêu nước (thông qua vẻ đẹp của tình Bình Thuận).
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU


1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).
- Thước thẳng có vạch chia thành từng xăng-ti-mét
- Vải gườg sen (nếu có)

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con, phấn, giẻ lau
- Thước thẳng có vạch chia thành từng xăng-ti-mét

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK:  <p>+ <i>Hỏi HS trong tranh có những gì?</i></p> <ul style="list-style-type: none">- GV đặt vấn đề: Để đi từ lều này đến lều kia người ta phải đi theo những dấu chấm tròn. Các chấm này cho ta hình ảnh của các điểm. Sợi dây nối hai chấm tròn trước mỗi cái lều cho ta hình ảnh về đoạn	<ul style="list-style-type: none">- HS quan sát tranh, trả lời câu hỏi của GV - HS nghe GV giới thiệu bài mới

thẳng. Từ đó GV dẫn dắt HS vào tìm hiểu bài mới “Điểm – Đoạn thẳng”.

B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

Mục tiêu: HS nhận biết điểm, đoạn thẳng; đọc tên điểm, đoạn thẳng cho trước; nhận dạng điểm, đoạn thẳng trong thực tế, đo độ dài đoạn thẳng cho trước.

Cách tiến hành:

Bước 1: Giới thiệu điểm và đoạn thẳng

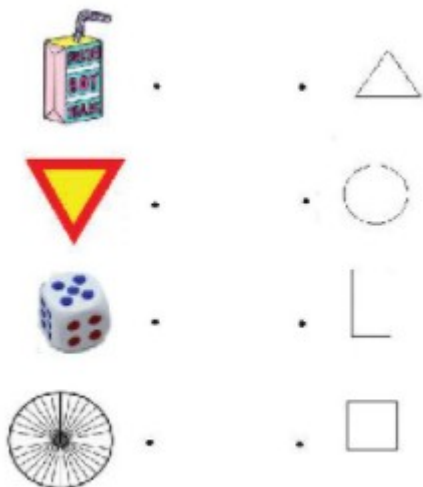
- GV yêu cầu HS thực hiện vẽ theo nội dung sau:

- + Vẽ mắt cho gà con
- + Vẽ cho đủ 6 chấm tròn
- + Vẽ chấm tròn vị trí hồng tâm



+ Chọn từng cặp thích hợp:

- HS lắng nghe thực hiện theo yêu cầu của GV



Bước 2: Giới thiệu cách đọc tên điểm, đoạn thẳng

*** Điểm**

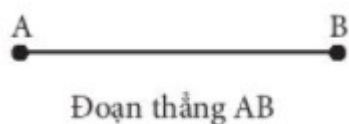
- GV giới thiệu những chấm tròn HS vừa vẽ là hình ảnh của “điểm”. Để phân biệt điểm này với điểm khác người ta dùng các chữ cái A; B; C; D;... để gọi điểm.

- GV vẽ lên bảng hai điểm A và B rồi hướng dẫn HS đọc



*** Đoạn thẳng**

- GV dùng thước vẽ một vạch, nối điểm A và B và giới thiệu: đây là hình ảnh đoạn thẳng.



- HS lắng nghe GV giới thiệu

- HS quan sát hình vẽ của giáo viên và đọc theo hướng dẫn

- HS quan sát và lắng nghe

- GV chỉ vào hình minh họa điểm A, điểm B, đoạn thẳng AB cho HS đọc

Bước 3: Thực hành

Bài 1:

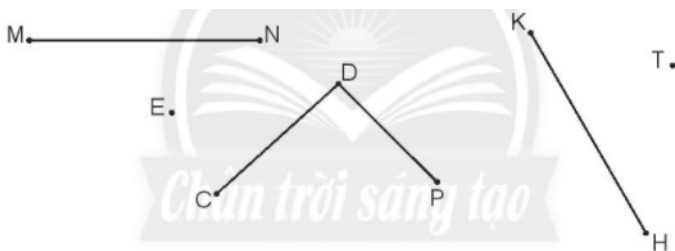
- GV giới thiệu cách đọc tên điểm và đoạn thẳng



+ Thứ tự đọc: không bắt buộc đọc từ đâu, tuy nhiên người ta thường đọc từ trái sang phải, đọc theo thứ tự trong bảng chữ cái, đọc theo chiều kim đồng hồ (đối với hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật) và phải đọc lần lượt, không “nhảy cóc”.

+ Đọc theo tên chữ cái: a, bê, xê, ..., không đọc theo âm: a, bơ, cờ,...

- GV chỉ lần lượt từng điểm, đoạn thẳng cho HS đọc:



Bài 2:

- GV hướng dẫn, lưu ý HS để biết đoạn thẳng DE dài bao nhiêu là đúng thì phải nhìn kỹ số đo đoạn thẳng DE có trên thước đo.

- HS đọc theo GV chỉ: điểm A, điểm B, đoạn thẳng AB

- HS lắng nghe GV giới thiệu cách đọc.

- HS đọc:

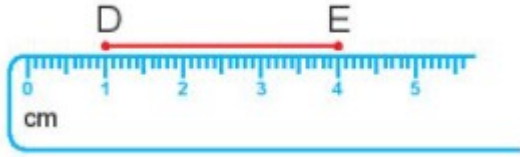
+ Đọc thầm

+ Hai bạn đọc cho nhau nghe

+ Đọc cho cả lớp nghe

- HS lắng nghe GV hướng dẫn

- GV cho HS quan sát hình, nhìn kĩ số đo đoạn thẳng DE và kết luận câu đúng, sai



Bài 3:

- GV yêu cầu HS quan sát hình nhận biết và gọi tên đoạn thẳng có trong hình

- GV hướng dẫn HS dùng thước đo, đo độ dài của các đoạn thẳng, lưu ý:

+ Đặt thước đo đúng, ví dụ: vạch số 0 trùng với điểm A, mép thước trùng với đoạn thẳng.

+ Đọc số đo.

+ Viết số đo vào bảng con.

- GV mở rộng, giúp HS nhận biết tổng số đo hai đoạn thẳng AB và BC là độ dài đoạn thẳng AC.

+ Đoạn thẳng AB dài: 7 cm.

+ Đoạn thẳng BC dài: 3 cm.

+ Đoạn thẳng AC dài: 10 cm.

Bài 4:

- GV hướng dẫn HS hai bước vẽ đoạn thẳng dài 4 cm theo mẫu:

+ Bước 1: Đặt thước đo đúng, chấm một điểm tại

- HS trả lời:

a) Đoạn thẳng DE dài 4 cm: sai.

b) Đoạn thẳng DE dài 3cm: đúng.

- HS nhận biết và gọi tên các đoạn thẳng: đoạn thẳng AB, đoạn thẳng BC, đoạn thẳng AC

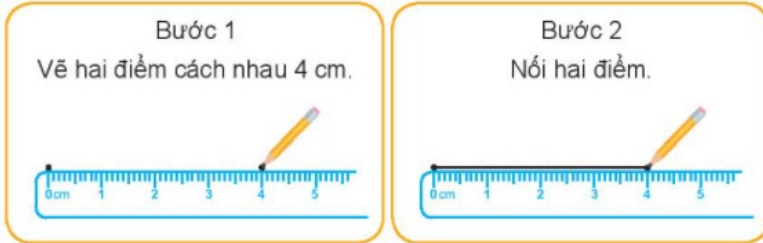
- HS đo độ dài của các đoạn thẳng và ghi vào bảng con.

- HS lắng nghe

- HS lắng nghe

vạch số 0 cm và chấm một điểm tại vạch chỉ 4 cm

+ Bước 2: Nối hai điểm vừa vẽ.



- GV yêu cầu: mỗi HS vẽ một đoạn thẳng dài 10 cm ra bảng con, đặt tên cho đoạn thẳng đó. Sau đó bạn bên cạnh dùng thước để kiểm tra hình vẽ của bạn mình.

C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách đọc tên điểm, đoạn thẳng; đo độ dài của đoạn thẳng cho trước.

Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1

- GV yêu cầu HS ghi số đoạn thẳng của mỗi hình vào bảng con:



- GV sửa bài, gọi một số HS lên bảng chỉ rõ các đoạn có trong hình và đọc tên các đoạn đó

- HS vẽ ra bảng con và thực hiện theo yêu cầu của GV

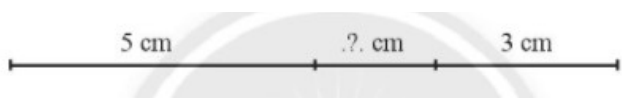
- HS ghi vào bảng con:

+ Hình ABCD: 4 đoạn thẳng

+ Hình LMN: 3 đoạn thẳng

+ Hình RSOTV: 6 đoạn thẳng

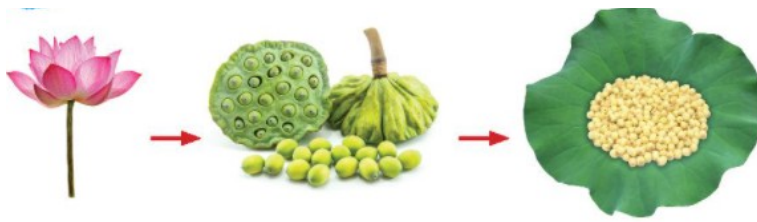
- HS chỉ và đọc tên các đoạn thẳng

<p>- GV nhận xét, tuyên dương các HS chỉ và đọc đúng tên các đoạn thẳng</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2</p> <p>- GV sử dụng hình vẽ minh họa cho HS thảo luận nhóm đôi:</p>  <p>+ Vẽ đoạn thẳng AC dài 10 cm</p> <p>+ Xác định vị trí của mỗi chú sên khi bò được 5cm và 3 cm.</p> <p>+ Đo để biết hai chú sên cách nhau bao nhiêu xăng-ti-mét?</p> <p>- GV sửa bài, gọi một số nhóm trình bày và giải thích cách làm</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện tốt</p> <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi, hoạt động thực tế</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>* Trò chơi “Các bạn đi đâu”</p> <p>- GV phân tích mẫu: đường đi của các bạn gồm các đoạn thẳng, độ dài mỗi đoạn thẳng và hướng đi do người hướng dẫn thông báo.</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện các yêu cầu</p> <p>- Các nhóm trình bày, giải thích cách làm.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS lắng nghe</p>
---	---

- GV cho cả lớp chơi thử một lần
- GV tổ chức chơi theo nhóm, mỗi nhóm chọn một vật để di chuyển. Cả nhóm thực hiện theo hiệu lệnh của người hướng dẫn.

*** Khám phá**

- GV giới thiệu hoa sen, gương sen, hạt sen và công dụng của chúng.



- Giáo viên cho HS quan sát gương sen và nhận biết: mỗi điểm trên gương sen là đầu của một hạt sen. Có bao nhiêu điểm thì có bấy nhiêu hạt sen.



- GV yêu cầu HS ước lượng rồi đếm hạt sen

*** Đất nước em**

- GV cho HS quan sát hình ảnh và giới thiệu: cầu Lê Hồng Phong ở thành phố Phan Thiết — tỉnh Bình Thuận.

- GV đặt câu hỏi: Hình ảnh những dây văng hay dây cáp nối các điểm bên dưới thành cầu với các trụ cầu làm em liên tưởng đến hình ảnh hình học nào?

- HS cả lớp chơi thử
- HS phân theo nhóm, chơi trò chơi theo hiệu lệnh của người hướng dẫn.

- HS lắng nghe GV giới thiệu

- HS quan sát, nhận biết

- HS ước lượng và đếm

- HS quan sát và lắng nghe

<p>- GV giáo dục ý thức bảo vệ vẻ đẹp của những cây cầu dây văng.</p> <p>- GV giới thiệu về cầu Lê Hồng Phong là cây cầu đúc, có dây văng, bắc qua sông Cà Ty là địa điểm du lịch nổi tiếng ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Cầu Lê Hồng Phong được khánh thành đưa vào sử dụng vào tháng 12/2002.</p> <p>- GV yêu cầu HS tìm vị trí tỉnh Bình Thuận trên bản đồ (SGK trang 130).</p> <p>* Hoạt động thực tế</p> <p>- GV yêu cầu HS về nhà tìm các hình ảnh đoạn thẳng.</p>	<p>- HS trả lời: Đoạn thẳng</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS quan sát bản đồ và tìm vị trí của tỉnh Bình Thuận.</p> <p>- HS về nhà tìm hình ảnh các đoạn thẳng</p>
--	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: TIA SỐ - SỐ LIÊN TRƯỚC, SỐ LIÊN SAU (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được tia số.
- Xác định được số điểm trên tia số.
- So sánh được các số dựa trên tia số.
- Làm quen số liền trước, số liền sau, nhận biết quan hệ (lớn hơn, bé hơn) giữa số liền trước và số liền sau qua các trường hợp cụ thể.
- Xác định được số liền trước, số liền sau trên tia số.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất: Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp toán học và tư duy lập luận toán học.

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Tia số, thẻ từ dùng cho bài tập 2

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con
- Thước thẳng có vạch chia thành từng xăng - ti - mét

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi dùng thước thẳng và bút chì vẽ lên giấy một đoạn thẳng dài 10cm (Một bạn vẽ và một bạn kiểm tra) <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết được tia số, số liền trước, số liền sau và vận dụng các kiến thức đó vào thực hành</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Giới thiệu tia số</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS quan sát các hình ảnh SGK trang 28 và nhận biết: + Tính từ dưới lên, số khối lập phương lần lượt là 0, 1, 2, 3, ..., 12. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS bắt cặp theo bàn thực hiện vẽ theo yêu cầu của GV: <hr/> <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình ảnh và nhận biết

+ 1 khối lập phương tương ứng với đoạn thẳng từ 0 đến 1.

2 khối lập phương tương ứng với đoạn thẳng từ 0 đến 2.

12 khối lập phương tương ứng với đoạn thẳng từ 0 đến 12.

0 khối lập phương tương ứng với điểm 0.

+ Đoạn thẳng từ 0 tới 7 tương ứng với 7 khối lập phương

Đoạn thẳng từ 0 tới 10 tương ứng với 10 khối lập phương.

- GV vẽ tia số lên bảng lớp và giới thiệu:

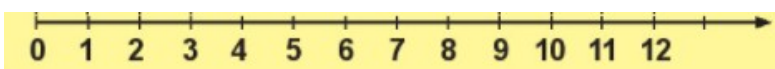
+ Người ta đã dùng tia số (chỉ vào hình) để biểu thị các số.

+ Tia số có các vạch cách đều nhau, mỗi vạch biểu thị một điểm thể hiện cho một số. Tia số bắt đầu từ số 0, cuối cùng có mũi tên.

+ Trên tia số, mỗi số khác 0 lớn hơn các số bên trái và bé hơn các số bên phải của nó.

+ Nhiều khi tia số dài quá nên người ta chỉ vẽ một phần của tia số (HS quan sát hình ảnh các tia số trong phần thực hành — SGK trang 29).

- GV cho HS đọc các số trên tia số phần bài học



- GV chọn một vài cặp số liền nhau trên tia số, yêu cầu HS dùng các từ “số liền trước, số liền sau” để




- HS lắng nghe GV giới thiệu

- HS đọc các số trên tia số

<p>nói.</p> <p>Ví dụ: Số liền trước của 8 là 7</p> <p>Số liền sau của 7 là 8</p> <p>Bước 2: Thực hành</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu, viết được các số thích hợp trên tia số và xác định được các số liền trước, liền sau (số ô có dấu ?) - GV yêu cầu HS đọc các số sau đó đọc cho bạn bên cạnh nghe và đọc cho cả lớp nghe - GV sửa bài, gọi một số HS trình bày, yêu cầu HS giải thích cách làm. - GV nhận xét, tuyên dương <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn giúp HS nhận biết: Trên tia số, số bên trái bé hơn số bên phải, số bên phải lớn hơn số bên trái. Yêu cầu mỗi HS chỉ vào hai số 37, 40 và so sánh. - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, nhìn vào tia số và so sánh, viết vào bảng con: <p>46 và 39 38 và 41</p> <p>40 và 45 39 và 36 44 và 42</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV sửa bài, gọi một số HS lên bảng so sánh và giải thích cách làm dựa vào nhận xét trên - GV nhận xét, tuyên dương 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc theo yêu cầu của GV - HS nêu và viết số vào bảng con - HS đọc các số theo yêu cầu của GV - HS trình bày, giải thích cách làm - HS lắng nghe - HS quan sát lắng nghe. + Mỗi HS, tay trái chỉ vào số 37, tay phải chỉ vào số 40 và nói: 37 bé hơn 40; 40 lớn hơn 37 - HS so sánh và viết vào bảng con: <p>46 > 39 38 < 41</p> <p>40 < 45 39 > 36 44 > 42</p>
--	--

<p>Bài 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS chơi theo nhóm đôi: + GV viết số bất kì trên bảng lớp. Ví dụ 24. + Tổ 1 và tổ 2: viết thêm số liền trước của số đó vào bảng con (24 23) Tổ 3 và tổ 4: viết thêm số liền sau của số đó vào bảng con (24 25) + Viết thêm dấu để so sánh hai số: <p>Ví dụ: $24 > 23$ hoặc $24 < 25$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS chơi: + A: Viết số tùy thích + B: Viết số liền trước hoặc số liền sau của số bạn A vừa viết. - GV gọi vài nhóm đưa bảng lên trước lớp, cả lớp đọc và nhận xét <p>C. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại kiến thức về tia số, số liền trước, số liền sau.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân nhận biết yêu 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày và giải thích - HS lắng nghe - HS lắng nghe GV hướng dẫn - HS làm việc nhóm đôi, thực hiện theo hướng dẫn của GV. - Các nhóm đưa bảng, HS cả lớp nhận xét: + HS nhận biết: số liền trước bé hơn số liền sau, số liền sau lớn hơn số liền trước.
---	---

<p>cầu và hoàn thành bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi chò chơi tiếp sức, ghi các kết quả vào bảng phụ - GV cho HS cả lớp nhận xét, sau đó GV nhận xét - GV mở rộng: <ul style="list-style-type: none"> + Một số thêm 1 đơn vị được số liền sau. + Một số bớt 1 đơn vị được số liền trước. <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, thay số liền trước hay số liền sau vào các dấu ?, sau đó viết vào bảng con. - GV dùng các thẻ từ ghi sẵn cụm từ “số liền trước”, “số liền sau” gắn vào chỗ chấm trên bảng lớp. Yêu cầu HS các nhóm lên bảng thực hiện và giải thích vì sao chọn cụm từ đó. <p>VD: 31 là số liền sau của 30 vì 31 bớt 1 được 30 (hoặc 30 thêm 1 được 31)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập - HS chơi trò chơi, ghi kết quả ra bảng phụ: <ul style="list-style-type: none"> a) Số liền sau của 9 là 10. Số liền trước của 25 là 24. Số liền sau của 81 là 82. b) Số liền trước của 10 là 9. Số liền trước của 69 là 68. Số liền sau của 47 là 48. - HS lắng nghe nhận xét - HS lắng nghe, ghi nhớ - HS thảo luận nhóm đôi, viết kết quả vào bảng con - HS các nhóm lên bảng thực hiện: <ul style="list-style-type: none"> a) 31 là số liền sau của 30 vì 31 bớt 1 được 30 b) 30 là số liền trước của 31 vì 30
---	--

<p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện tốt</p> <p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm, hoàn thành BT3</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, sau đó thảo luận trong nhóm 4, trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Nhà của mỗi bạn màu gì?</p> <p>- GV hướng dẫn HS các nhóm nhìn tia số để xác định số liền trước, số liền sau, số lớn hơn 75 nhưng bé hơn 77.</p> <p>- GV gọi các nhóm trình bày kết quả và giải thích cách làm</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác và giải thích đúng</p>	<p>thêm 1 đơn vị được 31</p> <p>c) 58 là số liền trước của 59 vì 58 thêm 1 được 59</p> <p>d) 100 là số liền sau của 99 vì 100 bớt 1 được 99</p> <p>- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- HS thảo luận nhóm để trả lời</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS các nhóm trình bày</p> <p>+ Số nhà của Châu Châu là số 72, nhà màu </p> <p>+ Số nhà của Bướm là số 70, nhà màu </p> <p>+ Số nhà của Bọ Rùa là số 76, nhà màu </p> <p>- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương</p>
---	--

<p>D. CÙNG CỐ</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi “Tìm bạn”</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS viết số bất kì trong phạm vi 100 vào bảng con. - GV ra hiệu lệnh, các em đi tìm bạn có số liền trước hoặc số liền sau với số của mình trong 1 phút + Những cặp HS nào tìm được nhau thì đứng trước lớp giới thiệu <p>VD: Tôi là 33, 32 là số liền trước của 33, 32 đứng bên trái của 33 trên tia số (hoặc: Tôi là 33, 32 là số liền sau 32, 33 đứng bên phải của 32 trên tia số)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện nhanh nhất, đúng nhất 	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết số vào bảng con - HS nghe hiệu lệnh, tìm bạn và đứng trước lớp giới thiệu. - HS lắng nghe nhận xét, tuyên dương
--	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: ĐỀ - XI - MÉT (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được đơn vị đo độ dài đề-xi-mét: tên gọi, kí hiệu, cách đọc, cách viết; độ lớn.
- Thực hiện được việc ước lượng và đo độ dài bằng thước thẳng với đơn vị đo là đề-xi-mét trên một số đồ vật quen thuộc như sách giáo khoa, bàn học, đồ dùng học tập (phạm vi 100 cm).
- So sánh độ dài của gang tay với 1 dm, 2 dm.
- Làm quen với việc giải quyết vấn đề với các số đo theo đơn vị đề-xi-mét, xăng-ti-mét (trong phạm vi 100).
- Sử dụng mối quan hệ giữa hai đơn vị đề-xi-mét và xăng-ti-mét để chuyển đổi đơn vị đo.
- Thực hiện các phép tính cộng, trừ với các đơn vị đo độ dài đã học.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- Thước thẳng có vạch chia từng xăng-ti-mét (thước dài 15cm)

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- Thước thẳng có vạch chia thành từng xăng - ti – mét (thước dài 15cm)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p><i>* Tạo tình huống: nhu cầu xuất hiện đơn vị đo chuẩn</i></p> <p>- GV phát cho các nhóm băng giấy có chiều dài 30cm, yêu cầu HS: nêu cách đo chiều dài băng giấy đã cho.</p> <p>+ Dùng gang tay đo khoảng gần 3 gang tay → sẽ không biết chính xác dài bao nhiêu.</p> <p>+ Dùng thước đo theo đơn vị xăng-ti-mét.</p> <p>+ $15\text{cm} + 15\text{cm}$ → chưa học cách cộng có nhớ.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm</p>

<p>+ 10cm + 10cm + 10 cm = 30 cm → cộng từng chục.</p> <p>- GV nêu nhu cầu xuất hiện đơn vị đo mới: Để đo được độ dài bằng giấy, chúng ta phải thực hiện các phép cộng các số đo theo xăng-ti-mét, có khi gặp phải các phép cộng chưa biết cách thực hiện. Vậy phải sử dụng một đơn vị đo mới lớn hơn xăng-ti-mét để thuận tiện khi đo.</p> <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết được đơn vị đo độ dài (dm), dụng cụ đo độ dài và cách đo độ dài bằng thước thẳng có vạch chia xăng-ti-mét.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Giới thiệu đơn vị đo độ dài (dm) và dụng cụ đo độ dài (thước thẳng của HS có vạch chia thành từng xăng – ti – mét)</p> <p>- GV giới thiệu:</p> <p>+ Tên gọi: Đơn vị đo mới chính là đề-xi-mét</p> <p>+ Đề-xi-mét là một đơn vị đo độ dài (cả thế giới đều dùng).</p> <p>- GV cho HS đọc lại nhiều lần</p> <p>- GV giới thiệu kí hiệu của đề-xi-mét: viết tắt là dm, đọc là đề-xi-mét.</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hành làm bài tập 1: viết và đọc trên bảng có nền kẻ ô: 1 dòng dm, 2dm, 7m, 12dm</p> <p>- GV yêu cầu HS vẽ hai đoạn thẳng 1 cm và 10 cm trên bảng con.</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS lắng nghe GV giới thiệu</p> <p>- HS đọc: đề-xi-mét (nhiều lần)</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS viết và đọc</p> <p>- HS vẽ trên bảng con theo hướng dẫn của GV</p>
---	---

+ GV giới thiệu độ lớn của đề-xi-mét: $1 \text{ dm} = 10 \text{ cm}$, $10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}$.

+ GV hướng dẫn HS

+ Dùng đầu bút chì kéo từ vạch 0 cm đến vạch 10 cm hoặc cho tay chạm trên đoạn thẳng 10 em vừa vẽ để cảm nhận độ lớn 1 dm, đọc 1 dm.

+ Đo độ dài viên phấn nguyên đề cảm nhận độ lớn 1 đề-xi-mét gần bằng chiều dài viên phấn.

Bước 2: Giới thiệu cách đo độ dài bằng thước thẳng có vạch chia thành từng xăng – ti – mét

a) GV Giới thiệu cách đo trên một mẫu vật cụ thể (băng giấy ban đầu) trên bảng lớp. HS quan sát và thực hiện theo.

- GV giới thiệu cách đo:

+ Cầm thước: Các số ở phía trên.

Số 0 phía ngoài cùng, bên trái.

+ Đặt thước: Vạch 0 của thước trùng với một đầu của băng giấy.

Mép thước sát mép (cần đo) của băng giấy (luôn kiểm tra xem có đặt đứng thước theo hai yêu cầu trên không).

+ Đọc số đo: Đầu còn lại của băng giấy trùng vạch số 10 trên thước thì đọc số đo theo vạch đó (1 đề-xi-mét). Làm dấu tại vạch 10, tiếp tục nhắc thước lên và thực hiện tương tự để có 2 đề-xi-mét. Và cuối cùng lần 3, HS đọc 3 đề-xi-mét.

- HS lắng nghe và ghi nhớ

- HS lắng nghe, quan sát và thực hiện theo giáo viên vào bảng con

<p>+ Viết số đo: 3 dm.</p> <p>b) Thực hành đo</p> <p>* Đo gang tay và sử dụng ngôn ngữ diễn đạt</p> <p>- GV hướng dẫn HS đặt gang tay lên thước thẳng để xác định “gang tay em dài bao nhiêu cm”</p> <p>- GV yêu cầu HS xác định gang tay của mình so với 1 dm; 2 dm qua việc sử dụng cụm từ “dài hơn”, “ngắn hơn” hay “dài bằng”. HS nêu được lí do dựa vào mối quan hệ giữa đề-xi-mét và xăng-ti-mét.</p> <p>* Ước lượng</p> <p>- GV cho HS tập ước lượng chiều rộng và chiều dài quyển sách Toán 2 bằng mắt để có kết luận:</p> <p>+ Chiều rộng khoảng 2 dm.</p> <p>+ Chiều dài khoảng 2 dm.</p> <p>- Sau khi ước lượng và ghi lại kết quả, GV yêu cầu HS dùng thước để kiểm tra tính chính xác khi ước lượng bằng mắt.</p> <p>+ Nếu kết quả sai lệch nhiều quá thì cần cảm nhận lại độ lớn 1 dm qua hình ảnh chiều dài viên phấn để hướng dẫn ước lượng lại.</p> <p>- GV lưu ý HS:</p> <p>+ Kết quả ước lượng thường dùng từ “khoảng” (vì không biết có chính xác không).</p> <p>+ Khi kiểm tra lại cần chú ý cách đặt thước.</p>	<p>- HS đo xác định gang tay của mình dài bao nhiêu cm rồi ghi vào bảng con.</p> <p>- HS so gang tay của mình với 1dm; 2dm và giải thích lí do.</p> <p>- HS ước lượng chiều dài và chiều rộng quyển sách Toán 2 bằng mắt.</p> <p>- HS dùng thước đo để kiểm tra tính chính xác khi ước lượng bằng mắt</p> <p>- HS lắng nghe và ghi nhớ</p>
--	--

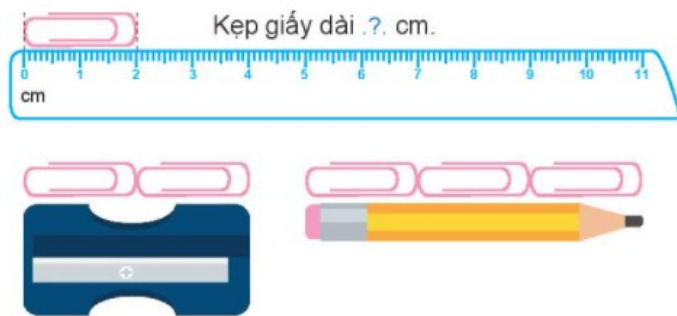
C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại kiến thức về đơn vị đo đề-xi-mét

Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1

- GV gợi ý cho HS nhìn hình vẽ thước có vạch chia xăng-ti-mét trong SGK để xác định kẹp giấy dài bao nhiêu xăng-ti-mét.



+ Với dụng cụ gọt bút chì gồm 2 kẹp giấy như thế thì dụng cụ độ dài bao nhiêu xăng-ti-mét.

+ Với cây bút chì có độ dài gồm 3 kẹp giấy như thế thì bút chì dài bao nhiêu xăng-ti-mét.

- GV gọi 1 số HS đọc số đo của kẹp giấy, dụng cụ gọt bút chì và bút chì và giải thích kết quả

- GV nhận xét, tuyên dương các HS có câu trả lời đúng

- HS lắng nghe

- HS thực hiện phép cộng với đơn vị đo xăng-ti-mét để trả lời câu hỏi.

- HS làm tương tự như dụng cụ gọt bút chì.

- HS trình bày:

+ Kẹp giấy dài 2cm

+ Dụng cụ gọt bút chì dài: 2cm

+ 2cm = 4cm

+ Bút chì dài 2cm + 2cm + 2cm

Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2

- GV cho HS thực hiện các phép tính có kèm tên đơn vị đo độ dài đã học.

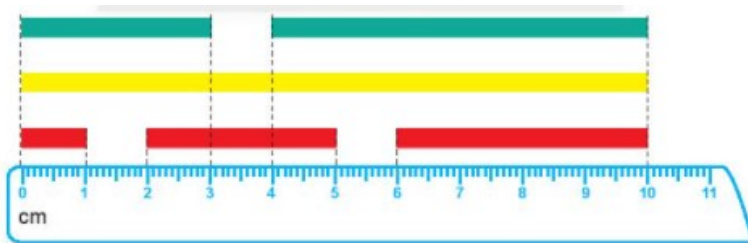
- GV gọi 4 HS lên bảng thực hiện các phép tính. Cả lớp nhận xét

- GV nhận xét, tuyên dương các bạn thực hiện phép tính đúng và nhanh

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT3

- GV tổ chức cho HS tìm hiểu bài và giới thiệu: đây là ba băng giấy màu xanh, đỏ, vàng đã bị cắt ra thành từng đoạn và yêu cầu tính xem trước khi cắt mỗi băng giấy dài bao nhiêu xăng-ti-mét. Qua đó sẽ so sánh được băng giấy nào dài nhất và băng giấy nào ngắn nhất.

- GV yêu cầu HS dựa trên hình ảnh minh họa trong SGK, suy nghĩ để tìm ra cách giải quyết vấn đề.



- GV sửa bài, gọi các nhóm trình bày cách giải quyết vấn đề (khuyến khích các nhóm trình bày nhiều cách giải quyết).

= 6cm

- HS lắng nghe

- HS thực hiện phép tính, viết kết quả vào bảng con

- HS lên bảng thực hiện:

a) $6\text{ cm} + 3\text{ cm} = 9\text{ cm}$

$10\text{ dm} - 4\text{ dm} = 6\text{ dm}$

b) $3\text{ cm} + 7\text{ cm} - 9\text{ cm} = 1\text{ cm}$

$8\text{ dm} - 6\text{ dm} + 8\text{ dm} = 10\text{ dm}$

- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương

- HS tìm hiểu bài và lắng nghe GV giới thiệu

- HS thảo luận nhóm 4, quan sát hình ảnh minh họa và viết số đo các băng giấy ra bảng con.

- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương

<p>- GV nhận xét phần trình bày và kết luận của HS</p> <p>Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4</p> <p>- GV hướng dẫn HS dựa vào mối quan hệ giữa xăng-ti-mét và đề-xi-mét để điền số</p> <p>- GV yêu cầu HS điền các số vào dấu ?, thực hiện vào bảng con.</p> <p>- GV sửa bài, gọi 2 HS lên bảng làm các phần a), b). Yêu cầu HS nêu rõ mối quan hệ giữa hai đơn vị cần đổi.</p>	<p>- HS các nhóm trình bày:</p> <p>* Dự kiến cách giải quyết vấn đề của HS.</p> <p>+ Cách 1: Đo độ dài từng đoạn của mỗi băng giấy rồi cộng lại.</p> <p>+ Cách 2: Băng giấy đầu tiên lấy 10 cm - 1 cm; băng giấy thứ ba lấy 10 cm - 2 cm.</p> <p>+ Cách 3: Đếm từng xăng-ti-mét trên mỗi băng giấy.</p> <p>+ Cách 4: “Nối” từng băng giấy lại với nhau bằng một sợi dây rồi đo sợi dây đó.</p> <p>- HS lắng nghe nhận xét</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS viết số cần điền vào bảng con</p> <p>- HS lên bảng thực hiện:</p> <p>a) 1 dm = 10 cm</p> <p>2 dm = 20 cm</p>
---	--

<p>- GV nhận xét kết quả và tuyên dương HS có kết quả chính xác nhất</p> <p>Nhiệm vụ 5: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT5</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu bài, trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Bài cho biết gì?</p> <p>+ Bài hỏi gì?</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện yêu cầu của bài toán.</p> <p>- GV gọi các nhóm thông báo kết quả, cả lớp nhận xét</p> <p>- GV nhận xét kết quả và tuyên dương các nhóm HS thực hiện tốt</p> <p>Nhiệm vụ 6: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT6</p> <p>- GV tổ chức hai bạn chơi cùng với nhau: một bạn nêu ước lượng; bạn còn lại dùng thước đo để kiểm tra.</p> <p>- GV gọi một số cặp báo cáo kết quả và nhận xét</p> <p>D. CÙNG CỐ</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã</p>	<p>$7 \text{ dm} = 70 \text{ cm}$</p> <p>b) $10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}$</p> <p>$20 \text{ cm} = 2 \text{ dm}$</p> <p>$50 \text{ cm} = 5 \text{ dm}$</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS suy nghĩ cách làm để trả lời câu hỏi:</p> <p>+ Biết anh cao 15dm, em cao 12dm</p> <p>+ Hỏi anh cao hơn em bao nhiêu đề-xi-mét và em thấp hơn anh bao nhiêu đề-xi-mét?</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi</p> <p>- Các nhóm báo cáo kết quả:</p> <p>+ Anh cao hơn em 3 dm</p> <p>+ Em thấp hơn anh 3 dm</p> <p>- Hs lắng nghe</p> <p>- HS bắt cặp theo bàn thực hiện</p> <p>- Các nhóm báo cáo kết quả của</p>
--	--

<p>học thông qua hoạt động thực tế</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV yêu cầu HS về nhà tập ước lượng bằng mắt một số đồ dùng gia đình theo đơn vị đề-xi-mét, ghi nhận để tiết học sau trao đổi với các bạn trong tổ</p>	<p>nhóm và lắng nghe GV nhận xét</p> <p>- HS về nhà thực hiện</p>
---	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ôn tập:

+ Thực hiện các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 100.

+ Thực hành tính trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ.

+ Nhận biết các hình tam giác, hình chữ nhật, hình dạng khối lập phương, khối hình hộp chữ nhật.

+ Xác định thứ tự các số trên tia số, số liền trước; số liền sau, số có hai chữ số.

- Thực hành đo độ dài với đơn vị đo xăng-ti-mét, đề-xi-mét.

- Biết giải quyết vấn đề trong bài toán thực tế.

2. Năng lực

** Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

** Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất)

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- Thước thẳng có vạch chia thành từng xăng - ti - mét

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- Thước thẳng có vạch chia thành từng xăng - ti - mét

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV tổ chức cho HS cả lớp chơi trò chơi: Truy tìm ẩn số</p> <p>VD: GV viết lên bảng hai nhóm số:</p> <p>10; 11; 12; 13; 14</p> <p>21; 22; 23; 24; 25</p> <p>- Chọn một bạn đi tìm ẩn số (bạn A); các HS khác tham gia (B) cung cấp thông tin cho người tìm (các bạn tham gia đã thống nhất chọn một số</p>	<p>- HS lắng nghe GV phổ biến cách chơi</p>

<p>trong hai nhóm trên).</p> <p>* Luật chơi: Người tìm chỉ được hỏi nhiều nhất 5 câu, người được hỏi chỉ được phép gật đầu hoặc lắc đầu.</p> <p>Ví dụ:</p> <p>A: Số đó có số chục là 2? - B lắc đầu.</p> <p>A: Số đó bé hơn 11? — B lắc đầu.</p> <p>A: Số đó lớn hơn 12 và bé hơn 14? — B lắc đầu.</p> <p>A: Số đó liền trước số 12? — B lắc đầu.</p> <p>A: Số đó liền sau số 13? — B gật đầu.</p> <p>—> A đoán được số phải tìm là số 14.</p> <p>- GV cho HS bắt cặp theo nhóm đôi, chơi trò chơi</p> <p>B. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán, thực hành đo độ dài với đơn vị đo xăng-ti-mét, đề-xi-mét.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1</p> <p>- GV cho HS quan sát tờ lịch, đồng hồ và trả lời câu hỏi:</p>	<p>- HS bắt cặp theo nhóm đôi tham gia trò chơi.</p> <p>- HS xem tranh và viết kết quả ra bảng con</p>
---	--



- + Trên tờ lịch là thứ mấy, ngày bao nhiêu?
- + Hà vẽ xong bức tranh tặng mẹ lúc mấy giờ?
- GV gọi một số HS trả lời câu hỏi. Cả lớp nhận xét
- GV tuyên dương, khen ngợi HS trả lời đúng

Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2

- GV tổ chức hai em cùng nhau đo cánh tay, bàn chân theo đơn vị xăng-ti-mét. Sau đó, ước chừng khoảng bao nhiêu đề-xi-mét.
- GV yêu cầu HS chia sẻ với cả lớp về kết quả đo được.

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3

- GV cho từng cá nhân đọc yêu cầu đề bài.
- + Tìm nhà cho Sóc.

- HS trả lời:

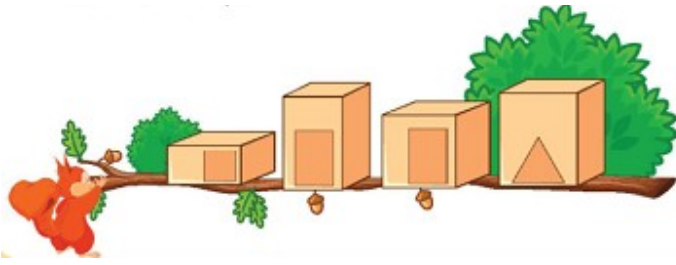
- a) Thứ tư, ngày 20
- b) 8 giờ

- HS lắng nghe GV

- HS làm việc nhóm đôi, thực hành đo và viết kết quả ra bảng con.
- HS chia sẻ kết quả đo

- HS đọc đề bài

- HS lắng nghe GV nhận xét



- GV yêu cầu cá nhân HS suy nghĩ, sau đó chia sẻ trong nhóm đôi

+ GV gợi ý HS quan sát từng đặc điểm ngôi nhà để nhận ra ngôi nhà của Sóc

- GV gọi một số nhóm trình bày đáp án, và giải thích kết quả

- GV nhận xét, tuyên dương nhóm HS có câu trả lời chính xác

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT4

- GV yêu cầu HS điền các số vào dấu ?, rồi viết kết quả ra bảng con sau đó chia sẻ kết quả với bạn kế bên

- GV sửa bài, gọi một số HS đọc kết quả và giải thích cách làm

- GV nhận xét, tuyên dương các HS điền đúng các số

Nhiệm vụ 5: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT5

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, tính các kết quả của phép tính ra bảng con

- HS suy nghĩ, thảo luận nhóm đôi tìm ra ngôi nhà của Sóc.

- Các nhóm trình bày đáp án:

+ Ngôi nhà thứ hai (từ trái sang phải)


- HS lắng nghe

- HS viết ra bảng con

- HS đọc kết quả

- HS lắng nghe

- HS tính các kết quả và viết ra bảng

<p>- GV gọi 3 HS lên bảng thực hiện các phép tính</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng các phép tính</p> <p>Nhiệm vụ 6: Hoạt động nhóm bốn hoàn thành BT6</p> <p>- GV cho HS quan sát hình ảnh, đọc và xác định yêu cầu của bài toán</p>  <p>+ Tìm thùng đựng số quyển sách quyên góp của mỗi lớp.</p> <p>- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, sau đó chia sẻ trong nhóm 4, tìm thùng đựng số quyển sách quyên góp của mỗi lớp</p> <p>- GV sửa bài, gọi một số nhóm trình bày kết quả</p>	<p>con</p> <p>- HS lên bảng viết kết quả:</p> <p>$73 + 5 = 78$; $45 - 22 = 23$</p> <p>$36 + 23 = 59$; $89 - 6 = 83$</p> <p>$70 + 20 - 40 = 50$; $96 - 36 + 20 = 80$</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS quan sát, đọc đề bài</p> <p>- HS thảo luận nhóm</p> <p>- Các nhóm trình bày kết quả:</p> <p>+ Số liền sau của 39 là 40. Vậy thùng đựng số sách quyên góp của lớp 2A là thùng màu xanh lá.</p> <p>+ Số liền trước của 39 là 38. Vậy thùng đựng số sách quyên góp của</p>
---	---

<p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm HS có kết quả chính xác, giải thích đúng cách làm</p> <p>Nhiệm vụ 7: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT 7</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề và suy nghĩ để viết phép tính ra bảng con</p> <p>- GV sửa bài, gọi 1 vài HS lên bảng trình bày phép tính và nói câu trả lời</p> <p>- GV nhận xét câu trả lời và cách làm của HS, tuyên dương bạn HS có câu trả lời tốt nhất</p>	<p>lớp 2B là thùng màu cam.</p> <p>+ Số 51 khi đọc có tiếng “mốt”. Vậy thùng đựng số sách quyên góp của lớp 2C là thùng màu đỏ.</p> <p>+ Thùng còn lại màu xanh dương là thùng đựng số sách quyên góp của lớp 2D.</p> <p>- HS lắng nghe GV nhận xét, tuyên dương</p> <p>- HS đọc đề, viết phép tính ra bảng con</p> <p>- HS trả lời, giải thích cách làm</p> <p>Bà ngoại nuôi $37 - 6 = 31$ con gà mái</p> <p>Chọn phép trừ vì hỏi số con gà còn lại thì phải trừ</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM
Tìm hiểu về chiều cao của cây ở trường em
(1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ôn tập: Biết được cách so sánh chiều cao của vật
- Có hiểu biết về đặc điểm một số loại cây có trong trường

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

*** Năng lực riêng:** Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: có trách nhiệm (bảo vệ, chăm sóc cây làm sân trường xanh, sạch, đẹp), yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống; Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- Thước thẳng có vạch chia thành từng xăng - ti - mét

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- Thước thẳng có vạch chia thành từng xăng - ti - mét

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV tổ chức cho HS cả lớp chơi trò chơi: Kết bạn, để cuối cùng được 6 nhóm 6 HS</p> <p>B. THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS thực hành đo chiều cao của cây</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Hoạt động ngoài lớp học (20 phút)</p> <p>- GV giao nhiệm vụ cho 5 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu về 3 cây có trong sân trường với những công việc sau:</p> <p>+ Ghi tên các loại cây đó.</p> <p>+ So sánh chiều cao của cây (cây nhóm đã chọn) với chiều cao của em hoặc so sánh với chiều cao tòa nhà,</p>	<p>- HS cả lớp chơi trò chơi.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, ghi kết quả vào bảng con.</p>

<p>Bước 2: Hoạt động trong lớp học (15 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm vụ 1: GV gọi đại diện các nhóm trình bày, chia sẻ cho các bạn cùng nghe về chiều cao của một loại cây mà nhóm đã chọn để so sánh. (Căn cứ thực tế của trường - GV nghiên cứu trước: chiều cao của cây so với chiều cao tòa nhà, trường học, ...). - Nhiệm vụ 2: GV cho cả lớp thảo luận để tìm ra cây cao nhất trong sân trường. - GV tổng hợp kết quả của các nhóm, nhận xét, đánh giá, tuyên dương các nhóm HS thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao <p>C. CÙNG CỐ</p> <p>Mục tiêu: Giới thiệu đến HS thành phố Hải Phòng và củng cố lại kiến thức bằng hoạt động thực tế</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>* Đất nước em</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu thành phố Hải Phòng. Tại thành phố này, cây hoa phượng đỏ được trồng rộng rãi khắp nơi, và sắc hoa đặc trưng trên những con phố đã khiến Hải Phòng được biết đến với tên gọi thành phố hoa phượng đỏ. Hoa phượng thường nở vào mùa hè, trùng với thời điểm kết thúc năm học, do đó còn được gọi là “hoa học trò”. - GV yêu cầu HS tìm vị trí Hải Phòng trên bản 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đại diện các nhóm chia sẻ kết quả của nhóm mình trước lớp - HS cả lớp thảo luận tìm ra cây cao nhất - HS lắng nghe - HS lắng nghe GV giới thiệu - HS quan sát bản đồ SGK trang 130,
---	--

<p>đồ (SGK trang 130).</p> <p>* Hoạt động thực tế</p> <p>- GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu về chiều cao một số cây xung quanh khu nhà em ở.</p>	<p>tìm vị trí của thành phố Hải Phòng</p> <p>- HS về nhà tìm hiểu</p>
--	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 10

(1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ôn tập:

- + Tái hiện bảng cộng có tổng bằng 10, thực hiện các phép cộng trong bảng.
- + Thực hiện các phép cộng không qua 10 trong phạm vi 20.
- + Sử dụng đồ dùng học tập, thể hiện số trong phạm vi 20 (theo cấu tạo thập phân).

2. Năng lực

* **Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* **Năng lực riêng:** Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).
- Tích hợp: Tiếng Việt

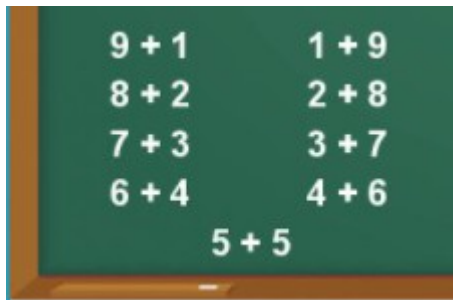
II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

+ HS 2 viết sơ đồ tách – gộp số theo cách tách của HS 1.

+ HS 3 viết hai phép cộng theo sơ đồ tách – gộp số

- GV tổng hợp rồi viết các phép tính tổng bằng 10 lên bảng:

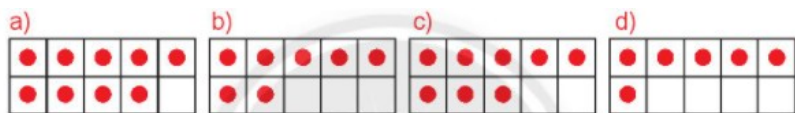


- GV che kết quả, số hạng, gọi HS khôi phục lại bảng cộng

Bước 2: Luyện tập: Các phép cộng bằng 10 và phép cộng không qua 10 trong phạm vi 20

*** Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT1**

- GV cho HS tìm hiểu bài, nhận biết mỗi bảng đều có 10 ô vuông, số chấm tròn cần thêm chính là số ô còn trống.



- GV sửa bài, gọi 4 HS nói kết quả theo mẫu: “Đã có ... chấm tròn, cần thêm ... chấm tròn cho đủ 10 chấm tròn ”

- GV nhận xét, tuyên dương các bạn nói đúng, to và rõ ràng

- HS quan sát GV viết

- HS đọc các số đã bị GV che để khôi phục lại bảng cộng

- HS tìm hiểu, nhận biết

- HS nói kết quả theo mẫu

- HS lắng nghe nhận xét

<p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS dựa vào bảng hoặc mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ để điền số vào dấu ? - GV yêu cầu HS điền số, viết vào bảng con - GV sửa bài, gọi 4 HS lên bảng viết số cần điền - GV nhận xét phần trình bày của HS 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS viết số cần điền vào bảng con - HS lên bảng thực hiện: $7 + 3 = 10 \qquad 10 = 8 + 2$ $9 + 1 = 10 \qquad 10 = 6 + 4$
<p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT3</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc đề, nhận biết cách làm: tính từ trái sang phải - GV yêu cầu HS tính các phép tính và viết vào bảng con. - GV sửa bài, gọi 4 HS lên bảng tính các phép tính, lưu ý HS nói theo hai cách. <p>Ví dụ: $9 + 1 = ?$ $10 + 8 = ?$ hay có 1 chục và 8 đơn vị, ta có số mấy?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét kết quả và tuyên dương HS có kết quả chính xác nhất 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS đọc đề và nhận biết - HS tính và viết vào bảng con - HS trình bày kết quả: $9 + 1 + 7 = 10 + 7 = 17$ $6 + 4 + 2 = 10 + 2 = 12$ $7 + 3 + 6 = 10 + 6 = 16$ $8 + 2 + 5 = 10 + 5 = 15$ <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe nhận xét
<p>Nhiệm vụ 4: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT4</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS bắt cặp theo bàn, tự tìm hiểu bài và thực hiện - GV gọi các nhóm trình bày kết quả, khuyến khích 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận cặp đôi

<p>HS giải thích cách làm:</p> <p>Ví dụ:</p> <p>+ Bắt đầu từ hàng trên, chọn hình A và hình K vì:</p> <p>Hình A có 4 con chó, hình K có 6 con chó, $4 + 6 = 10$.</p> <p>+ Bắt đầu từ hàng dưới, chọn hình E và hình C vì:</p> <p>Hình E có 7 con chó, hình C có 3 con chó, $7 + 3 = 10$.</p> <p>- GV nhận xét kết quả và tuyên dương các nhóm HS thực hiện tốt</p> <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi hỏi nhanh – đáp gọn</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV ra các câu hỏi:</p> <p>+ 6 thêm mấy được 10?</p> <p>+ Có 1 chục và 7 đơn vị, ta được số mấy?</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.</p>	<p>- HS các nhóm trình bày và giải thích kết quả</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS trả lời nhanh</p> <p>- HS lắng nghe nhận xét</p>
---	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: 9 CỘNG VỚI MỘT SỐ (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được phép tính $9 + 5$
- Khái quát hóa được cách tính 9 cộng với một số
- Vận dụng:
 - + Thực hiện tính nhẩm 9 cộng với một số (cộng qua 10 trong phạm vi 20)
 - + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng để kiểm chứng cách tính 9 cộng với một số.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- 20 khối lập phương



2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con
- 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Hỏi nhanh – đáp gọn- GV đưa ra các câu hỏi:<ul style="list-style-type: none">+ 9 thêm mấy được 10?+ 6 gồm 1 và mấy? 8 gồm 1 và mấy?.....+ Có 1 chục và 4 đơn vị, ta được số mấy?- GV tổng kết, dẫn dắt HS vào bài mới.	<ul style="list-style-type: none">- HS trả lời nhanh, chính xác các câu hỏi của GV- HS lắng nghe
<p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS thực hiện được phép tính $9 + 5$ và các phép tính 9 cộng với một số.</p>	

<p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Thực hiện phép tính $9 + 5$</p> <p>- GV cho HS thảo luận theo nhóm 4:</p> <p>* Bước 1: Tìm hiểu vấn đề</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc câu hỏi, quan sát hình ảnh, nhận biết vấn đề cần giải quyết.</p> <p>* Bước 2: Lập kế hoạch</p> <p>- GV cho HS thảo luận cách tính $9 + 5$, có thể dùng các công cụ hỗ trợ như các khối lập phương, ngón tay, hình vẽ,.....</p> <p>(Khi giáo viên hỏi, HS chỉ cần thông báo làm bằng cách đếm hoặc tính)</p> <p>* Bước 3: Tiến hành kế hoạch</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con</p> <p>- GV gọi 1 vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm</p>	<p>- HS thảo luận, nhận biết vấn đề:</p> <p>$9 + 5 ?$</p> <p>- HS thảo luận, thống nhất cách tính</p> <p>- Các nhóm viết phép tính ra bảng con</p> <p>- Các nhóm trình bày. Có thể xảy ra một số tình huống:</p> <p>+ Đếm: Đếm từ 1 đến 14</p> <p style="padding-left: 40px;">Đếm từ 9 đến 14</p> <p style="padding-left: 40px;">Đếm từ 5 đến 14</p> <p>+ Tính:</p> <p>Tách 1 ở 5, gộp với 9 cho đủ chục rồi lấy 10 cộng với 4.</p> <p>Tách 5 ở 9, gộp với 5 cho đủ chục</p>
--	--

<p>* Bước 4: Kiểm tra lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giúp HS kiểm tra: • Kết quả • Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết $9 + 5$? <p>Bước 2: Giới thiệu 9 cộng với một số</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV thể hiện phép tính bằng hình ảnh trực quan:  <ul style="list-style-type: none"> + GV giới thiệu, giúp HS cảm nhận về số: số các khối lập phương có tất cả nhiều hơn 10, nên ta có số lớn hơn 10. • Số lớn hơn 10 nên nghĩ ngay tới chục và đơn vị. • Ta tách 1 khối lập phương ở 5 khối lập phương gộp với 9 khối lập phương cho đủ chục.  <p>Có 1 chục và 4 đơn vị, có số 14</p> <p>Vậy $9 + 5 = 14$</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV vừa viết vừa nói: Muốn lấy 9 cộng với một số, ta tách 1 ở số sau, cộng với 9 cho đủ chục rồi cộng lại. 	<p>rồi lấy 10 cộng với 4.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe GV - HS quan sát hình ảnh - HS lắng nghe - HS lắng nghe
--	---



+ Ta tách 1 ở số sau để làm gì?

+ Ta luôn **Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại**

C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học

Cách tiến hành:

*** Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT1**

- GV cho HS tìm hiểu bài, và thực hiện các phép tính vào bảng con
- GV gọi 3 HS lên bảng thực hiện các phép tính
- GV sửa bài, giúp HS nhận biết $9 + 1 + 6 = 9 + 7$

Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2

- GV yêu cầu đọc đề, nhận biết các phép tính
- GV đặt câu hỏi:
- + Muốn cộng 9 với một số ta làm thế nào?

- HS trả lời: Để gộp với 9 cho đủ chục
- HS lặp lại nhiều lần

- HS tính các phép tính vào bảng con
- HS lên bảng thực hiện các phép tính
- HS lắng nghe

- HS nhận biết: các phép tính trong bài đều là 9 cộng với một số
- HS trả lời

<ul style="list-style-type: none">+ <i>Làm sao để đủ chục?</i>- GV yêu cầu HS thực hiện tính nhẩm, đọc kết quả- GV sửa bài, thường xuyên nhắc cho HS cách cộng 9 với một số	<ul style="list-style-type: none">+ Gộp đủ chục rồi cộng với số còn lại+ Tách 1 số ở sau - HS đọc kết quả- HS lắng nghe
---	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: 8 CỘNG VỚI MỘT SỐ (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được phép tính $8 + 5$
- Khái quát hóa được cách tính 8 cộng với một số
- Vận dụng:
 - + Thực hiện tính nhẩm 8 cộng với một số, 9 cộng với một số (cộng qua 10 trong phạm vi 20)
 - + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng để kiểm chứng cách tính 8 cộng với một số.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- 20 khối lập phương

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Hỏi nhanh – đáp gọn- GV đưa ra các câu hỏi:<ul style="list-style-type: none">+ 8 thêm mấy được 10?+ 6 gồm 2 và mấy? 5 gồm 2 và mấy?.....+ Có 1 chục và 3 đơn vị, ta được số mấy?- GV tổng kết, dẫn dắt HS vào bài mới. <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS thực hiện được phép tính $8 + 5$ và các phép tính 8 cộng với một số.</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS trả lời nhanh, chính xác các câu hỏi của GV- HS lắng nghe

<p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Thực hiện phép tính $8 + 5$</p> <p>- GV cho HS thảo luận theo nhóm 4:</p> <p>* Bước 1: Tìm hiểu vấn đề</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc câu hỏi, quan sát hình ảnh, nhận biết vấn đề cần giải quyết.</p> <p>* Bước 2: Lập kế hoạch</p> <p>- GV cho HS thảo luận cách tính $8 + 5$, có thể dùng các công cụ hỗ trợ như các khối lập phương, ngón tay, hình vẽ,.....</p> <p>(Khi giáo viên hỏi, HS chỉ cần thông báo làm bằng cách đếm hoặc tính)</p> <p>* Bước 3: Tiến hành kế hoạch</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con</p> <p>- GV gọi 1 vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm</p>	<p>- HS thảo luận, nhận biết vấn đề:</p> <p>$8 + 5 ?$</p> <p>- HS thảo luận, thống nhất cách tính</p> <p>- Các nhóm viết phép tính ra bảng con</p> <p>- Các nhóm trình bày. Có thể xảy ra một số tình huống:</p> <p>+ Đếm: Đếm từ 1 đến 13</p> <p style="padding-left: 40px;">Đếm từ 8 đến 13</p> <p style="padding-left: 40px;">Đếm từ 5 đến 13</p> <p>+ Tính:</p> <p>Tách 2 ở 5, gộp với 8 cho đủ chục rồi lấy 10 cộng với 3.</p> <p>Tách 5 ở 8, gộp với 5 cho đủ chục</p>
--	--

*** Bước 4: Kiểm tra lại**

- GV giúp HS kiểm tra:

- Kết quả
- Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết $8 + 5$?

Bước 2: Giới thiệu 8 cộng với một số

- GV thể hiện phép tính bằng hình ảnh trực quan:



+ GV giới thiệu, giúp HS cảm nhận về số: số các khối lập phương có tất cả nhiều hơn 10, nên ta có số lớn hơn 10.

- Số lớn hơn 10 nên nghĩ ngay tới chục và đơn vị.
- Ta tách 2 khối lập phương ở 5 khối lập phương gộp với 8 khối lập phương cho đủ chục.



Có 1 chục và 3 đơn vị, có số 13

Vậy $8 + 5 = 13$

- GV vừa viết vừa nói: Muốn lấy 8 cộng với một số ta làm sao?



rồi lấy 10 cộng với 3.

$8 + 5 = 13$ vì “ít hơn” $9 + 5$ là 1.

- HS lắng nghe GV

- HS quan sát hình ảnh

- HS lắng nghe

- HS trả lời:

+ Tách 2 ở số sau, cộng với 8 cho đủ chục rồi cộng số còn lại.

<p>+ Ta tách 2 ở số sau để làm gì?</p> <p>+ Ta luôn Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại</p> <p>C. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành</p> <p>* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT1</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu bài, và thực hiện các phép tính vào bảng con</p> <p>- GV gọi 3 HS lên bảng thực hiện các phép tính</p> <p>- GV sửa bài, giúp HS nhận biết $8 + 2 + 3 = 8 + 5$</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2</p> <p>- GV yêu cầu đọc đề, nhận biết các phép tính</p> <p>- GV đặt câu hỏi:</p> <p>+ <i>Làm sao để đủ chục?</i></p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện tính nhẩm, đọc kết quả</p> <p>- GV sửa bài, thường xuyên nhắc cho HS cách cộng 8 với một số</p> <p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm 4, hoàn thành BT3</p> <p>- GV yêu cầu đọc đề, nhận biết các phép tính</p> <p>+ Các phép cộng ở mỗi gà mẹ có tổng bằng bao</p>	<p>+ Để gộp với 8 cho đủ chục</p> <p>- HS lặp lại nhiều lần</p> <p>- HS tính các phép tính vào bảng con</p> <p>- HS lên bảng thực hiện các phép tính</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS nhận biết: các phép tính trong bài đều là 8 cộng với một số</p> <p>- HS trả lời</p> <p>+ Tách 2 ở số sau</p> <p>- HS đọc kết quả</p>
--	---

<p>nhiều thì trứng gà mẹ mang số đó</p> <p>+ Lưu ý không nhầm lẫn khi cộng với một số và 8 với một số</p> <p>- GV chia HS thành hai đội, thi đua tìm trứng cho gà và sửa tiếp sức</p> <p>- GV tổng kết, nhận xét</p> <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV yêu cầu HS phân biệt 9 cộng với một số và 8 cộng với một số.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc để và nhận biết</p> <p>- HS hoạt động nhóm, thi đua với nhau</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS phân biệt:</p> <p>+ Giống nhau: Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại</p> <p>+ Khác nhau: Tách 1 ở số sau – Tách 2 ở số sau</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: 7 CỘNG VỚI MỘT SỐ, 6 CỘNG VỚI MỘT SỐ (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được phép tính $7 + 5$, $6 + 5$
- Khái quát hóa được cách tính 7 cộng với một số, 6 cộng với một số
- Vận dụng:
 - + Thực hiện tính nhẩm 7 cộng với một số, 6 cộng với một số (cộng qua 10 trong phạm vi 20)
 - + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng để kiểm chứng cách tính 7 cộng với một số, 6 cộng với một số.
- Phân biệt cách tính 9, 8, 7, 6 cộng với một số.
- Nhận biết tính chất giao hoán của phép cộng qua 10 trong phạm vi 20 qua các trường hợp cụ thể, vận dụng so sánh kết quả các phép cộng.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- 30 khối lập phương

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Hỏi nhanh – đáp gọn- GV đưa ra các câu hỏi:<ul style="list-style-type: none">+ 7 thêm mấy được 10?+ 6 thêm mấy được 10?+ Nói cách cộng 8 với một số, 9 cộng với một số.	<ul style="list-style-type: none">- HS trả lời nhanh, chính xác các câu hỏi của GV

- GV tổng kết, dẫn dắt HS vào bài mới.

B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

Mục tiêu: HS thực hiện được phép tính $7 + 5$, $6 + 5$ và khái quát hóa cách cộng qua 10 trong phạm vi 20

Cách tiến hành:

Bước 1: Thực hiện phép tính $7 + 5$, $6 + 5$

- GV cho HS thảo luận theo nhóm 4, mỗi nửa lớp thực hiện một phép tính.

*** Bước 1: Tìm hiểu vấn đề**

- GV yêu cầu HS đọc câu hỏi, quan sát hình ảnh, nhận biết vấn đề cần giải quyết.

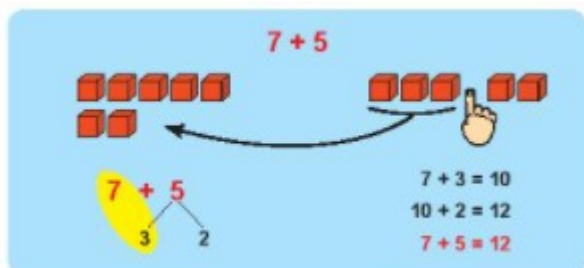
*** Bước 2: Lập kế hoạch**

- GV cho HS thảo luận cách tính

+ Hướng dẫn HS áp dụng Làm cho đủ chục rồi cộng với số còn lại, có thể không cần dùng dụng cụ hỗ trợ

*** Bước 3: Tiến hành kế hoạch**

- GV yêu cầu các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con

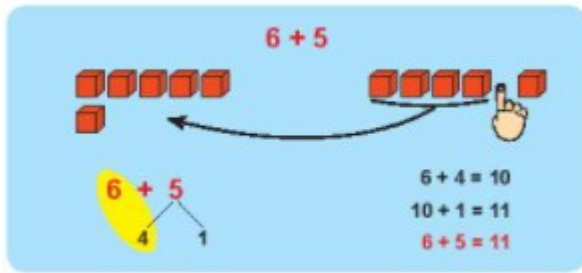


- HS lắng nghe

- HS thảo luận, nhận biết vấn đề:
 $7 + 5 ? (6 + 5 = ?)$

- HS thảo luận, thống nhất cách tính

- Các nhóm viết phép tính ra bảng con



- GV gọi 1 vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm

*** Bước 4: Kiểm tra lại**

- GV giúp HS kiểm tra:

- Kết quả
 - Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết $7 + 5$?
- $6 + 5 = ?$

Bước 2: Khái quát hóa cách cộng qua 10 trong phạm vi 20

- GV chia lớp thành hai đội, một đội nêu yêu cầu, đội còn lại trả lời

- GV khái quát hóa:

- Giới thiệu thuật ngữ: Trên đây là các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20

- Các nhóm trình bày.

- HS lắng nghe GV

- Các đội thực hiện theo yêu cầu của GV:

- 9 cộng với một số -> 9 cộng 1 rồi cộng số còn lại
- 8 cộng với một số -> 8 cộng 2 rồi cộng số còn lại
- 7 cộng với một số -> 7 cộng 3 rồi cộng số còn lại
- 6 cộng với một số -> 6 cộng 4 rồi cộng số còn lại

- HS lắng nghe

- Cộng các số qua 10 trong phạm vi 20 đều có chung cách làm: **Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại** (GV viết lên bảng)

C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học

Cách tiến hành

*** Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT1**

- GV cho HS tìm hiểu bài, nhận biết cách cộng và thực hiện vào bảng con

VD: $7 + 4 = 7 + .?. + 1$

- Tại sao 7 cộng 4 được viết thành 7 cộng .?. rồi cộng 1? (Do 4 tách thành .?. và 1)
- 4 gồm 3 và 1, vậy ta thay 3 vào .?.

- GV gọi 2 HS lên bảng thực hiện các phép tính

- GV sửa bài, hỏi HS: Khi lấy 7 cộng với 1 số, tại sao tách 1 ở số sau?

- GV nhận xét, tuyên dương HS thực hiện đúng và nhanh

- HS tìm hiểu, thực hiện các phép tính ra bảng con

- HS lên bảng thực hiện các phép tính:

a) $7 + 4 = 7 + 3 + 1$

$$7 + 7 = 7 + 3 + 4$$

b) $6 + 5 = 6 + 4 + 1$

$$6 + 6 = 6 + 4 + 2$$

- HS lắng nghe, trả lời: gộp 7 với 1 không đủ chục

- HS lắng nghe

Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2

- GV yêu cầu đọc đề, nhận biết các phép tính
- GV yêu cầu HS thực hiện tính nhẩm, đọc kết quả
- GV sửa bài, thường xuyên nhắc cho HS cách cộng 7 hoặc 6 với một số

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3

- GV yêu cầu đọc đề, nhận biết:
 - + *Làm sao để biết mèo con nào của mèo mẹ?*
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, tính để tìm mèo con cho mèo mẹ
- GV gọi một số nhóm đọc kết quả
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có câu trả lời đúng

Nhiệm vụ 4: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT4

- GV phân tích mẫu:



- + *Tại sao có phép tính $9 + 5$?*
- Tại sao có phép tính $5 + 9$?*
- + *So sánh kết quả hai phép tính*
- + *Để tính $5 + 9$, thường người ta tính $9 + 5$*
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành

- HS nhận biết: các phép tính trong bài đều là 7 hoặc 6 cộng với một số

- HS đọc kết quả

- HS lắng nghe

- HS đọc đề và nhận biết

- HS thảo luận nhận biết: tổng của hai số ở mỗi mèo mẹ là số của mèo con

- HS các nhóm đọc kết quả

- HS lắng nghe

- HS quan sát, trả lời:

+ 9 hình tròn xanh và 5 hình tròn vàng

5 hình tròn vàng và 9 hình tròn xanh

<p>phần a), b) theo mẫu</p> <p>- GV sửa bài, lưu ý HS: $7 + 6 = 6 + 7$; $6 + 5 = 5 + 6$</p> <p>+ Tổ chức cho HS chơi trò chơi nói phép tính tiếp theo.</p> <p>GV: 4 cộng 8 bằng ...</p> <p>.....</p> <p>- GV tổng kết, nhận xét</p> <p>Nhiệm vụ 5: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT5</p> <p>- GV cho HS đọc đề và tiến hành tính nhẩm, viết kết quả ra bảng con</p> <p>- GV gọi một số HS lên bảng thực hiện các phép tính</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS tính đúng và nhanh nhất.</p> <p>Nhiệm vụ 6: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT6</p> <p>- GV cho HS đọc đề và nhận biết cách làm</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành bài tập</p> <p>- GV sửa bài, gọi 1 số nhóm lên bảng trình bày và giải thích cách làm</p>	<p>+ So sánh: $9 + 5 = 5 + 9$</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi, viết kết quả ra bảng con</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- Cả lớp tham gia chò trôi</p> <p>+ HS: 8 cộng 4</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS tính nhẩm, có thể thực hiện theo các cách khác nhau</p> <p>Ví dụ: $4 + 9$</p> <ul style="list-style-type: none"> • $4 + 6 + 3$ • $4 + 9 = 9 + 4$ <p>- HS lên bảng thực hiện</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc và nhận biết: tính và so sánh</p> <p>- HS thảo luận nhóm</p> <p>- HS trình bày và giải thích:</p> <p>Ví dụ: $9 + 2$ và $3 + 9$</p>
---	---

<p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm trình bày đẹp, giải thích đúng</p> <p>Nhiệm vụ 7: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT7</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu bài và tìm cách làm:</p> <p>+ Đọc yêu cầu của bài</p> <p>+ Đếm số quả chuối ở một đĩa (lấy đĩa A làm mẫu)</p> <p>Đĩa A có 8 quả chuối, 8 cộng mấy bằng 12?</p> <p>Ta phải tìm đĩa có 4 quả chuối</p> <p>=> Đĩa A và đĩa G có tổng số quả chuối là 12.</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành bài tập</p> <p>- GV sửa bài, gọi 1 số nhóm đọc kết quả</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm đọc đúng đáp án</p> <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV yêu cầu HS phân biệt 9, 8, 7 hoặc 6 cộng với một số.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • $9 + 2 = 11, 3 + 9 = 9 + 3 = 12,$ $11 < 12$ nên $9 + 2 < 3 + 9$ • Hoặc: Hai tổng có số hạng 9, số hạng còn lại $2 < 3$ nên $9 + 2 < 3 + 9$ <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc đề và trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> • $8 + 4 = 12$ • Đĩa G <p>- HS thảo luận nhóm đôi</p> <p>- HS đọc đáp án:</p> <p>A và G, B và E, C và D</p> <p>- HS lắng nghe</p>
---	---

<p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS phân biệt:+ Giống nhau: Gộp cho đủ chục rồi cộng với số còn lại+ Khác nhau: Tách 1, 2, 3 hoặc 4 ở số sau- HS lắng nghe
---	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: BẢNG CỘNG (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20
- Vận dụng bảng cộng:
- + Tính nhẩm
- + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, làm quen với tính chất giao hóa và kết quả của phép cộng qua các trường hợp cụ thể.
- + Tính độ dài đường gấp khúc
- + Giải toán

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Bảng cộng qua 10 chưa hoàn chỉnh.

$9 + 2 =$								
$9 + 3 =$	$8 + 3 =$							
$9 + 4 =$		$7 + 4 =$						
	$8 + 5 =$	$7 + 5 =$						
$9 + 6 =$	$8 + 6 =$		$6 + 6 =$	$5 + 6 =$				
$9 + 7 =$		$7 + 7 =$	$6 + 7 =$					
	$8 + 8 =$	$7 + 8 =$		$5 + 8 =$	$4 + 8 =$	$3 + 8 =$		
$9 + 9 =$	$8 + 9 =$	$7 + 9 =$	$6 + 9 =$	$5 + 9 =$	$4 + 9 =$	$3 + 9 =$	$2 + 9 =$	

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Gió thổi - GV: Gió thổi, gió thổi! - GV: Thổi cách cộng qua 10 trong phạm vi 20 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Thổi gì, thổi gì? - HS: Gộp cho đủ chục rồi cộng với

- GV: 9 cộng với một số?

- GV tổng kết, dẫn dắt HS vào bài mới.

B. THỰC HÀNH

Mục tiêu: HS thực hành với bảng cộng

Cách tiến hành:

Bước 1: Khôi phục bảng cộng

- GV cho HS quan sát tổng quát bảng cộng (chưa hoàn chỉnh), nhận biết quy luật sắp xếp của bảng.

- GV yêu cầu HS bổ sung các phép cộng còn thiếu

- GV gọi HS đọc các phép cộng theo cột, theo hàng, theo màu, GV viết vào bảng

- Với mỗi cột, GV hỏi cách cộng một vài trường hợp:

+ Tại sao $9 + 7 = 16$?

+ Tại sao $8 + 9 = 17$?

.....

$9 + 2 = 11$									
$9 + 3 = 12$	$8 + 3 = 11$								
$9 + 4 = 13$	$8 + 4 = 12$	$7 + 4 = 11$							
$9 + 5 = 14$	$8 + 5 = 13$	$7 + 5 = 12$	$6 + 5 = 11$						
$9 + 6 = 15$	$8 + 6 = 14$	$7 + 6 = 13$	$6 + 6 = 12$	$5 + 6 = 11$					
$9 + 7 = 16$	$8 + 7 = 15$	$7 + 7 = 14$	$6 + 7 = 13$	$5 + 7 = 12$	$4 + 7 = 11$				
$9 + 8 = 17$	$8 + 8 = 16$	$7 + 8 = 15$	$6 + 8 = 14$	$5 + 8 = 13$	$4 + 8 = 12$	$3 + 8 = 11$			
$9 + 9 = 18$	$8 + 9 = 17$	$7 + 9 = 16$	$6 + 9 = 15$	$5 + 9 = 14$	$4 + 9 = 13$	$3 + 9 = 12$	$2 + 9 = 11$		

- GV yêu cầu nhận xét sự liên quan giữa số hạng

số còn lại.

- HS: 9 cộng 1 rồi cộng số còn lại

- HS lắng nghe

- HS quan sát nhận biết quy luật: mỗi cột là một bảng cộng, trong mỗi cột: số hạng đầu không đổi, số hạng sau tăng dần.

- HS bổ sung: $9 + 5, 9 + 8, 8 + 4, \dots$

- HS đọc đầy đủ cả kết quả: $9 + 2 = 11, \dots$

- HS trả lời:

• $9 + 1$ rồi cộng 6 hay em thuộc bảng,.....

• $8 + 9 = 9 + 8 = 17$ hoặc $8 + 2 + 7 = 7$

thứ hai trong mỗi cột với chữ số chỉ đơn vị của tổng và khuyến khích HS giải thích.

VD:

$$\begin{array}{cc} \begin{array}{c} -1 \\ \text{┌───┴───┐} \\ 9 + 5 = 14 \end{array} & \begin{array}{c} -2 \\ \text{┌───┴───┐} \\ 8 + 5 = 13 \end{array} \end{array}$$

- GV giải thích tại sao các tổng trong các ô cùng màu lại bằng nhau.

Ví dụ: $9 + 2 = 8 + 3$

GV giải thích trên một tình huống cụ thể:

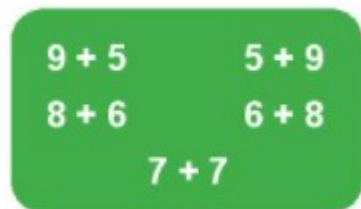
Túi bên trái có 9 viên bi, túi bên phải có 2 viên bi. Lấy 1 viên bi ở túi bên trái sang túi bên phải, tổng số viên bi không thay đổi

Bước 2: Thực hành với bảng cộng

- GV cho HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành bài tập 1 SGK

a) GV cho HS đọc SGK và thực hiện theo hướng dẫn

b) GV lưu ý HS chỉ cần thực hiện các phép cộng có trong bảng, hoàn thành phần b) theo hướng dẫn



9 + 5	5 + 9
8 + 6	6 + 8
7 + 7	

- HS nhận xét và giải thích

- HS lắng nghe GV

- HS bắt cặp với bạn bên cạnh thực hiện theo hướng dẫn.

- HS bắt cặp với bạn ngồi cùng bàn thực hiện theo hướng dẫn.

C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học

Cách tiến hành

*** Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân hoàn thành**

BT1

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân tính nhẩm kết quả các phép tính ra bảng con

- GV sửa bài, gọi một số HS đọc kết quả, yêu cầu HS giải thích

- GV nhận xét, tuyên dương HS thực hiện đúng và nhanh

Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành

BT2

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu mẫu nhận biết yêu cầu của đề

- GV yêu cầu HS tìm số chim tất cả

- GV viết các phép tính phần b) lên bảng gọi một số HS lên thực hiện, các HS còn lại viết kết quả ra bảng con

- GV sửa bài, lưu ý HS có thể chọn cách tính thuận tiện: $6 + 5 + 4$, ta có thể tính tổng 6 cộng 4 trước, rồi cộng với 5

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành

- HS tính nhẩm, viết kết quả ra bảng con

- HS đọc kết quả, giải thích: Kết quả có thể dựa vào bảng hoặc áp dụng cách cộng qua 10 trong phạm vi 20.

- HS lắng nghe

- HS thảo luận nhận biết: cần phải thực hiện tính toán để tìm số chim

- HS tính số chim tất cả:

$$8 + 4 + 3 = 15$$

- HS lên bảng thực hiện các phép tính

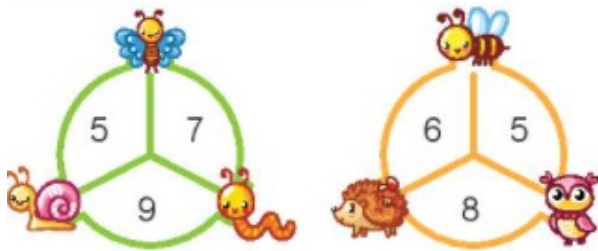
- HS lắng nghe

BT3

- GV yêu cầu HS tìm hiểu mẫu, nhận biết: Tổng hai số trong khung hình là số tương ứng ở ngoài.



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bốn, làm tương tự với hai bài tập còn lại



- GV sửa bài, chia thành các đội sửa tiếp sức. GV hỏi cách làm của một vài trường hợp

- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có câu trả lời đúng

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành

BT4

- GV hướng dẫn HS dựa vào bảng cộng để điền các số vào dấu ?

- GV gọi một số HS đọc kết quả

- GV tổng kết, nhận xét

Nhiệm vụ 5: Hoạt động cá nhân, hoàn thành

BT5

- HS quan sát mẫu để nhận biết

- HS thảo luận nhóm 4, hoàn thành



- HS sửa tiếp sức

- HS lắng nghe

- Hs dựa vào bảng cộng để thực hiện

- HS đọc kết quả

<p>- GV cho HS tìm hiểu và điền dấu thích hợp vào dấu ?</p> <p>- GV gọi 3 HS lên bảng viết kết quả, giải thích cách làm</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS tính đúng và nhanh nhất.</p> <p>Nhiệm vụ 6: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT6</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bài và thực hiện</p> <p>- GV hướng dẫn HS có thể thực hiện bằng cách thử chọn lần lượt hoặc suy luận</p> <p>$7 +$  $< 7 + 2$</p> <p>Bọ rùa phải che số bé hơn 2 nên ta chọn số 1</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc kết quả của phép tính còn lại</p> <p>$9 +$  $> 8 + 3$</p> <p>- GV nhận xét</p> <p>Nhiệm vụ 7: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT7</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm 4, nhận biết yêu cầu của bài và tìm cách giải quyết</p> <p>- GV hướng dẫn HS: có thể tính tổng hoặc dựa vào</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS dựa vào tính toán hoặc cảm nhận về số để thực hiện</p> <p>Ví dụ: $2 + 8 = 10$ nên $3 + 8 > 10$</p> <p>- HS lên bảng viết kết quả và giải thích:</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thảo luận thực hiện</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc kết quả</p> <p>- HS lắng nghe</p>
---	--

mối quan hệ giữa tổng và số hạng: Mỗi tổng đều có số hạng 9, kết quả lớn hay bé tùy thuộc vào số hạng còn lại.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, đổi chỗ các tấm bài để các tổng được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn



- GV gọi một số nhóm trình bày kết quả và giải thích cách làm

- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm có đáp án đúng giải thích chính xác.

Nhiệm vụ 8: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT8

- GV giải thích “bến” (gọi tắt là bến tàu, bến thuyền),

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bài và nhận biết số trong hình tròn là số của bên (bến số 13), kết quả mỗi phép tính là số của thuyền. Thuyền mang số nào thì sẽ đậu ở bến đó.

- GV yêu cầu HS tính để thực hiện yêu cầu a), b)

- GV gọi một số HS đọc kết quả và giải thích cách làm

- GV nhận xét, tuyên dương các HS có đáp án đúng giải thích chính xác.

Nhiệm vụ 9: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành

- HS thảo luận nhóm

- HS lắng nghe

- HS thảo luận thực hiện

- HS các nhóm trình bày và giải thích

- HS lắng nghe

- HS lắng nghe

- HS thảo luận nhóm đôi để nhận biết

<p>- GV cho HS đọc đề bài và nhận biết các nhiệm vụ cần làm</p> <p>- GV yêu cầu HS viết phép tính ra bảng con</p> <p>- GV sửa bài, gọi một số HS đọc kết quả và giải thích tại sao chọn phép cộng</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS có câu trả lời đúng và giải thích chính xác</p> <p>D. CÙNG CỐ</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa cách cộng qua 10 trong phạm vi 20</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV đọc các câu hỏi, gọi HS trả lời</p> <p>+ 9 cộng với một số?</p> <p>+ 8 cộng với một số?</p> <p>.....</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS nhận biết 2 nhiệm vụ cần làm: viết phép tính, nói câu trả lời</p> <p>- HS viết ra bảng con</p> <p>- HS đọc và giải thích: Tìm số bạn có tất cả tương ứng với thao tác gộp</p> $4 + 7 = 11$ <p>Trả lời: Có tất cả 11 bạn</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ 9 cộng 1 rồi cộng số còn lại</p> <p>+ 8 cộng 2 rồi cộng số còn lại</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: ĐƯỜNG THẲNG – ĐƯỜNG CONG

(1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết hình ảnh đường thẳng, đường cong
- Vận dụng: nhận ra hình ảnh đường thẳng, đường cong ở các đối tượng cụ thể trong cuộc sống.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

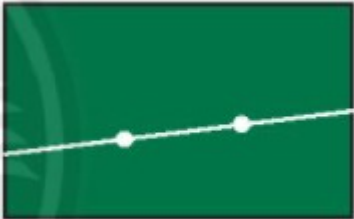
1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Chuẩn bị 1 sợi dây dài khoảng 50 cm.

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con
- Mỗi HS chuẩn bị 1 sợi dây dài khoảng 50 cm.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV và HS cùng thực hiện, GV vẽ trên bảng lớp<ul style="list-style-type: none">• Vẽ hai điểm• Dùng thước thẳng nối hai điểm để có một đoạn thẳng• Dùng thước thẳng kéo dài đoạn thẳng về hai phía  <ul style="list-style-type: none">- GV tổng kết, dẫn dắt HS vào bài mới. <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết và phân biệt được đường cong và đường thẳng</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Giới thiệu đường thẳng, đường cong</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS thực hiện vẽ trên bảng con theo hướng dẫn của GV- HS lắng nghe

a) Giới thiệu đường thẳng

- GV chỉ vào hình ảnh mới vẽ trên bảng và giới thiệu: Nếu ta kéo dài mãi một đoạn thẳng về hai phía, ta được một đường thẳng

- GV yêu cầu HS chỉ vào hình ảnh trên bảng con và nói: Đường thẳng

- GV cho HS quan sát bức tranh “Các bạn vui chơi” và tìm trong tranh vẽ, các hình ảnh là một phần của đường thẳng



- GV gọi một số HS lấy tay chỉ vào hình ảnh – miệng nói đường thẳng

b) Giới thiệu đường cong

- GV đặt vấn đề: Các thanh thép màu đỏ được uốn cong để tàu lượn lên xuống, các thanh thép này có dạng đường thẳng không?

- HS quan sát, lắng nghe

- HS chỉ tay vào hình ảnh trên bảng con và nói: Đường thẳng

- HS quan sát tranh và làm theo yêu cầu của GV

- HS nhận biết:

+ Các dây cáp màu vàng căng thẳng để giữ chắc thuyền rồng, các dây cáp này có dạng đường thẳng.

+ Hai đường màu xanh đỡ thuyền rồng có dạng đường thẳng

.....

- HS quan sát hình ảnh, lắng nghe

- GV giới thiệu hình ảnh đường cong, đường thẳng

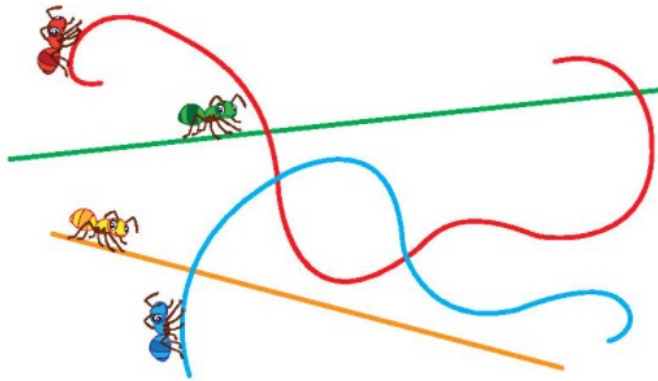
- GV yêu cầu HS tìm các hình ảnh khác trong tranh có dạng đường cong, đường thẳng

Bước 2: Thực hành

Bài 1:

- GV giới thiệu: có 4 chú kiến đi theo 4 con đường màu sắc khác nhau

- GV yêu cầu HS quan sát hình vẽ, phân biệt đường thẳng, đường cong.



- GV tổ chức cho HS:

+ Nói cho bạn ngồi kế bên nghe

+ Nói cho cả lớp nghe

Bài 2:

- HS lắng nghe, chỉ vào hình vẽ phần bài học và nói: đường cong, đường thẳng.

- HS quan sát tranh tìm thêm các hình ảnh khác

- HS lắng nghe

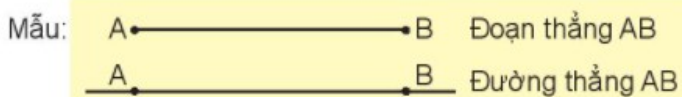
- HS quan sát hình vẽ và phân biệt

- HS nói:

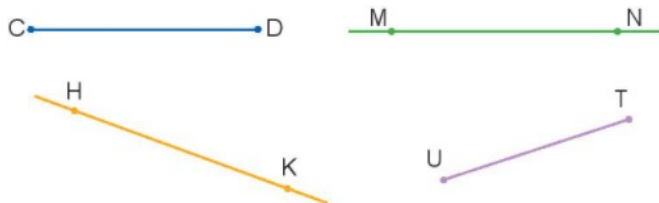
+ Đường màu cam và đường màu xanh lá có dạng đường thẳng. Kiến Xanh Lá và Kiến Vàng bò theo đường thẳng

+ Đường màu đỏ và đường màu xanh dương có dạng đường cong.

- GV cho HS quan sát mẫu, đọc theo mẫu



- GV cho HS đọc tên các đoạn thẳng, đường thẳng còn lại:



*** Đất nước em**

- GV hướng dẫn HS quan sát hình ảnh hai con đường để nhận ra hình ảnh đường thẳng, đường cong

- GV yêu cầu HS tìm vị trí tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn trên bản đồ

*** Hoạt động thực tế**

- Tìm hình ảnh đường thẳng, ví dụ: tia nắng mặt trời, thanh song cửa nếu kéo dài mãi về hai phía, ..., hình ảnh đường cong, ví dụ: dây phơi đồ, dây điện

D. Củng cố

Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học

Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS sử dụng đoạn dây đã chuẩn bị để

Kiến Đỏ và Kiến Xanh Dương bò theo đường cong.

- HS quan sát mẫu, đọc theo mẫu.

- HS đọc:

+ Đọc thầm

+ Đọc cho bạn nghe

+ Đọc cho cả lớp nghe

- HS quan sát hình ảnh

- Tìm vị trí tỉnh Bắc Giang và Lạng Sơn trên bản đồ

- HS tìm các hình ảnh khác trong thực tế

tạo hình ảnh “thẳng, cong”



- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.

- HS sử dụng sợi dây đã chuẩn bị để tạo hình ảnh theo yêu cầu của GV

- HS lắng nghe

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: ĐƯỜNG GẤP KHÚC

(1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết hình ảnh đường gấp khúc
- Tính được độ dài đường gấp khúc
- Giải quyết được vấn đề liên quan đến đo độ dài đoạn thẳng, tính toán độ dài đường gấp khúc.
- Vận dụng: nhận ra hình ảnh đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc ở các đối tượng cụ thể trong cuộc sống.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU


1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết được đường gấp khúc, nắm được cách đọc đường gấp khúc, tính được độ dài đường gấp khúc và thực hành xếp được đường gấp khúc</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Giới thiệu đường gấp khúc</p> <p>- GV cho HS quan sát hình ảnh cầu Long Biên (SGK trang 52)</p>  <p><i>Cầu Long Biên (Hà Nội)</i></p> <p>- GV giới thiệu về cầu Long Biên:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Cây cầu bắc ngang sông Hồng ở Thủ đô Hà Nội.+ Được xây dựng cách đây hơn 100 năm, thời đó cầu Long Biên là cây cầu dài thứ hai trên thế giới.	<p>- HS quan sát hình ảnh</p> <p>- HS lắng nghe giáo viên giới thiệu</p>

+ Cho tới nay, cây cầu vẫn nổi tiếng đẹp vì các chi tiết sắt tạo thành các đường gấp khúc hài hòa.

- GV giới thiệu đường gấp khúc:

+ GV vẽ một đường gấp khúc (như SGK) lên bảng lớp và giới thiệu: đây là đường gấp khúc.

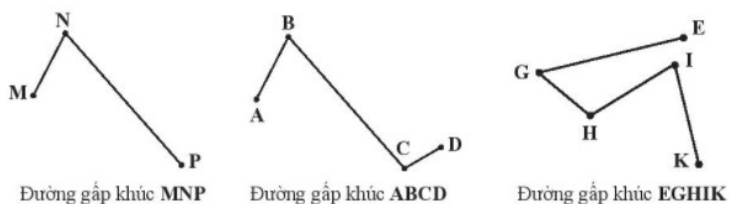


+ GV vẽ thêm một đường gấp khúc có 2 đoạn thẳng, một đường gấp khúc có 4 đoạn thẳng và nói: đường gấp khúc có thể có 2, 3, 4 hoặc nhiều đoạn thẳng.

- GV yêu cầu HS nhóm đôi tìm hình ảnh các đường gấp khúc ở hình cầu Long Biên.

Bước 2: Hướng dẫn cách đọc đường gấp khúc

- GV viết tên cho ba đường gấp khúc trên bảng lớp và hướng dẫn HS cách đọc: người ta thường đọc từ trái sang phải.



- GV chỉ từng đường gấp khúc cho HS đọc

Bước 3: Tính độ dài đường gấp khúc

- HS kéo ngón tay lần lượt theo các đoạn thẳng của đường gấp khúc ở SGK và nói: đường gấp khúc.

- HS quan sát và lắng nghe

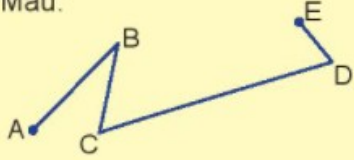
- HS thảo luận nhóm đôi

- HS quan sát và lắng nghe

- HS đọc theo tay chỉ của GV

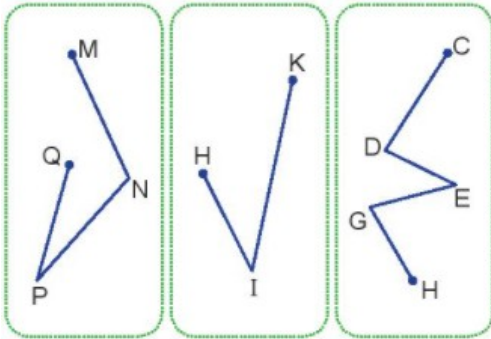
<p>- GV hướng dẫn HS thực hành tính với đường gấp khúc ABCD (SGK trang 52)</p> <p>+ Nhận biết đường gấp khúc gồm mấy đoạn thẳng</p> <p>+ Xác định số đo mỗi đoạn thẳng (nếu bài không cho trước thì phải dùng thước để đo)</p> <p>+ Tính tổng các số đo của các đoạn thẳng.</p> <p>=> Yêu cầu HS thực hiện ra bảng con và nói độ dài của đường gấp khúc ABCD.</p> <p>Bước 4: Thực hành xếp đường gấp khúc</p> <p>- GV cho HS nhóm 4 dùng bút chì, bút sáp, ... để xếp đường gấp khúc gồm:</p> <p>+ 2 đoạn thẳng;</p> <p>+ 3 đoạn thẳng;</p> <p>+ 4 đoạn thẳng.</p> <p>B. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập củng cố lại các kiến thức đã được học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>* Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1</p> <p>- GV cho Hs quan sát mẫu, đọc đường gấp khúc theo mẫu</p>	<p>- HS trả lời: đường gấp khúc ABCD gồm 3 đoạn thẳng</p> <p>- HS viết ra bảng con:</p> $2\text{ cm} + 4\text{ cm} + 1\text{ cm} = 7\text{ cm}$ <p>- HS nói: Đường gấp khúc ABCD dài 7 cm.</p> <p>- HS nhóm 4 dùng bút chì, bút sáp, ... xếp đường gấp khúc theo yêu cầu của GV</p>
--	---

Mẫu:



Đường gấp khúc ABCDE
gồm bốn đoạn thẳng: AB,
BC, CD, DE.

- GV yêu cầu HS bắt cặp theo bàn, nói theo mẫu các hình còn lại:



- GV nhận xét, tuyên dương HS đọc chính xác, to và rõ ràng

*** Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT2**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 đọc đề, nhận biết được nhiệm vụ

- GV cho các nhóm thảo luận, nêu được cách thức giải quyết vấn đề và tiến hành thực hiện

- HS quan sát mẫu, đọc theo mẫu.

- HS nói:

+ Nói thầm

+ Nói cho bạn nghe

+ Nói cho cả lớp nghe

- HS lắng nghe

- HS thảo luận xác định nhiệm vụ:
Tính độ dài mỗi đường gấp khúc

- HS nêu được các bước thực hiện và tiến hành thực hiện:

+ Nêu cách thức:

- Xác định số đoạn thẳng của mỗi đường gấp khúc

- GV gọi một vài nhóm trình bày

- GV gọi các nhóm khác bổ sung, nhận xét. Sau đó GV tổng kết

*** Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT3**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bốn đọc đề và tìm hình ảnh theo yêu cầu của đề bài



- GV gọi một số nhóm trình bày, GV giúp HS diễn tả các đường trong hình vẽ.

- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm HS trình bày chính xác

- Xác định số đo mỗi đoạn thẳng
- Xác định độ dài đường gấp khúc

+ Tiến hành thực hiện:

- Đo độ dài mỗi đoạn thẳng
- Tính độ dài mỗi đường gấp khúc hoặc đo liên tiếp

- Các nhóm trình bày:

+ Đường màu vàng:

$$5 \text{ cm} + 6 \text{ cm} + 4 \text{ cm} = 15 \text{ cm}$$

+ Đường màu xanh:

$$6 \text{ cm} + 9 \text{ cm} = 15 \text{ cm}$$

- HS lắng nghe

- HS thảo luận

- HS các nhóm trình bày

- HS lắng nghe

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: BA ĐIỂM THẲNG HÀNG

(1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết ba điểm thẳng hàng.
- Sử dụng thước thẳng, kiểm tra ba đối tượng thẳng hàng.
- Nhận biết hình ảnh thẳng hàng trong cuộc sống.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU



1. Đối với giáo viên

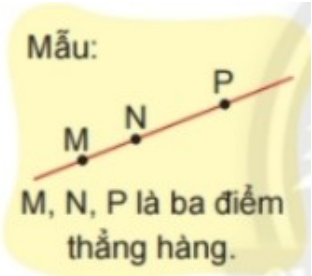
- Giáo án, SGK, SGV.

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

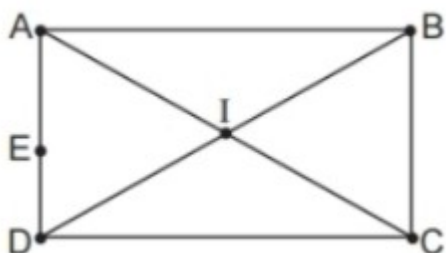
HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết được ba điểm thẳng hàng, gọi tên nhóm 3 điểm thẳng hàng trong hình vẽ cho trước, nhận dạng được 3 điểm thẳng hàng trong thực tế</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Giới thiệu ba đường thẳng hàng</p> <p>- GV cho HS quan sát hình ảnh các bạn, nhận biết các bạn đứng thẳng hàng</p>  <p>- GV cho HS quan sát hình ảnh 3 điểm A, B, C, nhận biết ba điểm A, B, C cùng nằm trên một đường thẳng</p>  <p>- GV giới thiệu: Khi ba điểm cùng nằm trên một đường thẳng, ta nói ba điểm đó thẳng hàng</p> <p>- GV yêu cầu HS cả lớp chỉ tay vào hình và nói: ba điểm A, B, C thẳng hàng</p>	<p>- HS quan sát hình ảnh, nhận biết các bạn đứng thẳng hàng</p> <p>- HS quan sát hình ảnh, nhận biết ba điểm A, B, C cùng nằm trên một đường thẳng</p> <p>- HS lắng nghe</p>

<p>Bước 2: Thực hành</p> <p>Bài 1:</p> <p>- GV cho HS quan sát mẫu, đọc ba điểm thẳng hàng</p>  <p>- GV yêu cầu HS dựa vào mẫu đọc các điểm thẳng hàng ở các hình còn lại</p> <p>Bài 2:</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi nhận biết yêu cầu của bài</p> <p>- GV phân tích mẫu, đặt câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hình ảnh đặt thước thể hiện điều gì? + Đặt thước thế nào? <p>- GV yêu cầu HS dựa vào hình ảnh đặt thước, thông báo ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng</p> <p>B. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập củng cố lại các kiến thức về ba điểm thẳng hàng</p>	<p>- HS chỉ tay và đọc</p> <p>- HS quan sát mẫu và đọc</p> <p>- HS dựa vào mẫu, đọc các điểm thẳng hàng ở từng hình.</p> <p>- HS thảo luận nhận biết yêu cầu: kiểm tra, nói</p> <p>- HS trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra 3 điểm có thẳng hàng không + Đặt mép thước sát vào các điểm <p>- HS dùng thước thẳng kiểm tra rồi nói:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ba điểm B, C, D thẳng hàng + Ba điểm I, K, S không thẳng hàng + Ba điểm L, M, N thẳng hàng
--	---

Cách tiến hành:

*** Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1**

- GV cho Hs đọc đề bài nhận biết yêu cầu của bài.
- GV cho HS xác định các điểm được đặt tên trong hình



- GV giới thiệu: ba điểm nằm trên một đoạn thẳng cũng gọi là điểm thẳng hàng. Yêu cầu HS nhóm đôi thực hiện
- GV sửa bài, gọi 4 bạn HS đọc kết quả các câu a), b), c), d) và giải thích
- GV nhận xét, tuyên dương các HS đọc chính xác, và giải thích rõ ràng

*** Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT2**

- GV yêu cầu HS đọc đề, nhận biết được nhiệm vụ
- GV cho các nhóm thảo luận, nêu được cách thức giải quyết vấn đề:

- HS đọc, nhận biết yêu cầu của đề

- HS xác định các điểm được đặt tên trong hình: A, B, C, D, E, I

- HS lắng nghe, thảo luận nhóm đôi thực hiện

- HS đọc đáp án và giải thích

- HS lắng nghe

- HS đọc đề, nhận biết yêu cầu

<p>- GV gọi các nhóm trình bày (mỗi nhóm nêu một trường hợp), Gv hướng dẫn HS nói theo trình tự: hàng, cột, đường chéo</p> <p>- GV gọi các nhóm khác kiểm tra, nhận xét. Sau đó GV tổng kết</p> <p>* Đất nước em</p> <p>- GV giới thiệu vườn cây thanh long ở Bình Thuận.</p> <p>+ Cột trụ để cây bám vào, leo lên.</p> <p>+ Chiều sáng ban đêm giúp cây mau lớn</p> <p>- GV cho HS quan sát ảnh và nhận biết:</p>	<p>- HS thảo luận cách thức giải quyết vấn đề:</p> <p>+ Xác định các nút áo nằm trên một đường thẳng theo đường kẻ. Theo hàng, theo cột</p> <p>+ Dùng thước thẳng xác định các nút áo cùng nằm trên một đường thẳng khác.</p> <p>- HS các nhóm trình bày:</p> <p>* Theo hàng:</p> <p>+ Hàng thứ nhất: Ba nút áo: xanh đậm, nâu nhạt, hồng cùng nằm trên một đường thẳng.</p> <p>+ Hàng thứ ba: Ba nút áo: vàng, xanh lá, cam cùng nằm trên một đường thẳng.</p> <p>* Theo cột:</p> <p>+ Cột thứ nhất: Ba nút áo: xanh đậm, vàng, nâu đậm cùng nằm trên một đường thẳng.</p> <p>+ Cột thứ ba: Ba nút áo: nâu nhạt, đỏ, xanh lá cùng nằm trên một đường thẳng.</p> <p>* Theo đường chéo:</p> <p>Ba nút áo: đỏ, cam, tím cùng nằm trên một đường thẳng.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
---	--



Vườn thanh long (tỉnh Bình Thuận) ban ngày và ban đêm.

- + Các cột trụ cùng nằm trên một đường thẳng
- + Các bóng đèn cùng nằm trên một đường thẳng

- GV hướng dẫn HS tìm vị trí tỉnh Bình Thuận trên bản đồ.

*** Hoạt động thực tế**

- GV yêu cầu HS tìm hình ảnh thẳng hàng trong cuộc sống, sẽ chia sẻ với các bạn vào buổi học sau

- HS lắng nghe

- HS quan sát hình ảnh

- HS lắng nghe, xem bản đồ tìm vị trí tỉnh Bình Thuận.

- HS lắng nghe, thực hiện

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện việc tính nhẩm qua 10 trong phạm vi 20.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng.
- Tính toán với các số đo độ dài đã học.
- Giải quyết vấn đề đơn giản có liên quan tới độ dài và thời gian
- Vận dụng 3 điểm thẳng hàng, giải quyết vấn đề đơn giản

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Nhân ái
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- 10 khối lập phương

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

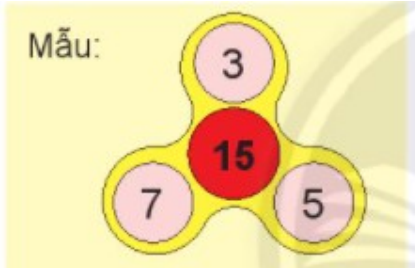
HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1</p> <p>- GV cho HS ôn tập cách cộng qua 10 trong phạm vi 20</p> <p>+ Cách làm chung: Làm cho đủ chục rồi cộng số còn lại.</p> <p>+ Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none">• 9 cộng với một số: 9 cộng 1 rồi cộng số còn lại• 8 cộng với một số: 8 cộng 2 rồi cộng số còn lại <p>- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập: Tính nhẩm</p> <p>- GV sửa bài, gọi HS thực hiện phép tính nhẩm, giải thích cách cộng đối với phép cộng có số hạng thứ hai lớn hơn số hạng thứ nhất.</p> <p>- GV tuyên dương, khen ngợi HS trả lời đúng</p>	<p>- HS lắng nghe nhớ lại kiến thức</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS viết kết quả và giải thích</p> <p>- HS lắng nghe</p>

Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2

- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 2, khuyến khích HS tìm cách cộng thuận tiện nhất, viết kết quả ra bảng con
- GV gọi 4 HS lên bảng trình bày, lưu ý HS khi thực hiện, viết lại phép tính như SGK, kết quả phải có đơn vị kèm theo.
- GV nhận xét, tuyên dương HS tính đúng và nhanh, trình bày đẹp,

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3

- GV cho HS tìm hiểu mẫu, nhận biết số ở giữa, trong hình tròn màu đỏ là tổng của ba số còn lại



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi điền các số vào dấu ? theo mẫu.
- GV gọi một số nhóm trình bày đáp án, và giải thích cách thực hiện
- GV nhận xét, tuyên dương nhóm HS có câu trả lời chính xác

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4

- GV cho HS đọc đề, nhận biết yêu cầu của bài toán

- HS tính các phép tính ra bảng con

- HS trình bày kết quả phép tính

- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu mẫu và nhận biết

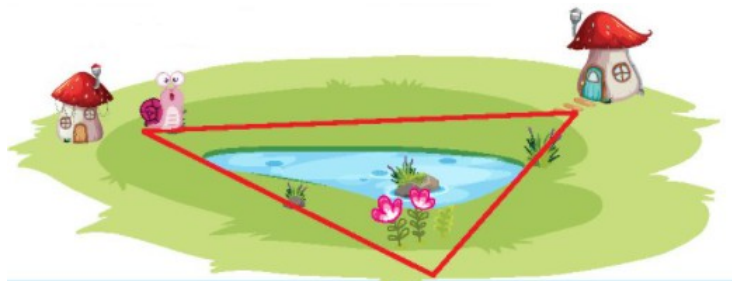
- HS thảo luận nhóm đôi thực hiện

- HS các nhóm trình bày

- HS lắng nghe GV

- HS đọc đề nhận biết yêu cầu: đo, tính

- GV yêu cầu HS đo và tính quãng đường của chú sên bò:



- GV sửa bài, gọi một số HS đọc kết quả và giải thích cách làm

- GV nhận xét, tuyên dương các HS đo và tính đúng

Nhiệm vụ 5: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT5

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân đọc đề nhận biết yêu cầu của bài

- GV hướng dẫn HS dựa vào các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20 để thực hiện.

Ví dụ: $7 + 2 + 5 = 14$,

$$5 + 6 = 11, 11 + ? = 14$$

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, tính và điền các số vào dấu ?

- HS đo và tính kết quả

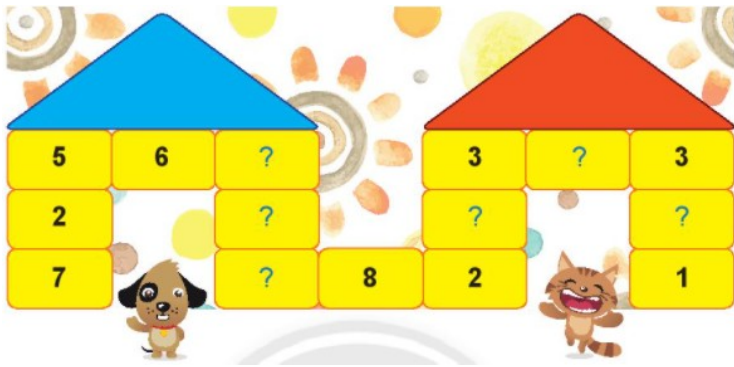
- HS chia sẻ kết quả

- HS lắng nghe GV nhận xét

- HS đọc và nhận biết

- HS lắng nghe GV hướng dẫn

- HS thảo luận nhóm đôi, điền số theo hướng dẫn của GV



- GV gọi một số nhóm đọc kết quả và giải thích cách làm
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm HS điền đúng đúng các số và giải thích rõ ràng

Nhiệm vụ 6: Hoạt động hóm 4, hoàn thành BT6

- GV cho HS quan sát hình ảnh, đọc và xác định yêu cầu của bài toán
- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân, sau đó chia sẻ trong nhóm 4, tìm cách thực hiện

- GV sửa bài, gọi một số nhóm trình bày cách đặt các khối lập phương vào hình
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm HS có kết quả chính xác, giải thích đúng cách làm

*** Vui học**

- GV cho HS nhóm 4 dùng các khối lập phương xếp theo các câu thơ.
- + Lưu ý HS trong khi xếp luôn để ý 3 yêu cầu trong

- HS các nhóm đọc kết quả và giải thích

- HS lắng nghe

- HS đọc nhận biết yêu cầu của bài

- HS thảo luận nhận biết: dựa vào hình nền, các sọc màu ngang, dọc để thực hiện.



- HS các nhóm trình bày

- HS lắng nghe

- Các nhóm thảo luận, xếp theo câu thơ

- HS các đội thi đua, xem đội nào xếp nhanh nhất và đúng nhất.

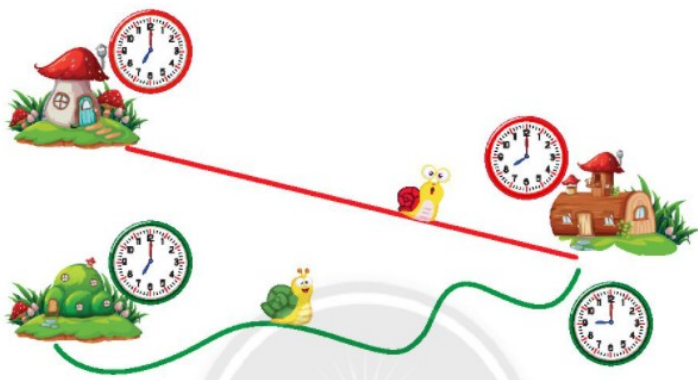
3 con vịt xếp thành hàng dọc

bài thơ

- GV sửa bài, chia thành các đội để thi đua

Nhiệm vụ 7: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT 7

- GV yêu cầu HS quan sát tranh, đọc giờ trên những chiếc đồng hồ và nói theo mẫu



- GV sửa bài, gọi một số HS lên đọc kết quả , khuyến khích HS nói theo nhiều cách:

+ Lúc ... giờ, Sên Đỏ đi từ nhà,...

+ Sên Đỏ khởi hành từ nhà lúc ... giờ,

- GV nhận xét, tuyên dương bạn HS nói đúng, to và rõ ràng nhất

*** Thử thách**

- GV cho HS hoạt động nhóm 4, không bắt buộc tất cả phải thực hiện.



- HS quan sát tranh và đọc theo mẫu

- HS nói kết quả

- HS lắng nghe

- HS lắng nghe GV hướng dẫn, thực hiện theo nhóm

- Gv hướng dẫn HS thực hiện:

$$\triangle + \triangle = 14$$

Hai số giống nhau có tổng bằng 14

$7 + 7 = 14$, vậy hình tam giác thay bằng 7

$$7 + \square = 12$$

$7 + 5 = 12$, vậy hình vuông thay bằng 5

$$5 + 5 = 10$$

Thay hình tròn bằng 10

*** Hoạt động thực tế**

- GV nhắc HS về nhà thực hiện các yêu cầu trong SGK

- HS đọc SGK, về nhà thực hiện

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: PHÉP TRỪ CÓ HIỆU BẰNG 10 (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống các phép trừ trong phạm vi 20, có hiệu là 10.
- Vận dụng để tính toán và giải toán.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).
- Tích hợp: Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU


1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có)

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi, cho từng cặp HS nói:+ Cấu tạo thập phân của các số từ 11 đến 19+ Phép trừ có hiệu bằng 10 <p>Ví dụ: 14 gồm 10 và 4</p> $14 - 4 = 10$ <ul style="list-style-type: none">- GV dẫn dắt vào bài mới. <p>B. BÀI HỌC</p> <p>Mục tiêu: Giúp HS hệ thống lại các phép trừ trong phạm vi 20 có hiệu bằng 10</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV cho HS đếm số bánh trong hình và nhận biết: 	<ul style="list-style-type: none">- HS cả lớp phân theo nhóm đôi, thực hiện nói các phép tính còn lại theo ví dụ.- HS lắng nghe- HS đếm số bánh và nhận biết:

+ 16 gồm 10 và ?

+ Ăn mấy cái bánh thì còn lại 10 cái?

- GV yêu cầu HS phép tính phù hợp với tình huống: có 16 cái bánh, ăn hết 6 cái bánh, còn lại 10 cái bánh ra bảng con

- GV cho HS thay nhau đọc hoàn chỉnh các phép trừ trong bảng:

$11 - ? = 10$	$14 - ? = 10$	$17 - ? = 10$
$12 - ? = 10$	$15 - ? = 10$	$18 - ? = 10$
$13 - ? = 10$	$16 - ? = 10$	$19 - ? = 10$

- GV che một vài thành phần của phép tính trong bảng (số bị trừ, số trừ, hiệu), yêu cầu HS đọc lại các phép tính hoàn chỉnh

C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để ôn tập các kiến thức về phép trừ trong phạm vi 20 có hiệu bằng 10

Cách tiến hành:

*** Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1**

- GV cho HS tìm hiểu bài, nhận biết nhiệm vụ

+ Mỗi hình che bởi số nào?

$14 - \blacksquare = 10$	$\blacktriangle - 5 = 10$	$\bullet - 7 = 10$
$11 - \blacksquare = 10$	$12 - \blacktriangle = 10$	$19 - 9 = \bullet$

- GV yêu cầu HS nhóm 2 đọc các phép tính hoàn chỉnh

+ 16 gồm 10 và 6

+ Nếu ăn 6 cái bánh thì còn lại 10 cái bánh

- HS viết phép tính ra bảng con:

$$16 - 6 = 10$$

- HS thay nhau đọc

- HS đọc các số đã bị GV che

- HS tìm hiểu, nhận biết

- HS bắt cặp theo bàn đọc

<p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm đọc đúng, to và rõ ràng</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện các phép tính, viết vào bảng con.</p> <p>+ Lưu ý thực hiện các phép tính từ trái sang phải</p> <p>- GV sửa bài, gọi 3 HS lên bảng thực hiện các phép tính</p> <p>- GV nhận xét phần trình bày của HS</p> <p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT3</p> <p>- GV cho HS đọc đề, giúp các em nói ngắn gọn:</p> <p>+ <i>Có 18 cái, cho 8 cái. Hỏi còn bao nhiêu cái?</i></p> <p>- GV yêu cầu HS viết phép tính và nói câu trả lời</p> <p>+ Nếu HS nào lúng túng, GV gợi ý để HS nghĩ tới: Tách hay gộp</p> <p>- GV nhận xét kết quả và tuyên dương HS có kết quả chính xác nhất</p> <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi hỏi nhanh – đáp gọn</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV ra các câu hỏi:</p>	<p>hoàn chỉnh các phép tính:</p> <p>+ Đọc cho nhau nghe</p> <p>+ Đọc cho cả lớp nghe</p> <p>- HS lắng nghe nhận xét, tuyên dương</p> <p>- HS thực hiện các phép tính, viết vào bảng con</p> <p>- HS lên bảng thực hiện</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc kĩ đề và nhận biết</p> <p>- HS viết phép tính và nói câu trả lời:</p> <p style="text-align: center;">18 – 8 = 10</p> <p>Cô giáo còn lại 10 cái khẩu trang</p> <p>- HS lắng nghe nhận xét</p>
---	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: 11 TRỪ ĐI MỘT SỐ (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được phép tính $11 - 5$.
- Khái quát hóa được cách tính 11 trừ đi một số
- Vận dụng:
 - + Thực hiện tính nhẩm 11 trừ đi một số (trừ qua 10 trong phạm vi 20)
 - + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách tính 11 trừ đi một số.
 - + Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tính toán và nhận biết hình.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- 20 khối lập phương

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi, nhắc lại các phép trừ có hiệu bằng 10 trong phạm vi 20 và 10 trừ đi một số</p> <p>Ví dụ: $10 - 4 = ?$</p> <p>- GV dẫn dắt vào bài mới.</p> <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS thực hiện được phép tính $11 - 5$ và các phép tính 11 trừ đi một số.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Thực hiện phép tính $11 - 5$</p>	<p>- HS cả lớp tham gia chò trơi, nhắc lại các phép trừ</p> <p>- HS lắng nghe</p>

- GV cho HS thảo luận theo nhóm 4:

*** Bước 1: Tìm hiểu vấn đề**

- GV yêu cầu HS đọc câu hỏi, quan sát hình ảnh, nhận biết vấn đề cần giải quyết.

*** Bước 2: Lập kế hoạch**

- GV cho HS thảo luận cách tính $11 - 5$, có thể dùng các công cụ hỗ trợ như các khối lập phương, ngón tay, hình vẽ,.....

(Khi giáo viên hỏi, HS chỉ cần thông báo làm bằng cách đếm hoặc tính)

*** Bước 3: Tiến hành kế hoạch**

- GV yêu cầu các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con

- GV gọi 1 vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm

- HS thảo luận, nhận biết vấn đề:

$11 - 5 ?$

- HS thảo luận, thống nhất cách tính

- Các nhóm viết phép tính ra bảng con

- Các nhóm trình bày. Có thể xảy ra một số tình huống:

+ Đếm bớt:

10, 9, 8, 7, 6 $11 - 5 = 6$

+ Đếm thêm

6, 7, 8, 9, 10, 11 $11 - 5 = 6$

+ Tính:

• Tách 5 còn lại 6 $11 - 5 = 6$



• Tách 1 rồi tách 4 $11 - 5 = 6$

*** Bước 4: Kiểm tra lại**

- GV giúp HS kiểm tra:

- Kết quả
- Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết $11 - 5$?

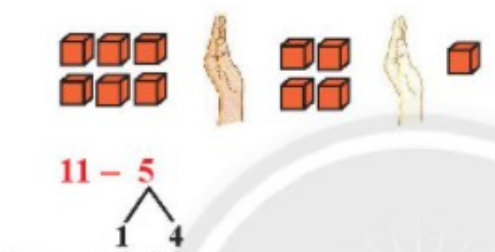
Bước 2: Giới thiệu 11 trừ đi một số

- GV thể hiện phép tính bằng hình ảnh trực quan:

Có 11 khối lập phương, cần bớt 5 khối lập phương



+ Nếu ta bớt 1 khối lập phương, rồi lại bớt 4 khối lập phương nữa (tức là bớt 5 khối lập phương) thì sẽ chuyển được về các phép tính đã học.



- Dựa vào các phép cộng:
Do $6 + 5 = 11$ nên $11 - 5 = 6$

- HS lắng nghe GV

- HS quan sát hình ảnh

- HS lắng nghe

- HS lặp lại nhiều lần

<p>Trừ 1 để được 10 rồi trừ 4</p> <p>- GV nói: Ta luôn Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại</p> <p>C. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT1</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu bài, và thực hiện các phép tính vào bảng con</p> <p>- GV gọi 4 HS lên bảng thực hiện các phép tính</p> <p>- GV sửa bài, giúp HS nhận biết $11 - 1 - 3 = 11 - 4$</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2</p> <p>- GV yêu cầu đọc đề, nhận biết các phép tính</p> <p>- GV đặt câu hỏi:</p> <p>+ Muốn lấy 11 trừ đi một số ta làm thế nào?</p> <p>+ Trừ mấy để được 10?</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện tính nhẩm, đọc kết quả</p> <p>- GV sửa bài, thường xuyên nhắc cho HS cách tính 11 trừ đi một số</p>	<p>- HS tính các phép tính vào bảng con</p> <p>- HS lên bảng thực hiện các phép tính</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS nhận biết: các phép tính trong bài đều là 11 trừ đi một số.</p> <p>- HS trả lời</p> <p>+ Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại</p> <p>+ Trừ đi 1</p> <p>- HS đọc kết quả</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc và nhận biết:</p> <p>+ Có 5 chú ếch, mỗi chú mang một phép trừ (11 trừ đi một số)</p> <p>+ Mỗi chiếc lá có số thể hiện hiệu của các phép trừ trên</p>
---	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: 12 TRỪ ĐI MỘT SỐ (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được phép tính $12 - 5$.
- Khái quát hóa được cách tính 12 trừ đi một số
- Vận dụng:
 - + Thực hiện tính nhẩm 12 trừ đi một số (trừ qua 10 trong phạm vi 20)
 - + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách tính 12 trừ đi một số.
 - + Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tính toán.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- 20 khối lập phương

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi:+ Nhắc lại phép tính 11 trừ đi một số+ Cách làm khái quát của phép trừ qua 10 trong phạm vi 20.- GV dẫn dắt vào bài mới. <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS thực hiện được phép tính $12 - 5$ và các phép tính 12 trừ đi một số.</p> <p>Cách tiến hành:</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS cả lớp tham gia chò trơi- HS lắng nghe

Bước 1: Thực hiện phép tính 12 - 5

- GV cho HS thảo luận theo nhóm 4:

*** Bước 1: Tìm hiểu vấn đề**

- GV yêu cầu HS đọc câu hỏi, quan sát hình ảnh, nhận biết vấn đề cần giải quyết.



*** Bước 2: Lập kế hoạch**

- GV cho HS thảo luận cách tính 12 - 5, có thể dùng các công cụ hỗ trợ như các khối lập phương, ngón tay, hình vẽ,.....

+ Khi giáo viên hỏi cách làm, HS chỉ cần thông báo làm bằng cách đếm, tính hay dựa vào phép công.

*** Bước 3: Tiến hành kế hoạch**

- GV yêu cầu các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con

- GV gọi 1 vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm

- HS thảo luận, nhận biết vấn đề:

12 - 5 ? (Lúc đầu có 12 quả chuối, ăn hết 5 quả, còn lại bao nhiêu quả chuối?)

- HS thảo luận, thống nhất cách tính

- Các nhóm viết phép tính ra bảng con

- Các nhóm trình bày. Có thể xảy ra một số tình huống:

+ **Đếm bớt:**

11, 10, 9, 8, 7 $12 - 5 = 7$

+ **Đếm thêm**

6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 $12 - 5 = 7$

*** Bước 4: Kiểm tra lại**

- GV giúp HS kiểm tra:

- Kết quả
- Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết $12 - 5$?

Bước 2: Giới thiệu 12 trừ đi một số

- GV thể hiện phép tính bằng hình ảnh trực quan:

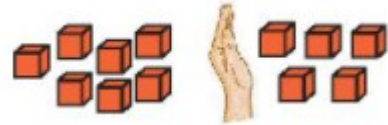
Có 12 khối lập phương, cần bớt 5 khối lập phương



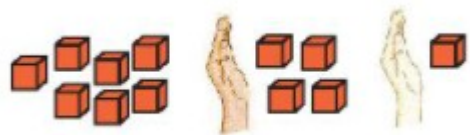
+ Nếu ta bớt 2 khối lập phương, rồi lại bớt 3 khối lập phương nữa (tức là bớt 5 khối lập phương) thì sẽ chuyển được về các phép tính đã học.

+ Tính:

- Tách 5 còn lại 7 $12 - 5 = 7$



- Tách 1 rồi tách 4 $12 - 5 = 7$



- Dựa vào các phép cộng:
Do $7 + 5 = 12$ nên $12 - 5 = 7$

- HS lắng nghe GV

- HS quan sát hình ảnh

- HS lắng nghe



$$\begin{array}{r} 12 - 5 \\ \swarrow \searrow \\ 2 \quad 3 \end{array}$$

Trừ 2 để được 10 rồi trừ 3

- GV nói: Ta luôn **Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại** hay **Trừ để được 10 rồi lấy 10 trừ số còn lại**

C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học

Cách tiến hành:

*** Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT1**

- GV cho HS tìm hiểu bài, và thực hiện các phép tính ra bảng con

- GV gọi 4 HS lên bảng thực hiện các phép tính

- GV sửa bài, giúp HS nhận biết $12 - 2 - 1 = 12 - 3$

Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2

- GV yêu cầu đọc đề, nhận biết các phép tính

- GV đặt câu hỏi:

+ Muốn lấy 12 trừ đi một số ta làm thế nào?

- HS lặp lại nhiều lần

- HS tính các phép tính vào bảng con

- HS lên bảng thực hiện các phép tính

- HS lắng nghe

- HS nhận biết: các phép tính trong

<p>+ Trừ mấy để được 10?</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện tính nhẩm, đọc kết quả</p> <p>- GV sửa bài, thường xuyên nhắc cho HS cách tính 12 trừ đi một số</p> <p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT3</p> <p>- GV cho HS đọc yêu cầu của bài và nhận biết nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, phân tích tranh. Viết phép tính để tìm số mèo còn lại</p> <p>- GV nhận xét bài làm của các nhóm</p> <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi hỏi nhanh – đáp gọn</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV ra các câu hỏi:</p> <p>+ Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20</p> <p>+ Cách tính 12 trừ đi một số</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS</p>	<p>bài đều là 12 trừ đi một số.</p> <p>- HS trả lời</p> <p>+ Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại</p> <p>+ Trừ đi 2</p> <p>- HS đọc kết quả</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc và nhận biết nhiệm vụ: viết phép tính theo tranh</p> <p>- Các nhóm thảo luận phân tích tranh:</p> <p>+ Lúc đầu có 12 con mèo</p> <p>+ Sau đó 3 con mèo rời đi</p> <p>Số mèo còn lại: $12 - 3 = 9$</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS trả lời nhanh:</p> <p>+ Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại</p>
---	---

	+ Trừ 2 để được 10 rồi trừ số còn lại
--	---------------------------------------

	- HS lắng nghe
--	----------------

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: 13 TRỪ ĐI MỘT SỐ (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được phép tính $13 - 5$.
- Khái quát hóa được cách tính 13 trừ đi một số
- Vận dụng:
 - + Thực hiện tính nhẩm 13 trừ đi một số (trừ qua 10 trong phạm vi 20)
 - + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách tính 13 trừ đi một số.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- 20 khối lập phương

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con
- 10 khối lập phương

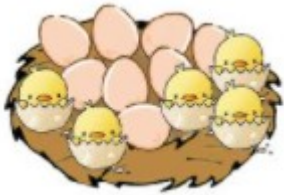
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi:<ul style="list-style-type: none">+ Nhắc lại phép tính 11 trừ đi một số, 12 trừ đi một số+ Cách làm khái quát của phép trừ qua 10 trong phạm vi 20.- GV dẫn dắt vào bài mới. <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS thực hiện được phép tính $13 - 5$ và các phép tính 13 trừ đi một số.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Thực hiện phép tính $13 - 5$</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS cả lớp tham gia chò trôi - HS lắng nghe

- GV cho HS thảo luận theo nhóm 4:

*** Bước 1: Tìm hiểu vấn đề**

- GV yêu cầu HS đọc câu hỏi, quan sát hình ảnh, nhận biết vấn đề cần giải quyết.



*** Bước 2: Lập kế hoạch**

- GV cho HS thảo luận cách tính $13 - 5$, có thể dùng các công cụ hỗ trợ như các khối lập phương, ngón tay, hình vẽ,.....

*** Bước 3: Tiến hành kế hoạch**

- GV yêu cầu các nhóm thực hiện, viết phép tính ra bảng con

- GV gọi 1 vài nhóm trình bày ngắn gọn cách làm

- HS thảo luận, nhận biết vấn đề:

$$13 - 5 ?$$

- HS thảo luận nhận biết cách giải quyết vấn đề: đếm, tính hay dựa vào phép cộng

- Các nhóm viết phép tính ra bảng con

- Các nhóm trình bày. Có thể xảy ra một số tình huống:

+ Đếm bớt:

$$12, 11, 10, 9, 8 \qquad 13 - 5 = 8$$

+ Đếm thêm

$$6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 \qquad 13 - 5 = 8$$

+ Tính:

• Tách 5 còn lại 8 $13 - 5 = 8$

*** Bước 4: Kiểm tra lại**

- GV giúp HS kiểm tra:

- Kết quả
- Phép tính có phù hợp vấn đề cần giải quyết 13 - 5?

Bước 2: Giới thiệu 13 trừ đi một số

- GV thể hiện phép tính bằng hình ảnh trực quan:

Có 13 khối lập phương, cần bớt 5 khối lập phương



+ Nếu ta bớt 2 khối lập phương, rồi lại bớt 3 khối lập phương nữa (tức là bớt 5 khối lập phương) thì sẽ chuyển được về các phép tính đã học.



- Tách 3 rồi tách 2 $13 - 5 = 8$

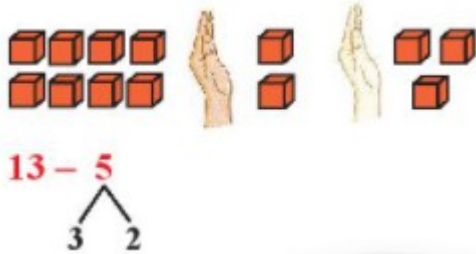


- Dựa vào các phép cộng:
Do $5 + 8 = 13$ nên $13 - 5 = 8$

- HS lắng nghe GV

- HS quan sát hình ảnh

- HS lắng nghe



Trừ 3 để được 10 rồi trừ 2

- GV nói: Ta luôn **Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại**

C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học

Cách tiến hành:

*** Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT1**

- GV cho HS tìm hiểu bài, và thực hiện các phép tính ra bảng con

- GV gọi 4 HS lên bảng thực hiện các phép tính

- GV sửa bài, giúp HS nhận biết $13 - 3 - 1 = 13 - 4$

Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2

- GV yêu cầu đọc đề, nhận biết các phép tính

- GV đặt câu hỏi:

+ Muốn lấy 13 trừ đi một số ta làm thế nào?

- HS lặp lại nhiều lần

- HS tính các phép tính vào bảng con

- HS lên bảng thực hiện các phép tính

- HS lắng nghe

- HS nhận biết: các phép tính trong bài đều là 13 trừ đi một số.

- HS trả lời

+ Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại

+ Trừ đi 3

- HS đọc kết quả

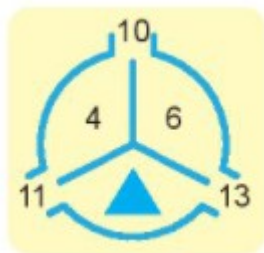
- HS lắng nghe

+ Trừ mấy để được 10?

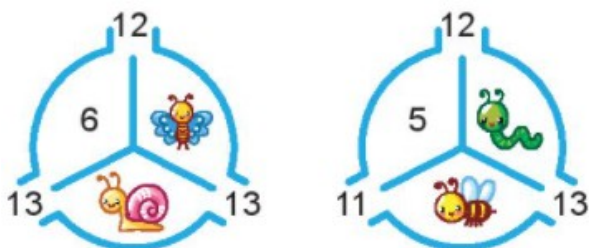
- GV yêu cầu HS thực hiện tính nhẩm, đọc kết quả
- GV sửa bài, thường xuyên nhắc cho HS cách tính 13 trừ đi một số

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3

- GV cho HS đọc yêu cầu của bài và nhận biết yêu cầu
- GV phân tích mẫu, che một số trong hình tròn và gợi ý:



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện các phần còn lại



- GV sửa bài, gọi một số nhóm trình bày đáp án, yêu cầu HS giải thích cách trừ

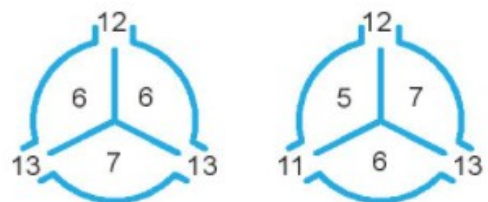
- HS đọc và nhận biết

- HS lắng nghe và nhận biết: mỗi số bên ngoài hình tròn trừ đi một số trong hai số gần nó sẽ được số còn lại

- HS lắng nghe

- HS thảo luận nhóm thực hiện

- Các nhóm trình bày đáp án:



- HS lắng nghe

<p>- GV nhận xét bài làm của các nhóm</p> <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi hỏi nhanh – đáp gọn</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV ra các câu hỏi:</p> <p>+ Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20</p> <p>+ Cách tính 11, 12, 13 trừ đi một số</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS</p>	<p>- HS trả lời nhanh:</p> <p>+ Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại</p> <p>+ Trừ 1, 2 hay 3 để được 10 rồi trừ số còn lại</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: 14, 15, 16, 17, 18 TRỪ ĐI MỘT SỐ (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được phép tính $16 - 9$.
- Khái quát hóa được cách tính 14, 15, 16, 17, 18 trừ đi một số
- Vận dụng:
 - + Thực hiện trừ nhẩm qua 10 trong phạm vi 20 và phân biệt đối với các trường hợp cụ thể.
 - + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính trừ để kiểm chứng cách trừ qua 10 trong phạm vi 20.
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến việc tính toán.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- 30 khối lập phương

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi, hệ thống lại các cách trừ đã học trong chương.+ 11, 12, 13 trừ đi một số+ Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20.- GV dẫn dắt vào bài mới. <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS thực hiện được phép tính 16 - 9 và các phép tính 14, 15, 16, 17, 18 trừ</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS cả lớp tham gia chòe trôi - HS lắng nghe

đi một số.

Cách tiến hành:

Bước 1: Thực hiện phép tính 16 - 9

- GV yêu cầu HS nhóm đôi sử dụng cách trừ khái quát: Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại để thực hiện

- GV gọi một nhóm trình bày trước lớp, hướng dẫn nhóm HS trình bày

- GV nói: Ta luôn **Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại**

Bước 2: Hệ thống hóa cách tính 14, 15,

- HS thảo luận, thực hiện

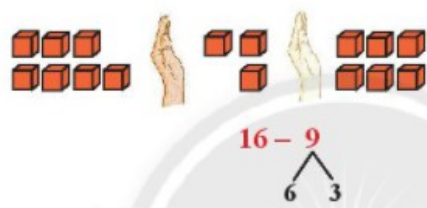
- Nhóm HS trình bày dưới sự hướng dẫn của GV:

+ Thể hiện phép tính bằng trực quan

Có 16 khối lập phương, cần bớt 9 khối lập phương



+ Nếu ta bớt 6 khối lập phương, rồi lại bớt 3 khối lập phương nữa (tức là bớt 9 khối lập phương) thì sẽ chuyển được về các phép tính đã học.



Trừ 6 để được 10 rồi trừ 3

- HS lặp lại nhiều lần

+ Muốn lấy 14 trừ đi một số ta làm thế nào?

+ Trừ mấy để được 10?

- GV yêu cầu HS thực hiện tính nhẩm, đọc kết quả

- GV sửa bài, thường xuyên nhắc cho HS cách tính khái quát

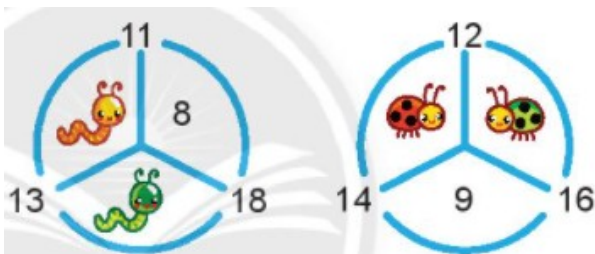
Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3

- GV cho HS đọc yêu cầu của bài và nhận biết yêu cầu

- GV phân tích mẫu, che một số trong hình tròn và gợi ý:



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện các phần còn lại



- GV sửa bài, gọi một số nhóm trình bày đáp án, yêu cầu HS giải thích cách trừ

- HS đọc kết quả

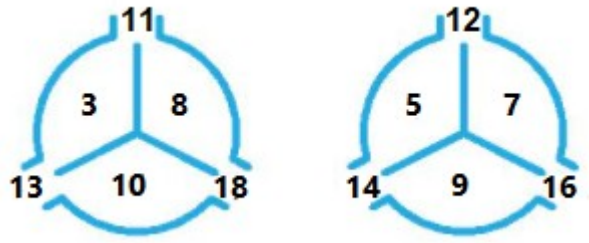
- HS lắng nghe

- HS đọc và nhận biết

- HS lắng nghe và nhận biết: mỗi số bên ngoài hình tròn trừ đi một số trong hai số gần nó sẽ được số còn lại

- HS thảo luận nhóm thực hiện

- Các nhóm trình bày đáp án:

<p>- GV nhận xét bài làm của các nhóm</p> <p>Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4</p> <p>- GV yêu cầu đọc đề, quan sát tranh và nhận biết các phép tính</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện phép tính trên mỗi tấm vé, đọc kết quả số toa mà mỗi con rùa sẽ lên</p> <p>- GV sửa bài cho HS</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc để GV viết các phép tính theo thứ tự các kết quả từ bé đến lớn</p> <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học thông qua trò chơi hỏi nhanh – đáp gọn</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV ra các câu hỏi:</p> <p>+ Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20</p> <p>+ Cách tính 11, 12, 13, ... 18 trừ đi một số</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS</p>	<div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;">  </div> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS quan sát tranh nhận biết: kết quả trên mỗi tấm vé là số toa mà rùa sẽ lên</p> <p>- HS tính và chọn số toa cho mỗi con rùa</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc cho GV viết</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- GV nhận xét</p>
--	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: BẢNG TRỪ (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hệ thống hóa các phép trừ qua 10 trong phạm vi 20
- Vận dụng bảng cộng:
- + Tính nhẩm
- + So sánh kết quả của tổng, hiệu
- + Làm quen với quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể
- + GQVĐ đơn giản liên quan đến số và phép tính

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Bảng trừ qua 10 chưa hoàn chỉnh.

11 - 2 =								
11 - 3 =	12 - 3 =							
11 - 5 =	12 - 5 =	13 - 5 =	14 - 5 =					
	12 - 6 =	13 - 6 =		15 - 6 =				
11 - 7 =	12 - 7 =		14 - 7 =	15 - 7 =				
11 - 8 =		13 - 8 =	14 - 8 =		16 - 8 =	17 - 8 =		
11 - 9 =	12 - 9 =	13 - 9 =		15 - 9 =	16 - 9 =	17 - 9 =	18 - 9 =	

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

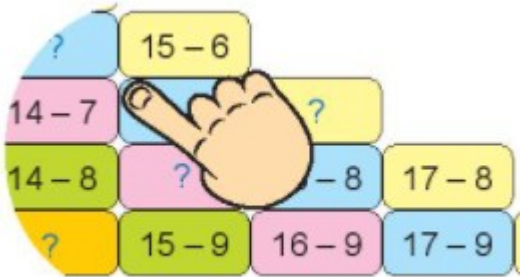
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Gió thổi</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Gió thổi, gió thổi! - GV: Thổi cách trừ qua 10 trong phạm vi 20 - GV: 11 trừ đi một số? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS: Thổi gì, thổi gì? - HS: Trừ để được số 10 rồi trừ số còn lại. - HS: trừ 1 rồi trừ số còn lại

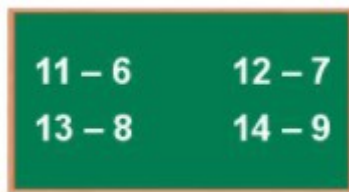
Bước 2: Thực hành với bảng trừ

- GV cho HS hoạt động nhóm đôi hoàn thành bài tập 1 SGK

a) GV cho HS đọc SGK và thực hiện theo hướng dẫn



b) GV lưu ý HS chỉ cần thực hiện các phép trừ có trong bảng, hoàn thành phần b) theo hướng dẫn



C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học

Cách tiến hành

*** Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân hoàn thành BT1**

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân tính nhẩm kết quả các phép tính ra bảng con

- GV sửa bài, gọi một số HS đọc kết quả, yêu cầu HS giải thích

- HS bắt cặp với bạn bên cạnh thực hiện theo hướng dẫn.

- HS bắt cặp với bạn ngồi cùng bàn thực hiện theo hướng dẫn.

- HS tính nhẩm, viết kết quả ra bảng con

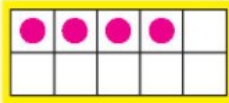
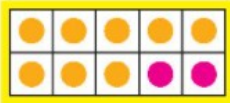
- HS đọc kết quả, giải thích: Kết quả có thể dựa vào bảng hoặc áp dụng cách trừ qua 10 trong phạm vi 20.

- GV nhận xét, tuyên dương HS thực hiện đúng và nhanh

Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2

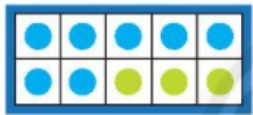
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu mẫu nhận biết yêu cầu của đề

Mẫu:



$$\begin{aligned} 8 + 6 &= 14 \\ 6 + 8 &= 14 \\ 14 - 6 &= 8 \\ 14 - 8 &= 6 \end{aligned}$$

- GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, hoàn thành phân còn lại theo mẫu



$$\begin{aligned} ? + ? &= ? \\ ? + ? &= ? \\ ? - ? &= ? \\ ? - ? &= ? \end{aligned}$$

- GV sửa bài, gọi các nhóm đọc kết quả khuyến khích HS giải thích

- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm HS thực hiện đúng và nhanh

Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT3

- GV hướng dẫn HS dựa vào bảng cộng, bảng trừ để điền các số vào dấu ?

- HS lắng nghe

- HS thảo luận nhận biết: dựa vào màu sắc các hình tròn, giải thích các phép tính phù hợp

- HS thảo luận nhóm đôi điền các số vào dấu ?

- HS đọc kết quả:

$$\begin{aligned} 7 + 5 &= 12 & 5 + 7 &= 12 \\ 12 - 5 &= 7 & 12 - 7 &= 5 \end{aligned}$$

- HS lắng nghe

- HS dựa vào bảng cộng, bảng trừ để thực hiện

- HS đọc kết quả

- HS lắng nghe

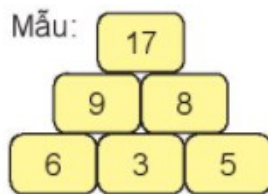
- GV gọi một số HS đọc kết quả
- GV tổng kết, nhận xét

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4

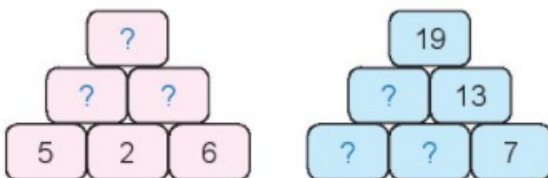
- GV cho HS đọc đề và nhận biết nhiệm vụ
- GV yêu cầu HS viết phép tính và nói câu trả lời và giải thích
- GV nhận xét, tuyên dương HS tính đúng và nhanh nhất.

Nhiệm vụ 5: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT5

- GV cho HS thảo luận nhóm đôi, phân tích mẫu tìm ra quy luật tính rồi thực hiện



- GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi dựa vào mẫu, điền số vào các dấu ? theo quy luật đã tìm ra.



- HS đọc đề và nhận biết nhiệm vụ: viết phép tính và nói câu trả lời

- HS viết phép tính và nói:

$$12 - 3 = 9$$

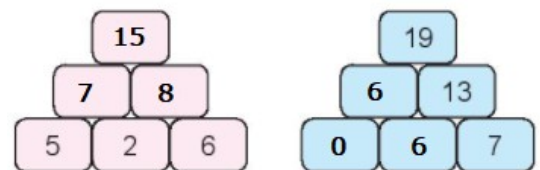
Trên xe còn lại 9 bạn

- HS lắng nghe

- HS thảo luận tìm ra quy luật: mỗi số ở hàng trên bằng tổng hai số cạnh nhau ở hàng dưới.

- HS thực hiện

- HS đọc kết quả và giải thích



- HS lắng nghe

- GV gọi một số nhóm đọc kết quả và giải thích

- GV tổng kết và nhận xét

Nhiệm vụ 6: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT6

- GV cho HS thảo luận nhóm 4, nhận biết yêu cầu của bài và tìm cách giải quyết

- GV hướng dẫn HS: có thể dựa vào bảng cộng, bảng trừ để thực hiện

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm bốn, tính và điền các số vào dấu ?



- GV gọi một số nhóm đọc kết quả và giải thích cách làm

- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm HS điền đúng đúng các số và giải thích rõ ràng

Nhiệm vụ 7: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT7

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bài và nhận biết: phép trừ nào có hiệu bằng 5 thì thuyền đậu đúng bến

- HS thảo luận nhóm

- HS lắng nghe

- HS thảo luận thực hiện

- HS các nhóm trình bày và giải thích

- HS lắng nghe

- HS thảo luận nhóm đôi để nhận biết

- HS tính và chọn

- HS đọc kết quả và giải thích

- HS lắng nghe

<p>- GV yêu cầu HS dựa vào bảng trừ, tính kết quả các phép tính và chọn thuyền đậu sai bến</p> <p>- GV gọi một số HS đọc kết quả và giải thích cách làm</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các HS có đáp án đúng giải thích chính xác.</p> <p>Nhiệm vụ 8: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT8</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài, tìm cách giải quyết vấn đề</p> <p>- GV gợi ý HS có thể tính hoặc nhận xét các thành phần trong hai phép tính để thực hiện.</p> <p>Ví dụ: $9 + 2$ và $9 + 3$</p> <p style="text-align: center;">$9 \quad 2 < 3$</p> <p>vậy $9 + 2 < 9 + 3$</p> <p>(Ví dụ: anh và em mỗi người đều có 2 viên bi, sau đó anh có thêm 2 viên bi, em có thêm 3 viên bi, lúc này anh sẽ ít hơn em)</p> <p>- GV yêu cầu HS so sánh các phép tính còn lại và viết kết quả ra bảng con</p> <p>- GV gọi một số HS đọc kết quả</p> <p>- GV tổng kết, nhận xét, tuyên dương các nhóm hoàn thành tốt bài tập</p> <p>Nhiệm vụ 9: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT9</p> <p>- GV cho HS đọc đề bài và nhận biết mỗi phép tính</p>	<p>- HS đọc và tìm cách giải quyết</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS viết kết quả ra bảng con</p> <p>- HS đọc kết quả</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS đọc đề và nhận biết</p> <p>- HS thực hiện phép tính và tìm ghe thích hợp cho các bạn</p> <p>- HS đóng vai thi đua</p>
---	---

<p>có kết quả là số ghế mỗi bạn ngồi</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS tính các phép tính, tìm ghế cho các bạn - GV sửa bài, tổ chức cho HS đóng vai theo nội dung bài và thi đua ngồi nhanh vào đúng ghế <p>* Thử thách</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu: có 5 tấm bia gắn các nút áo theo một quy luật nào đó. Chúng ta phải tìm ra quy luật đó để biết tấm bia ở sau rổ len có bao nhiêu nút áo. - GV cho HS nhóm bốn thảo luận, các em có thể viết số nút áo ở các tấm bia thành dãy số: 19, 15, 11, .?, ., 3 <ul style="list-style-type: none"> - GV sửa bài, gọi các nhóm đọc kết quả, khuyến khích các nhóm giải thích cách làm. - GV yêu cầu HS kiểm tra xem với cách làm như vậy thì có phù hợp với số nút áo ở tấm bia cuối cùng không. <p>D. CÙNG CỐ</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa cách cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc các câu hỏi, gọi HS trả lời + Cách cộng qua 10 trong phạm vi 20 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - Các nhóm thảo luận tìm ra quy luật: <p>Quy luật: Đếm bớt 4.</p> <p>Tấm bia trước bớt 4 được số nút áo ở tấm bia ngay sau nó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm đọc kết quả, giải thích + Rổ len có 7 chiếc cúc áo - HS kiểm tra <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: + Làm cho đủ chục rồi cộng với số còn lại + Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại - HS lắng nghe
--	--

<p>+ Cách trừ qua 10 trong phạm vi 20</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.</p>	
---	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: EM GIẢI TOÁN (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Làm quen với thuật ngữ “Bài toán”
- Bước đầu nhận biết phương pháp (4 bước) để giải toán có lời văn
- Vận dụng giải và trình bày bài giải

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có)

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>* GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Hỏi nhanh – đáp gọn</p> <p>- Cách chơi: GV đặt câu hỏi, HS trả lời theo mẫu (không cần nói cụ thể bao nhiêu)</p> <p>Mẫu: - Hỏi cả hai tổ có bao nhiêu bạn?</p> <p style="padding-left: 40px;">- Số bạn cả hai tổ có là:</p> <p>- GV lần lượt đặt câu hỏi, HS trả lời</p> <p>+ Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn chơi lò cò?</p> <p>+ Hỏi trang trại có tất cả bao nhiêu bò mẹ và bò con?</p> <p>+ Hỏi mỗi ngày trang trại còn lại bao nhiêu thùng sữa?</p> <p>+ Số gà mái nhiều hơn số gà trống bao nhiêu con?</p> <p>.....</p> <p>- GV tổng kết, dẫn dắt HS vào bài mới.</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ Số bạn chơi lò cò tất cả là:</p> <p>+ Số con bò mẹ và bò con tất cả là:</p> <p>+ Số thùng sữa còn lại là:</p> <p>+ Số con gà mái nhiều hơn gà trống là?</p> <p>- HS lắng nghe</p>

<p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS làm quen với giải toán có lời văn, nắm được các bước giải bài toán và áp dụng giải được các bài toán có lời văn</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Giới thiệu bài toán</p> <p>- GV cho HS quan sát bài toán, GV giới thiệu: Đây là bài toán (Bài toán đã gặp ở lớp 1 nhưng bây giờ mới chính thức giới thiệu thuật ngữ bài toán).</p> <p>Bước 2: Giải bài toán có lời văn</p> <p>a) GV giới thiệu khái quát tên gọi 4 bước, yêu cầu HS lặp lại các bước:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bước 1: Tìm hiểu bài toán + Bước 2: Tìm cách giải bài toán + Bước 3: Giải bài toán + Bước 4: Kiểm tra lại <p>b) GV hướng dẫn từng bước trên bài toán cụ thể ở SGK</p> <p>* Bước 1: Tìm hiểu bài toán</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc kỹ bài toán để hiểu bài toán: Đọc thầm ít nhất 3 lần, sau đó một HS đọc thành tiếng rồi GV đọc lớn bài toán</p> <p>- GV lưu ý HS, khi đọc luôn nghĩ tới: Bài toán hỏi gì? Bài toán cho biết những gì liên quan đến câu hỏi của bài toán?</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS lặp lại các bước theo GV giới thiệu</p> <p>- HS hoạt động cá nhân đọc kỹ bài toán</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	---

VD: Bài toán hỏi gì? (Hỏi về cách chơi lò cò, số bạn gái, bạn trai hay số bạn chơi lò cò?)

+ Bài toán cho biết gì về số bạn chơi, hỏi gì về số bạn chơi?

- GV gọi 1 HS nói vắn tắt những điều bài toán cho biết và câu hỏi của bài toán, GV viết lên bảng

*** Bước 2: Tìm cách giải toán**

- GV đặt câu hỏi:

+ Có 4 bạn, thêm 10 bạn nữa sẽ tương ứng với thao tác nào? (tách hay gộp?)

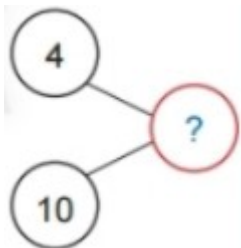
+ Thao tác gộp thì chọn phép tính nào?

- GV hướng dẫn giúp HS minh họa trên sơ đồ tách – gộp số:

+ Trên sơ đồ đâu là tất cả?

+ Ở bài này, “Tất cả” là cái đã cho hay câu hỏi của bài toán?

=> Viết dấu hỏi vào sơ đồ:



+ Bài toán cho biết gì?

- HS nói tóm tắt bài toán

Có: 4 bạn.

Thêm: 10 bạn.

Cỏ tất cả... bạn?

- HS trả lời:

+ Tách hay gộp

+ Phép cộng

- HS lắng nghe, trả lời:

+ Vòng tròn đỏ

+ Câu hỏi

<p>=> Viết vào sơ đồ</p> <p>+ Để tìm “tất cả” ta thực hiện thao tác nào?</p> <p>=> Chọn phép tính phù hợp</p> <p>* Bước 3: Giải bài toán</p> <p>- GV giúp HS:</p> <p>+ Viết câu lời giải.</p> <p>+ Viết phép tính</p> <p>+ Viết đáp số</p> <p>* Bước 4: Kiểm tra lại</p> <p>- GV hướng dẫn HS kiểm tra những điều sau:</p> <p>+ Kết quả tìm được có phù hợp với câu hỏi của bài toán? (Tìm tất cả).</p> <p>+ Các thành phần của phép tính $4 + 10$ có đúng với các số của bài toán không?</p> <p>+ Thực hiện phép tính $4 + 10 = 14$ có đúng không?</p> <p>C. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách giải bài toán</p> <p>Cách tiến hành</p> <p>* Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1</p> <p>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi thảo luận và thực hiện theo 4 bước</p> <p>- GV sửa bài, gọi một số nhóm lên trình bày lời giải, giải thích tại sao lại dùng phép cộng</p>	<p>+ Có 4 bạn, thêm 10 bạn</p> <p>+ Gộp => Chọn phép tính cộng</p> <p>- HS viết bài giải:</p> <p>Số bạn chơi lò cò có tất cả là:</p> <p style="text-align: center;">$4 + 10 = 14$ (bạn)</p> <p style="text-align: right;">Đáp số: 14 bạn</p> <p>- HS kiểm tra lại</p> <p>- HS thảo luận, thực hiện bài toán theo 4 bước</p> <p>- HS các nhóm lên bảng trình bày</p>
---	---

<p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện đúng và nhanh</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2</p> <p>- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi thảo luận và thực hiện theo 4 bước</p> <p>- GV sửa bài, gọi các nhóm trình bày bài giải và giải thích cách làm</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm HS thực hiện đúng và nhanh</p> <p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT3</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân, theo sát, nhắc nhở HS làm theo 4 bước</p> <p>- GV gọi một số HS lên bảng thực hiện bài giải, giải thích tại sao lại chọn phép tính trừ</p> <p>- GV tổng kết, nhận xét</p> <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa các bước giải toán</p>	<p>bài giải:</p> <p>Số con bò mẹ và bò con tất cả là:</p> $74 + 24 = 98 \text{ (con)}$ <p>Đáp số: 98 con</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thảo luận thực hiện bài toán theo 4 bước</p> <p>- HS các nhóm trình bày</p> <p>Bài giải:</p> <p>Số thùng sữa còn lại là:</p> $80 - 60 = 20 \text{ (thùng)}$ <p>Đáp số: 20 thùng</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thực hiện cá nhân, giải bài toán theo 4 bước</p> <p>- HS lên bảng trình bày:</p> <p>Bài giải:</p> <p>Số gà mái nhiều hơn số gà trống:</p> $11 - 2 = 9 \text{ (con)}$ <p>Đáp số: 9 con</p>
---	--

<p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV gọi HS nhắc lại:+ 4 bước cần thực hiện khi giải toán+ Nói những việc chính cần làm trong mỗi bước- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.	<ul style="list-style-type: none">- HS lắng nghe - HS trả lời: - HS lắng nghe
---	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: BÀI TOÁN NHIỀU HƠN (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết ý nghĩa bài toán nhiều hơn: Nếu thêm phần nhiều hơn vào số bé sẽ được số lớn.
- Vận dụng giải quyết vấn đề liên quan: Giải bài toán nhiều hơn

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.


- 20 khối lập phương

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết được bài toán về nhiều hơn, biết cách giải và trình bày bài giải của bài toán đó</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Giới thiệu bài toán về nhiều hơn và cách giải</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài kết hợp với chỉ tay vào hình ảnh minh họa, nhận biết câu hỏi và những điều đề bài cho biết.</p>  <p>- GV cho HS thảo luận nhóm, xác định các vấn đề giải quyết</p>	<p>- HS đọc đề, quan sát hình ảnh và tóm tắt đề:</p> <p>Hà : 4 bút chì</p> <p>Tín nhiều hơn Hà : 1 bút chì</p> <p>Tín : ... bút chì</p> <p>- HS xác định:</p> <ul style="list-style-type: none">• Tờ giấy che mấy bút chì chì?• Số bút chì của Tín nhiều hơn Hà (1 bút chì)• Nếu thêm 1 vào số bút chì của Hà sẽ

<p>- GV yêu cầu các nhóm tự thực hiện phép tính và viết câu trả lời</p> <p>- GV hướng dẫn HS kiểm tra những điều sau: Hà có 4 bút, Tín có 5 bút, có đúng là tín nhiều hơn Hà 1 bút?</p> <p>B. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách giải bài toán nhiều hơn</p> <p>Cách tiến hành</p> <p><i>* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1</i></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc kỹ đề bài, nhận biết cái phải tìm và cái đã cho</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện giải bài toán, lưu ý: nếu thêm 3 vào số sách ngăn trên sẽ được số sách ngăn dưới</p> <p>- GV sửa bài, gọi một số HS lên trình bày bài giải</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các HS thực</p>	<p>được số bút chì của tín</p> <p>- HS thực hiện giải bài toán: Số bút chì của Tín là: $4 + 1 = 5$ (cái) Đáp số: 5 cái bút chì</p> <p>- HS kiểm tra lại: $5 - 1 = 4$ (đúng)</p> <p>- HS đọc kỹ, tóm tắt bài: + Ngăn trên: 9 quyển sách + Ngăn dưới nhiều hơn ngăn trên: 3 quyển + Ngăn dưới: ? quyển sách</p> <p>- HS thực hiện giải bài toán theo các bước</p> <p>- HS lên bảng trình bày bài giải: Số sách ở ngăn dưới là: $9 + 3 = 12$ (quyển sách)</p>
---	---

<p>hiện tốt</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc kĩ, nhận biết cái phải tìm và cái đã cho - GV yêu cầu HS thực hiện giải bài toán theo tóm tắt, lưu ý: dài hơn tức là nhiều hơn - GV sửa bài, gọi một số HS lên trình bày bài giải <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện tốt <p>D. CÙNG CỐ</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa cách bước giải toán nhiều hơn</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS tạo tình huống xuất hiện bài toán nhiều hơn để cả lớp cùng giải. VD: <p>HS A: Tôi có 8 quyển truyện</p> <p>HS B: Tôi có nhiều hơn bạn 5 quyển truyện</p> <p>Cả lớp: Số quyển truyện bạn B có là:</p> $8 + 5 = 13 \text{ (quyển truyện)}$ <p style="text-align: center;">Đáp số: 13 quyển truyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS cả lớp tạo các tình huống 	<p style="text-align: right;">Đáp số: 12 quyển sách</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS đọc kĩ, nhận biết - HS thực hiện giải bài toán theo các bước - HS lên bảng trình bày bài giải: <p>Xe cứu hỏa dài là:</p> $8 + 5 = 13 \text{ (cm)}$ <p style="text-align: right;">Đáp số: 13 cm</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS lắng nghe
--	--

tương tự ví dụ và giải - GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.	- HS cả lớp thực hiện - HS lắng nghe
--	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: BÀI TOÁN ÍT HƠN (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết ý nghĩa bài toán ít hơn: Nếu thêm phần ít hơn vào số lớn sẽ được số bé.
- Vận dụng giải quyết vấn đề liên quan: Giải bài toán ít hơn

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU


1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- 20 khối lập phương

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con
- 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết được bài toán về ít hơn, biết cách giải và trình bày bài giải của bài toán đó</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Giới thiệu bài toán về ít hơn và cách giải</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài kết hợp với chỉ tay vào hình ảnh minh họa, nhận biết câu hỏi và những điều đề bài cho biết.</p>  <p>- GV yêu cầu HS, dựa vào hình ảnh xác định được:</p> <ul style="list-style-type: none">• Số bi của Thúy (bị tờ giấy che)• Số bi thúy ít hơn Sơn (2 viên bi)• Nếu dùng tay che đi 2 viên bi này thì số bi còn lại bằng số bi của Thúy. <p>- GV yêu cầu HS nhóm đôi tự thực hiện phép tính và viết câu trả lời</p>	<p>- HS đọc đề, quan sát hình ảnh và tóm tắt đề:</p> <p>Sơn : 7 viên bi</p> <p>Thúy ít hơn Sơn : 2 viên bi</p> <p>Thúy : ... viên bi?</p> <p>- HS dựa vào hình ảnh để xác định</p>

<p>- GV hướng dẫn HS kiểm tra: Sơn có 7 viên bi, Thúy có 5 viên bi, có đúng Thúy có ít hơn Sơn 2 viên bi?</p> <p>B. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách giải bài toán ít hơn</p> <p>Cách tiến hành</p> <p>* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc kỹ đề bài, nhận biết cái phải tìm và cái đã cho</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện giải bài toán, lưu ý: ít hơn 2 học sinh tức là nếu bớt 2 học sinh ở lớp 2A thì sẽ được số học sinh của lớp 2B</p> <p>- GV sửa bài, gọi một số HS lên trình bày bài giải</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện tốt</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2</p>	<p>- HS thực hiện giải bài toán:</p> <p>Số bi của Thúy có là:</p> $7 - 2 = 5 \text{ (viên)}$ <p>Đáp số: 5 viên bi</p> <p>- HS kiểm tra lại: $7 - 5 = 2$ (đúng)</p> <p>- HS đọc kỹ, tóm tắt bài:</p> <p>+ Lớp 2A: 35 học sinh</p> <p>+ Lớp 2B ít hơn lớp 2A: 2 học sinh</p> <p>+ Lớp 2B: học sinh?</p> <p>- HS thực hiện giải bài toán theo các bước</p> <p>- HS lên bảng trình bày bài giải:</p> <p>Số học sinh của lớp 2B là:</p> $35 - 2 = 33 \text{ (học sinh)}$ <p>Đáp số: 33 học sinh</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	--

<p>- GV yêu cầu HS đọc kĩ, nhận biết cái phải tìm và cái đã cho</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện giải bài toán, lưu ý: thấp hơn tức là ít hơn</p> <p>- GV sửa bài, gọi một số HS lên trình bày bài giải</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện tốt</p>	<p>- HS đọc kĩ, tóm tắt bài:</p> <p>+ Đèn màu vàng cao: 16 dm</p> <p>+ Đèn màu hồng thấp hơn đèn màu vàng: 12 dm</p> <p>+ Cây đèn màu hồng cao: dm?</p> <p>- HS thực hiện giải bài toán theo các bước</p> <p>- HS lên bảng trình bày bài giải:</p> <p>Cây đèn màu hồng cao:</p> $16 - 12 = 4 \text{ (dm)}$ <p style="text-align: right;">Đáp số: 4 dm</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: ĐỰNG NHIỀU NƯỚC, ĐỰNG ÍT NƯỚC (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Bước đầu hình thành biểu tượng về dung tích qua việc so sánh để nhận biết đựng nhiều hơn, ít hơn hay bằng nhau giữa hai đồ chứa chất lỏng
- Biết cách so sánh dung tích các vật chứa

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: ham học (thích đọc sách), có trách nhiệm (có ý thức giữ gìn sách, không làm hỏng, làm mất).
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên


- Giáo án, SGK, SGV.

- Các vật dụng chứa chất lỏng

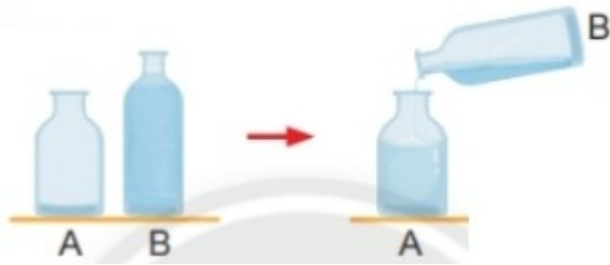
2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết được thể nào là đựng nhiều hơn, đựng ít hơn, đựng bằng nhau và thực hành để nhận biết</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Giới thiệu “đựng nhiều hơn, đựng ít hơn, đựng bằng nhau”</p> <p>a) Tạo tình huống tìm hiểu về sức chứa</p> <p>- GV cho HS quan sát hai chai không có nước và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:</p>  <p>+ Chai nào đựng được nhiều nước hơn?</p> <p>- GV đặt vấn đề cho HS giải quyết: Làm sao để biết chính xác chai nào đựng được nhiều nước hơn?</p> <p>Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để tìm ra cách giải quyết vấn đề</p>	<p>- HS quan sát và trả lời</p> <p>- HS lắng nghe và thảo luận theo nhóm 4</p>

- GV gọi các nhóm trình bày,
- Có thể có nhiều đề xuất, tuy nhiên GV hướng dẫn HS theo cách giới thiệu trong SGK
- + Lấy nước đổ đầy vào một trong hai chai
- + Đổ chai nước đầy vào chai còn lại



=> GV yêu cầu HS dự đoán điều gì sẽ xảy ra khi đổ chai nước đầy vào chai còn lại.

b) Làm quen các thuật ngữ

- GV giới thiệu các bình đựng nước




Yêu cầu HS quan sát hình ảnh, nhận biết về sức chứa của các bình

- HS các nhóm trình bày
- HS lắng nghe

- HS kết luận

- HS quan sát ảnh và nói:

- Bình A đựng ít hơn bình B
- Bình B đựng nhiều hơn bình A
- Bình A và bình C đựng bằng nhau

<p>Bước 2: Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát lại hai chai đựng đầy nước và một số li cùng loại (không có nước)  <p>Yêu cầu HS giải quyết vấn đề: Chai nào đựng nhiều nước hơn</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi các nhóm lên thực hành: Đổ nước ở mỗi chai ra các li, chai nào đổ ra được nhiều li hơn thì chai đó đựng nhiều nước hơn <p>D. CÙNG CỐ</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổng kết: <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi vật (bình, chai, can,...) có sứ chứa khác nhau + Hằng ngày, ta cần để ý xem vật nào chứa được nhiều hơn hay ít hơn <p>* Hoạt động thực tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS về nhà thực hiện theo nội dung SGK - GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát hình ảnh - Thảo luận nhóm 4 giải quyết vấn đề - HS các nhóm thực hành - HS lắng nghe - HS về nhà thực hiện - HS lắng nghe
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: LÍT (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết đơn vị đo dung tích: lít; tên gọi, kí hiệu
- Nhận biết được độ lớn của 1 l.
- Sử dụng vật chứa 1 l để xác định sức chứa của các vật khác.
- Xác định sức chứa của vật so với 1 l.
- GQVĐ đơn giản liên quan đến sức chứa của vật.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- Chuẩn bị chai 1 l, ca 1 l, hai xô có dung tích khác nhau (cùng học), một số vỏ hộp, chai nước ngọt,... các vật dụng này có ghi dung tích (thực hành 2).

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- Chai đựng nước cá nhân và một số vỏ hộp, chai nước ngọt,... (các vật dụng này có ghi dung tích).

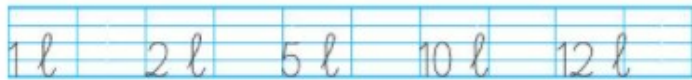
III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết đơn vị đo dung tích lít, dụng cụ đo dung tích và thực hành</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Giới thiệu đơn vị đo dung tích lít và dụng cụ đo dung tích (chai 1l, ca 1 l)</p> <p>- GV cho HS quan sát 2 xô (không có nước), loại xô 10 l và 12 l</p> <p>+ Xô nào đựng được nhiều hơn?</p> <p>+ Nhiều hơn bao nhiêu?</p> <p>- GV giới thiệu: Để biết mỗi vật chứa được bao nhiêu chất lỏng, người ta thường dùng đơn vị lít</p> <p>+ Lít là một đơn vị đo dung tích</p> <p>+ Lít viết tắt là l</p> <p>+ Đọc là lít</p>	<p>- HS quan sát và trả lời</p> <p>+ Xô lớn</p> <p>- HS lắng nghe và ghi nhớ</p>

Bước 2: Thực hành

Bài 1:

GV yêu cầu HS viết ra bảng con theo nội dung như SGK



- HS viết ra bảng con

Bài 2:

- GV cho HS tiếp xúc với dụng cụ đo chứa 1l nước.



- HS quan sát các vật dụng

- Yêu cầu mỗi nhóm HS quan sát các vật dụng đựng chất lỏng đã chuẩn bị:

- Đoán xem mỗi vật dụng chứa được bao nhiêu lít.

- Kiểm tra lại bằng cách đọc dung tích trên vỏ hộp, chai.

- HS các nhóm quan sát các vật dụng đã chuẩn bị và dự đoán

Bài 3:

- GV đặt vấn đề: Máy bình nước của em thì được 1l nước?

Yêu cầu HS:

- Ước lượng bằng mắt, đoán xem 1l được bao nhiêu bình nước.

- HS thực hành theo yêu cầu của GV

- Đổ nước từ bình 1l vào bình nước cá nhân.
- Đổ nước từ bình cá nhân vào bình 1 l cho tới lúc đầy.
- Sau thực hành này, GV nhắc nhở HS cần ghi nhớ: uống mấy bình nước cá nhân thì tương đương 1l.

Bài 4:

GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh:



Tìm hiểu và viết ra bảng con: can màu đỏ đựng được nhiều hơn can màu xanh bao nhiêu lít?

D. CÙNG CỐ

Mục tiêu: HS củng cố lại kiến thức đã học

Cách tiến hành:

- GV tổng kết:
- + Có nhiều vật xung quanh ta có thể chứa chất lỏng; có vật chứa được nhiều, có vật chứa được ít.
- + Để biết chính xác sức chứa của các vật, người ta phải “đong” bằng tay hoặc dùng máy móc hỗ trợ (máy bơm xăng ,...) theo đơn vị lít.

- HS ghi nhớ

- HS quan sát hình ảnh

- HS tìm hiểu và viết ra bảng con:

$$10\text{ l} - 3\text{ l} = 7\text{ l}$$

- HS lắng nghe

<p>+ Lít là một đơn vị đo dung tích, 1l khoảng ... bình nước của em.</p> <p>* Hoạt động thực tế</p> <p>- GV yêu cầu HS về nhà thực hiện theo nội dung SGK</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.</p>	<p>- HS về nhà thực hiện</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Củng Cố các kiến thức, kỹ năng về số và phép tính.
- + Thứ tự các số; sử dụng các thuật ngữ số liền trước, số liền sau để diễn tả số.
- + GQVĐ đơn giản liên quan đến quan hệ thứ tự của số.
- + Cấu tạo số trong phạm vi 100 và các phép tính có liên quan.
- + Tính nhẩm, tính viết trong phạm vi 100.
- + Cộng trừ qua 10 trong phạm vi 20.
- + Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính.
- Củng cố các kiến thức, kỹ năng về hình học và đo lường.
- + Thực hành xếp hình.
- + GQVĐ đơn giản liên quan đến đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
- + GQVĐ đơn giản liên quan đến độ dài.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* **Năng lực riêng:** Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1</p> <ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu HS theo nhóm đôi tìm hiểu từng câu, thực hiện rồi trình bày- GV sửa bài, gọi một số nhóm trình bày kết quả	<ul style="list-style-type: none">- HS thảo luận theo nhóm đôi thực hiện các yêu cầu- Các nhóm trình bày:<ul style="list-style-type: none">a) Trong ô màu vàng là số liền sau của số 18, đó là số 19Trong ô màu xanh là số liền trước số 21, đó là số 20

<p>- GV tuyên dương, khen ngợi các nhóm HS trả lời đúng</p> <p>* Thư giãn:</p> <p>- Giáo viên đọc bài thơ Mèo con đi học</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện phép tính nhẩm theo từng cột ra bảng con</p> <p>- GV gọi 3 HS đọc kết quả</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS tính đúng và nhanh</p> <p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT3</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện phép tính ra bảng con, lưu ý đặt tính đúng</p>	<p>b) ? có thể là 19 hoặc 20.</p> <p>c) - Nhiều hơn 18 nhưng ít hơn 21 cái thì có thể là 19 hay 20 cái.</p> <p>- Số bút chì không là 20 vì 20 là số liền trước của 21.</p> <p>- Vậy số bút của của mèo con là 19.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thực hiện tính nhẩm các phép tính ra bảng con:</p> <p>$30 + 60 = 90$; $7 + 10 = 17$; $5 + 12 = 17$</p> <p>$90 - 60 = 30$; $17 - 7 = 10$; $17 - 12 = 5$</p> <p>$90 - 30 = 60$; $17 - 10 = 7$; $17 - 5 = 12$</p> <p>- HS đọc kết quả</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	---

- GV gọi 4 HS lên bảng thực hiện các phép tính

- GV nhận xét, tuyên dương HS tính đúng và nhanh nhất

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4

- GV yêu cầu HS thực hiện phép tính nhắm theo từng cột ra bảng con

- GV gọi một số HS đọc kết quả

- GV sửa bài, hỏi nhanh để HS cách tính ở các trường hợp cụ thể và khái quát cách cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20.

Nhiệm vụ 5: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT5

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi quan sát mẫu và nhận biết:



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, hoàn thành

- HS tính các phép tính ra bảng con

- HS trình bày:

- HS lắng nghe

- HS thực hiện tính nhắm ra bảng con

- HS đọc kết quả

- HS lắng nghe và trả lời:

+ Gộp cho đủ chục rồi cộng vớ số còn lại.

+ Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại.

- HS quan sát mẫu và nhận biết

các bài còn lại dựa vào mẫu, lưu ý HS: áp dụng cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20 để giải quyết



- GV gọi một số nhóm đọc kết quả và giải thích cách làm

- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm HS điền đúng đúng các số và giải thích rõ ràng

Nhiệm vụ 6: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT6

- GV cho HS tìm hiểu bài, dùng một minh họa cụ thể làm mẫu:

Ví dụ: theo hàng $3 + 6 + ? = 14$

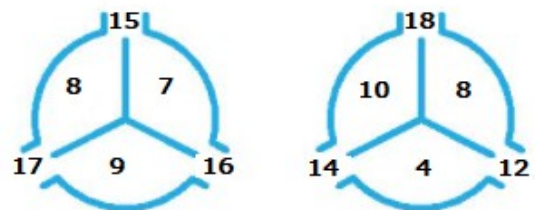
Theo cột $3 + 3 + ? = 14$

- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện thay số vào dấu ?

- GV sửa bài, gọi một số nhóm trình bày kết quả và giả thích, khuyến khích HS giải thích theo nhiều cách

- HS thảo luận nhóm đôi, tìm số bị che của mỗi con vật

- HS chia sẻ kết quả



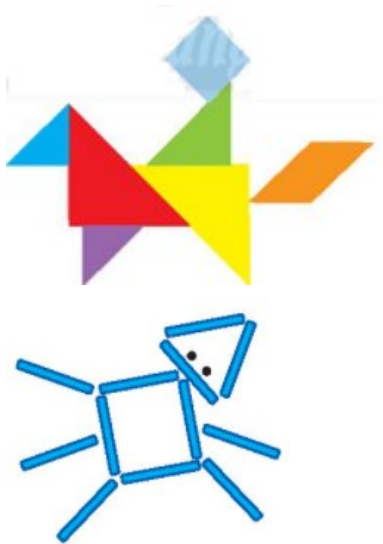
- HS lắng nghe GV nhận xét

- HS tìm hiểu bài quan sát ví dụ để nhận biết

- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm HS có kết quả chính xác, giải thích đúng cách làm

Nhiệm vụ 7: Hoạt động nhóm đôi hoàn thành BT 7

- GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm đôi tiến hành xếp hình theo yêu cầu



a, Xếp hình chú bé cưỡi ngựa b, Xếp hình con vật

- GV gọi một số nhóm trình bày kết quả xếp hình
- GV nhận xét, tuyên dương

Nhiệm vụ 8: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT8

- GV cho HS nhóm đôi quan sát hình ảnh, nhận biết đường đi của mỗi bạn

- HS thảo luận nhóm đôi, vận dụng cộng, trừ trong phạm vi 20 để tìm số thay vào dấu?

- HS các nhóm đọc kết quả và giải thích

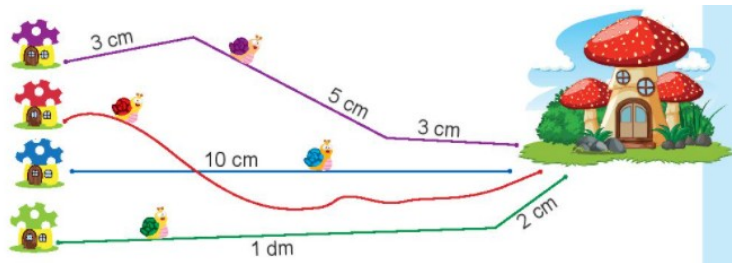


- HS lắng nghe

- HS thảo luận nhóm đôi, xếp hình chú bé cưỡi ngựa và con vật

- HS các nhóm trình bày

- HS lắng nghe



- GV gọi một số HS thực hiện từng câu

- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm HS có kết quả chính xác

Nhiệm vụ 9: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT9

- GV cho HS tìm hiểu bài, nhóm đôi tập nói tóm tắt ngắn gọn bài toán

- GV gọi 1 số nhóm trình bày bài giải

- GV sửa bài, khuyến khích HS giải thích tại sao chọn phép cộng.

- HS các nhóm quan sát và nhận biết

- HS thực hiện từng câu:

- a) Sai (chỉ có hai đường gấp khúc).
- b) Đúng ($3 \text{ cm} + 5 \text{ cm} + 3 \text{ cm} = 11 \text{ cm}$).
- c) Sai ($10 \text{ cm} + 2 \text{ cm} = 12 \text{ cm}$).
- d) Đúng ($10 \text{ cm} = 1 \text{ dm}$).

- HS lắng nghe

- HS thảo luận tóm tắt bài toán:

Hôm qua: 9 ngôi sao.


Hôm nay: 8 ngôi sao.

Cả hai ngày: ... ngôi sao?

- Các nhóm trình bày lời giải:

Số ngôi sao Mai gập cả hai ngày:

$$9 + 8 = 17 \text{ (ngôi sao)}$$

<p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm HS có kết quả chính xác</p> <p>* Vui học</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu bài:</p> <p>+ Tìm chiều cao mỗi bạn.</p> <p>+ Trong ba bạn, có ai đã biết chiều cao?</p> <p>+ Tìm chiều cao hai bạn còn lại theo Cà Tím</p> <p>- GV gọi HS nói chiều cao của các bạn còn lại</p> <p>- GV sửa bài, nhận xét</p> <p>* Khám phá</p> <p>- GV yêu cầu HS nhóm bốn tìm hiểu bài, giải thích từng bức tranh.</p>  <p>- GV gọi các nhóm giải thích tại sao quạ uống được nước.</p> <p>- GV liên hệ thực tế: Khi pha nước chanh đá, người ta cho vào li: nước lọc, đường, chanh sao cho chỉ chiếm khoảng nửa li, tại sao vậy? (Vì khi</p>	<p>Đáp số: 17 ngôi sao.</p> <p>- HS lắng nghe, giải thích</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS tìm hiểu bài, tìm chiều cao của hai bạn còn lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cà Tím thấp hơn Ngô 3 cm tức là Ngô cao hơn Cà Tím 3 cm. • Cà Tím cao hơn Cà Chua 9 cm tức là Cà Chua thấp hơn cà tím 9 cm <p>- HS nói:</p> <p>+ Ngô cao: $15 + 3 = 18$ cm</p> <p>+ Cà Chua cao: $15 - 9 = 7$ cm</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS quan sát tranh, giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Miệng bình nhỏ, đầu quạ không chui vào được để uống nước. • Quạ thả sỏi vào bình. • Quạ uống nước. <p>- Các nhóm giải thích:</p> <p>Thả sỏi vào, nước dâng lên (lượng nước vẫn thế, sức chứa ít đi)</p> <p>- HS lắng nghe</p>
---	--

cho nước đá vào, nước trong li dâng lên đầy li).

*** Thử thách**

- GV cho HS nhóm sáu tìm hiểu bài, các em có thể viết các phép tính minh họa.

- GV gọi các nhóm trình bày, lưu ý có thể có nhiều cách giải thích:

- GV hỏi: Có bạn nào cao 17 dm?

*** Đất nước em**

- GV cho HS quan sát ảnh ruộng bậc thang.



- GV giới thiệu đôi nét về ruộng bậc thang và vẻ đẹp của nó.

- GV yêu cầu HS nhận biết hình ảnh các đường cong trong ảnh và tìm vị trí tỉnh Yên Bái trên bản

- HS hoạt động nhóm tìm hiểu

- HS các nhóm trình bày, có thể cso nhiều cách giải thích:

Đếm thêm 3: 2, 5, 8, 11, 14, 17.

Thực hiện các phép cộng:

$$2 + 3 = 5$$

$$5 + 3 = 8$$

.....

$$14 + 3 = 17$$

Vào thứ Bảy, cây cao 17 dm.

- HS trả lời

- HS quan sát hình ảnh

- HS lắng nghe

đồ.	- HS nhận biết và tìm vị trí trên bản đồ
-----	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Chơi cắm cờ

(1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các phép cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: trách nhiệm

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống; Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- 10 khối lập phương hoặc vật thay thế (hòn sỏi, hạt nhãn,...)

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con
- 10 khối lập phương hoặc vật thay thế (hòn sỏi, hạt nhãn,...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các phép cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho lớp thực hành như trong SGK - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi, các nhóm lần lượt đưa ra các tình huống thực tiễn, cả lớp giải quyết các vấn đề đó bằng cách thực hiện các phép cộng, trừ qua 10 trong phạm vi 20. - GV thông báo phép tính đúng sau mỗi lượt chơi - Ở mỗi nhóm đôi, bạn nào viết phép tính đúng và nhanh thì được cắm cờ lên thành. <p>Mỗi bạn dùng các đồ vật ,  hay cái</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động nhóm đôi đưa ra các tình huống, cả lớp cùng giải quyết  <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm, ghi kết quả vào bảng con.

<p>lá,...) tượng trưng cho cờ của mình.</p> <p>Khi mỗi nhóm cầm đủ 5 lá cờ, hai bạn trong nhóm sẽ xác định được người thắng (bạn cầm được nhiều cờ hơn).</p> <p>- GV cho HS tiếp tục trò chơi, tìm ra nhóm thắng cuộc</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương nhóm thắng cuộc</p>	<p>- HS tiếp tục trò chơi</p> <p>- HS nhận xét</p>
---	--

KIỂM TRA

1. Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Số liền sau của 81 là:

- A. 80 B. 81 C. 82

2. Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng

Hiệu của 58 và 32 là:

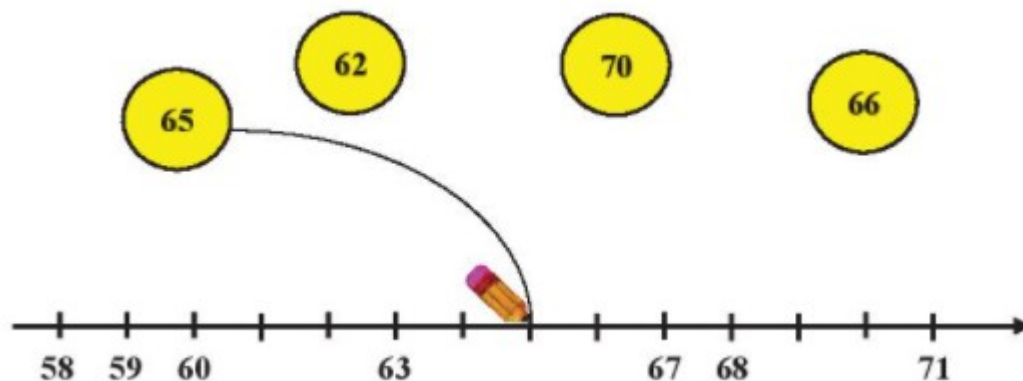
- A. $58 - 32$ B. $58 + 32$ C. $32 + 58$

3. Đúng ghi [đ], sai ghi [s]

Số bé nhất có hai chữ số:

- a) 99
- b) 11
- c) 10

4. Nối (theo mẫu)



5. Nối (theo mẫu)

$8 + 6 = 14$
$14 - 6 = 8$
$7 + 7 = 14$
$14 - 7 = 7$
$9 + 5 = 14$
$14 - 5 = 9$

6. Tính:

$7 + 5 = \dots$

$11 - 6 = \dots$

$8 \text{ cm} + 4 \text{ cm} - 5 \text{ cm} = \dots$

$12 - 9 = \dots$

$3 + 9 = \dots$

$14 \text{ l} - 6 \text{ l} + 7 \text{ l} = \dots$

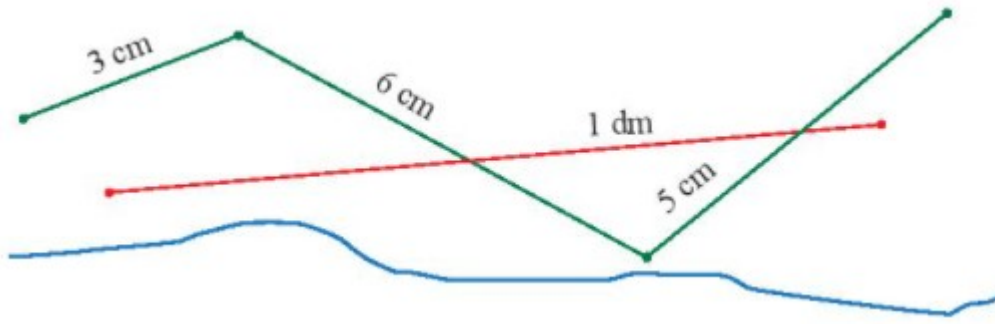
7. Đặt tính rồi tính.

$46 - 30$

$22 + 5$

8. Huy xếp được 7 ngôi sao, Mai xếp được nhiều hơn Huy 5 ngôi sao. Hỏi Mai xếp được bao nhiêu ngôi sao?

9. Đúng ghi đ, sai ghi s



- a) Các hình ảnh trên đều là đường gấp khúc.
- b) Đường màu xanh lá cây dài 14cm.
- c) Đoạn thẳng màu đỏ dài 10 cm.

10. Đánh dấu (☐) vào bức tranh bạn Ong vẽ.

Biết rằng bạn Ong chỉ vẽ một bức tranh, bức tranh đó có đặc điểm như sau:

- Bạn vẽ bầu trời lúc ban ngày.
- Bức tranh có hai đám mây.
- Khung tranh không phải hình tròn.



Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: PHÉP CỘNG CÓ TỔNG LÀ SỐ TRÒN TRỤC (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được phép cộng có tổng là số tròn chục
- Củng cố ý nghĩa của phép cộng, vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến phép cộng.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+).
- Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan tới độ dài và đơn vị xăng-ti-mét.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- 2 thẻ chục và 10 khối lập phương, hình vẽ cho bài luyện tập 1 và Vui học (nếu cần).

2. Đối với học sinh

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con...

- 2 thẻ chục và 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS chơi trò chơi “Tìm bạn” - GV cho HS viết số vào bảng con (mỗi em tự chọn một số bất kì từ 1 đến 9). - GV cho HS tìm bạn để hai số cộng lại bằng 10. <p>Hai bạn nào tìm được nhau sớm nhất thì thắng cuộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cùng cả lớp nhận xét, đánh giá, dẫn HS vào bài học mới <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nắm được cách cộng có nhớ trong phạm vi 100 và biết áp dụng để thực hành.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết số bất kì vào bảng con - HS tìm các bạn - HS nghe GV giới thiệu bài mới

<p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Xây dựng biện pháp cộng có nhớ trong phạm vi 100</p> <p>- GV chia lớp thành các nhóm 4 HS:</p> <p>* Bước 1: Tìm hiểu vấn đề</p> <p>- GV viết phép tính $26 + 4 = ?$ lên bảng, yêu cầu các nhóm quan sát phép tính.</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm thảo luận, trình bày nhận biết yêu cầu</p> <p>* Bước 2: Lập kế hoạch</p> <p>- GV gợi ý: Dùng các thẻ chục và các khối lập phương thể hiện phép tính $26 + 4$. Yêu cầu HS nhận biết muốn tính phải làm như thế nào?</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm thảo luận, nêu cách thức giải quyết, nêu tên cách làm: Đếm hay Tính.</p>	<p>- HS các nhóm quan sát phép tính</p> <p>- HS nhận biết: ta phải tính $26 + 4$</p> <p>- HS chú ý lắng nghe và nhận biết:</p> <p>+ Muốn tính $26 + 4$ phải gộp 2 thành chục và 6 khối lập phương với 4 khối lập phương để tìm số khối lập phương có tất cả.</p> <p>- HS các nhóm thảo luận:</p> <p>* Các khả năng có thể xảy ra.</p> <p>• Đếm: Đếm trên các khối lập phương (đếm các thẻ chục rồi đếm thêm các khối lập phương rời). Đếm trên các ngón tay.....</p> <p>• Tính: $6 + 4 = 10$; $20 + 10 = 30$ nên $26 + 4 = 30$.</p> <p>- HS hoạt động nhóm viết phép tính ra</p>
--	---

<p>* Bước 3: Tiến hành kế hoạch</p> <p>- GV yêu cầu các nhóm thực hiện kế hoạch: Viết phép tính đã thực hiện ra bảng con: $26 + 4 = 30$.</p> <p>- GV gọi một vài nhóm trình bày cách thức giải quyết:</p> <p>+ Làm bằng cách nào? (đếm hay tính) + Đếm thế nào? + Tính thế nào?</p> <p>- GV tổng kết ngắn gọn cách làm của các nhóm.</p> <p>- GV giới thiệu biện pháp tính, vừa nói vừa viết: Để thực hiện phép cộng $24 + 6$ ta có thể làm như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đặt tính: Viết số hạng này dưới số hạng kia sao cho số đơn vị thẳng cột với nhau, viết dấu cộng, kẻ vạch ngang. • Tính từ phải sang trái: <p>* Bước 4: Kiểm tra</p> <p>- GV cho cả lớp cùng đếm theo chục trên các</p>	<p>bảng con</p> <p>- HS các nhóm trình bày cách thực hiện</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS lắng nghe, quan sát và ghi nhớ kiến thức</p> <p>- HS cả lớp cùng đếm</p> <p>- HS lắng nghe</p>
---	--

khối lập phương và đếm tiếp các khối lập phương rồi để khẳng định kết quả đúng.

- GV tổng kết: Với phép tính $26 + 24$ có thể thực hiện theo trình tự:

- HS đặt tính rồi tính.
- Dùng ĐDHT kiểm chứng kết quả.

Bước 2: Thực hành

- GV nêu lần lượt các phép tính cho HS thực hiện trên bảng con

$$61 + 9 \qquad 53 + 17 \qquad 42 + 18$$

- GV nhận xét, tổng kết

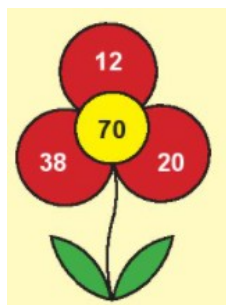
C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách tính phép cộng có nhớ trong phạm vi 100

Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1

- GV yêu cầu HS tìm hiểu mẫu, nhận biết:



+ Mỗi bông hoa có ba cánh hoa, trên mỗi cánh

- HS thực hiện các phép tính ra bảng con:

- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu mẫu và nhận biết

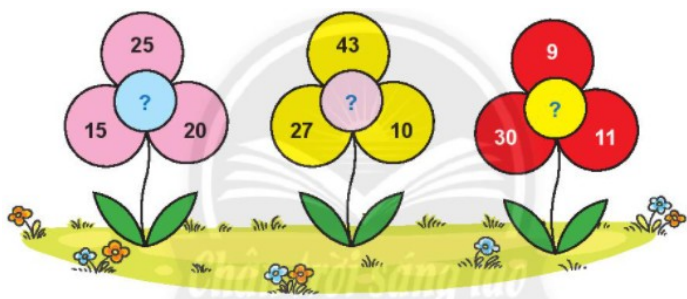
+ Số ở nhị hoa bằng tổng các số ở cánh hoa: $12 + 38 + 20 = 70$

+ Nhận xét tổng là số tròn chục

hoa đều có số.

+ Số ở nhị hoa có liên quan gì tới các số ở cánh hoa?

- GV yêu cầu HS làm toán cộng các phép tính còn lại ra bảng con:



- GV mời ba bạn HS lên bảng, mỗi bạn thực hiện một phép tính.

- GV sửa bài cho HS, yêu cầu HS nhìn vào tổng để nhận xét: Tổng là số tròn chục

Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2

- GV yêu cầu HS đọc bài toán, xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: giải bài toán.

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân giải bài toán

- GV lấy tinh thần xung phong, gọi HS lên bảng trình bày lời giải

- HS làm phép tính ra bảng con

- HS lên bảng thực hiện

- HS lắng nghe GV

- HS đọc đề, tóm tắt bài toán:

Tổ Một thu: 35 vỏ hộp sữa

Tổ Hai thu: 55 vỏ hộp sữa

Cả hai tổ thu:..... vỏ hộp sữa?

- HS giải bài toán theo các bước

- HS xung phong lên bảng trình bày:

Cả hai tổ thu được số vỏ hộp sữa là:

$$35 + 55 = 90 \text{ (vỏ hộp sữa)}$$

Đáp số: 90 vỏ hộp sữa

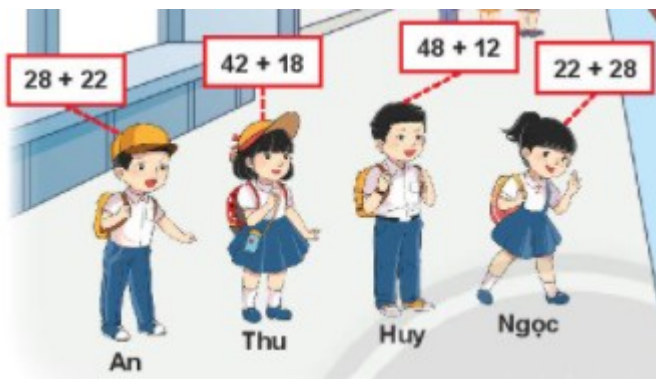
- HS lắng nghe

- GV chữa bài cho HS, sau đó GV nhận xét và khen ngợi tinh thần học tập của các bạn.

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3

- GV cho HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bài và nhận biết yêu cầu của bài

- GV yêu cầu các nhóm thực hiện phép tính ra bảng con để tìm bạn có vé xe số 50, gọi một số nhóm đọc kết quả



- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện đúng và nhanh

*** Vui học**

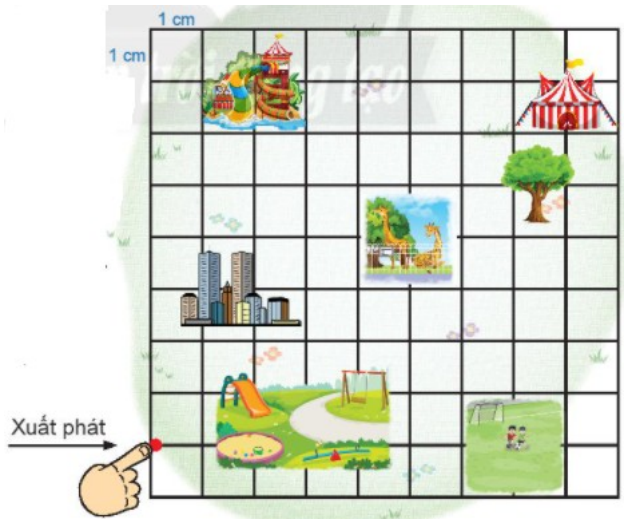
- GV treo tranh lên bảng lớp, hướng dẫn mẫu:

- HS thảo luận nhận biết: Thực hiện phép tính cộng để tìm vé có tổng là 50 để lên xe

- HS các nhóm thực hiện phép tính và đọc kết quả: hai bạn An và Ngọc có vé xe số 50

- HS lắng nghe nhận xét, tuyên dương.

- HS quan sát, lắng nghe



- Yêu cầu HS tiếp tục chơi theo nhóm đôi: các câu a, b, c

Lưu ý: Các nhóm có thể đi theo các cách khác nhau, so sánh độ dài các quãng đường ở mỗi cách đi.

- GV lưu ý các em cách đi trong thực tế cuộc sống: chọn đường đi theo các tiêu chí:

- + An toàn.
- + Khoảng cách ngắn.

D. CÙNG CỐ

Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học

Cách tiến hành:

- GV đọc các phép tính, HS thực hiện trên bảng con

22 + 8; 33 + 27;

- HS lắng nghe chơi theo nhóm đôi

- HS thực hiện các phép tính trên bảng con

- HS lắng nghe nhận xét

- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.	
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: PHÉP CỘNG CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100 (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100.
- Củng cố ý nghĩa của phép cộng, vận dụng vào giải quyết vấn đề dẫn đến phép cộng.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+).
- Bước đầu làm quen cách tính nhanh.
- Cộng các số đo dung tích với đơn vị đo lít.
- Ôn tập tính nhẩm trong phạm vi 20.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* **Năng lực riêng:** Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, hình vẽ cho các bài thử thách

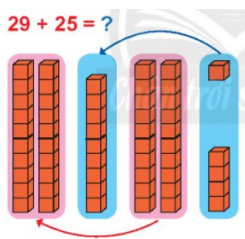
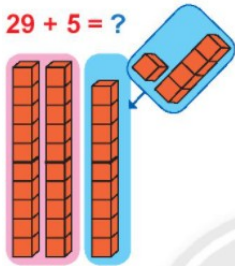
2. Đối với học sinh

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con...
- 2 thẻ chục và 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS chơi trò chơi “Tìm bạn” - GV cho HS viết số vào bảng con (mỗi em tự chọn một số bất kì từ 1 đến 9). 	<ul style="list-style-type: none"> - HS viết số bất kì vào bảng con

<p>- GV cho HS tìm bạn để hai số cộng lại bằng 14.</p> <p>Hai bạn nào tìm được nhau sớm nhất thì thắng cuộc.</p> <p>- GV cùng cả lớp nhận xét, đánh giá, dẫn HS vào bài học mới</p> <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nắm được cách cộng có nhớ trong phạm vi 100 và biết áp dụng để thực hành.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p><i>Bước 1: Xây dựng biện pháp cộng có nhớ trong phạm vi 100</i></p> <p>- GV chia lớp thành hai đội, mỗi đội thực hiện một phép tính:</p> <p>$29 + 5 = ?$</p> <p>$29 + 25 = ?$</p> <p>- GV yêu cầu mỗi đội thực hiện phép tính theo các bước: đặt tính rồi tính</p> <p>- GV dùng ĐDHT minh họa cách tính, đặc biệt giải thích “nhớ 1”, “thêm 1”.</p>	<p>- HS tìm các bạn</p> <p>- HS nghe GV giới thiệu bài mới</p> <p>- HS các đội nhận biết các phép tính</p> <p>- HS thực hiện đặt tính rồi tính:</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	---



Bước 2: Thực hành

- GV cho HS quan sát tổng quát, nhận biết các phép cộng.

- GV yêu cầu HS nhắc lại cách cộng 10 trong phạm vi 20

- GV đọc lần lượt từng phép tính cho HS thực hiện trên bảng con

$$49 + 34 \qquad 58 + 23 \qquad 37 + 46$$

$$68 + 7 \qquad 79 + 6 \qquad 7 + 84$$

- HS quan sát, nhận biết: cả 6 phép cộng đều có nhớ (do phép cộng các số đơn vị là cộng qua 10 trong phạm vi 20)

- HS nhắc lại: làm cho đủ chục rồi cộng với số còn lại

- HS thực hiện các phép tính ra bảng con:

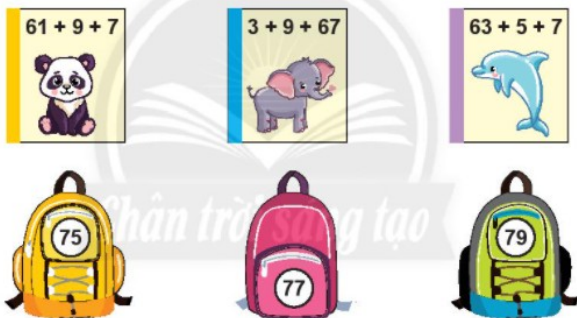
<p>- GV nhận xét, tổng kết</p> <p>C. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách tính phép cộng có nhớ trong phạm vi 100</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi: đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe</p> <p>- GV sửa bài cho HS</p> <p>- Sau khi sửa bài, GV chọn cặp phép tính $6 + 5$ và $5 + 6$, yêu cầu HS nhìn vào tổng và nhận xét</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2</p> <p>- GV cho HS thảo luận nhóm đôi thực hiện phép tính</p> <p>- GV gọi một số nhóm lên bảng trình bày</p> <p>- GV chữa bài cho HS, khuyến khích HS so sánh kết quả của của cặp phép tính trong cùng một câu (giới thiệu cách tính nhanh: tách để cộng cho tròn chục rồi cộng tiếp với số còn lại).</p> <p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thực hiện theo nhóm đôi</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS nhận xét: đổi chỗ các số hạng của tổng, tổng không thay đổi</p> <p>- HS thảo luận, thực hiện phép tính</p> <p>- HS lên bảng trình bày</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	---

thành BT3

- GV cho HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bài và nhận biết yêu cầu của bài
- GV yêu cầu các nhóm thực hiện bài, so sánh và điền dấu thích hợp
- GV lấy tinh thần xung phong gọi 2 HS lên trình bày
- GV sửa bài, khuyến khích HS giải thích tại sao điền dấu đó

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4

- GV cho HS tìm hiểu và nhận biết bài toán
- GV yêu cầu HS thực hiện tính các phép tính trên các quyển sách để cắt vào ba lô



- HS thảo luận nhận biết yêu cầu của bài: so sánh – điền dấu
- HS các nhóm thực hiện: có thể tính tổng hoặc vận dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng: $7 + 3 + 5$ cũng bằng $7 + 5 + 3$
- HS xung phong lên trình bày
- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu và nhận biết: trên mỗi quyển sách có viết tổng của ba số, tổng các số này là số của ba lô.

- HS thực hiện:

+ Quyển sách có kết quả phép tính là 77 thì xếp vào ba lô màu hồng (gấu trúc).

$$61 + 9 + 7 = 77$$

+ Quyển sách có kết quả phép tính là 79 thì xếp vào ba lô màu xanh (voi).

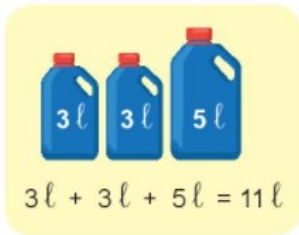
$$3 + 9 + 67 = 79$$

- GV sửa bài, gọi HS đọc kết quả, lưu ý HS cách tính nhanh (ưu tiên phép cộng hai số có tổng là số tròn chục)

Nhiệm vụ 5: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT5

- GV cho HS nhóm hai tìm hiểu mẫu và nhận biết cách tính

Mẫu:



- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi quan sát hình và tính:



- GV sửa bài, gọi các nhóm HS đọc kết quả, khuyến khích HS giải thích cách làm

- GV nhận xét, đánh giá các nhóm

Quyển sách có kết quả phép tính là 75 thì xếp vào ba lô màu vàng (cá heo).

$$63 + 5 + 7 = 75$$

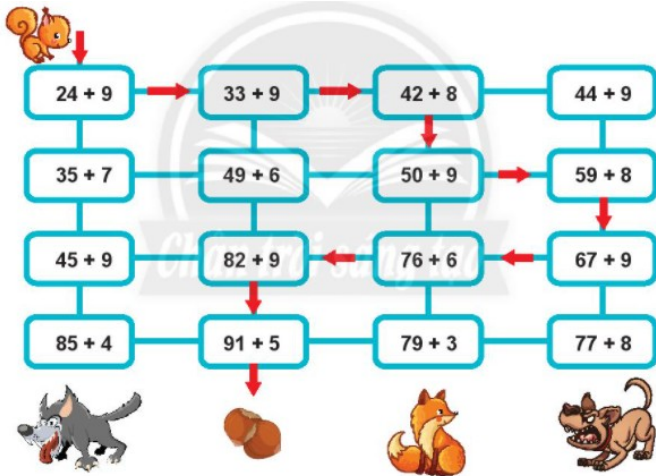
- HS đọc kết quả, lắng nghe GV sửa bài

- HS nhận biết: cộng số đo với đơn vị đo là lít, kết quả có kèm tên đơn vị đo.

- HS thảo luận nhóm và tính

$$15\text{ l} + 15\text{ l} + 20\text{ l} = 50\text{ l}$$

<p>Nhiệm vụ 6: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT6</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS xác định cái đã cho, câu hỏi của bài toán và việc cần làm - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân giải bài toán - GV sửa bài, gọi HS trình bày bài giải và giải thích cách làm <p>* Thử thách</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS thảo luận để tìm đúng đường đi cho Sóc <p>- GV sửa bài, treo hình vẽ lên bảng lớp, cho HS trình bày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc kết quả và giải thích cách làm - HS lắng nghe - HS xác định việc cần làm: Giải bài toán - HS làm bài cá nhân - HS trình bày bài giải: <p>Số con thỏ trắng có là:</p> $47 + 18 = 65 \text{ (con)}$ <p>Đáp số: 65 con thỏ trắng</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhóm đôi tìm hiểu bài, nhận biết: • Tính tổng $24 + 9 = 33$ • Tính tổng $33 + 9 = 42$ • Tính tổng $42 + 8 = 50$ • Tính tổng $50 + 9 = 59$ • Tính tổng $59 + 8 = 67$ • Tính tổng $67 + 9 = 76$ • Tính tổng $76 + 6 = 82$ • Tính tổng $82 + 9 = 91$ • Tính tổng $91 + 5 = 96$ (đến nơi tìm
--	--



được hạt dẻ).

- HS trình bày đường đi giúp Sóc tìm được hạt dẻ

D. Củng cố

Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học

Cách tiến hành:

- GV đọc các phép tính, HS thực hiện trên bảng con

$22 + 19$; $33 + 49$

;

- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.

- HS thực hiện phép tính trên bảng con

- HS lắng nghe

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Củng cố ý nghĩa của phép cộng: Dựa vào hình ảnh, nói được tình huống dẫn đến phép cộng.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+).
- Cộng các số đo chiều dài với đơn vị đo xăng-ti-mét.
- Cộng các số đo dung tích với đơn vị đo lít.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Hình vẽ cho bài khám phá

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS cả lớp hát múa <p>B. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tìm hiểu bài và nhận biết yêu cầu của bài. - GV gọi một số HS lên bảng thực hiện phép tính - GV sửa bài, khuyến khích HS trình bày cách đặt tính và cách thực hiện phép cộng <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS cả lớp tham gia - HS nhận biết yêu cầu: Đặt tính rồi tính - HS lên bảng thực hiện các phép tính - HS lắng nghe

- GV cho HS đọc đề bài, quan sát hình ảnh và xác định yêu cầu của bài toán

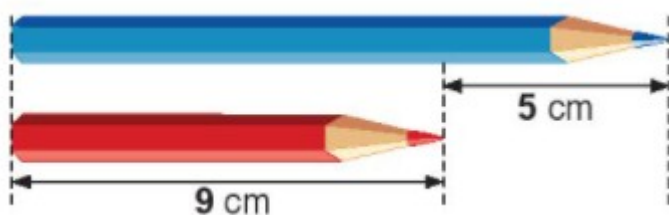
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân

- GV sửa bài, gọi HS lên bảng trình bày bài giải

- GV nhận xét, tuyên dương HS trình bày đúng

Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT3

- GV cho HS quan sát hình xác định cái đã cho và yêu cầu của bài toán, nói thành bài toán



- GV yêu cầu HS làm cá nhân giải bài toán

- GV sửa bài, gọi HS trình bày bài giải, giải thích cách làm

- GV nhận xét, tuyên dương HS tính đúng và nhanh nhất

- HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: giải bài toán tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm.

- HS trình bày bài giải:

Có $30 + 8 = 38$ quả táo xanh

Có $40 + 6 = 46$ quả táo đỏ

Tổng số táo đỏ và xanh là:

$38 + 46 = 84$ (quả táo)

- HS lắng nghe

- HS nói thành bài toán: Cây bút đỏ dài 9 cm. Bút xanh dài hơn bút đỏ 5 cm. Hỏi cây bút xanh dài bao nhiêu xăng – ti – mét?

- HS làm bài cá nhân

- HS trình bày bài giải:

Cây bút chì màu xanh dài:

$9 + 5 = 14$ (cm)

- HS lắng nghe

*** Vui học**

- GV cho HS thảo luận để tìm các tổng các số đo dung tích bằng 35 lít



- GV sửa bài, gọi HS đọc kết quả, khuyến khích HS tìm nhiều cách

- GV mở rộng, nói đôi nét về mật ong

*** Khám phá**

- GV giới thiệu đôi nét về ba công trình trong SGK

+ Nhà hát Thành phố Hồ Chí Minh (thường được gọi ngắn gọn là Nhà hát Thành phố) có mặt tiền hướng ra Công trường Lam Sơn và đường Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đây được xem là 1 hát hung tâm, đa năng chuyên tổ chức biểu diễn sân khấu nghệ thuật đồng thời cũng được sử dụng để tổ chức một số sự kiện lớn. Đây cũng là nhà hát lâu đời theo kiến trúc

- HS nhóm đôi tìm hiểu bài, nhận biết: có thể chọn tổng của hai hay ba số bằng 35

- HS đọc kết quả:

$$12 + 8 + 15 = 17 + 18 = 35$$

- HS lắng nghe

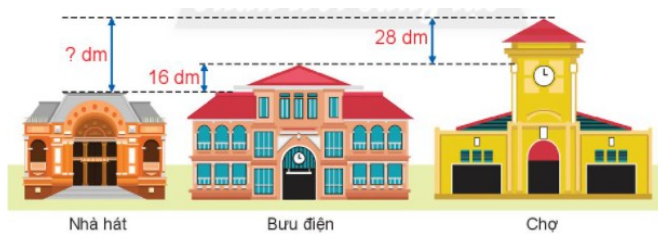
- HS lắng nghe, tìm hiểu kiến thức

Tây Âu và được xem như một địa điểm tham quan của thành phố này.

+ Bưu điện trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những công trình kiến trúc tiêu biểu của thành phố, tọa lạc tại số 2, Công trường Công xã Paris, Quận 1. Đây là công hình kiến trúc mang phong cách phương Tây kết hợp với nét trang trí phương Đông. Đây cũng là điểm tham quan cho khách du lịch khi đến Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Chợ Bến Thành là một ngôi chợ nằm tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một trong những địa điểm tham quan tiêu biểu của thành phố.

- GV cho HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm.



- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân, GV vẽ sơ đồ để HS hình dung phần cao hơn của chợ so với nhà hát



- HS xác định việc cần làm: viết phép tính thích hợp và nói câu trả lời

- HS làm bài cá nhân, tính phần cao hơn của chợ so với nhà hát

- GV sửa bài, gọi HS trình bày phép tính và nói câu trả lời, giải thích cách làm	- HS trình bày phép tính: $28 + 16 = 44$ (cm)
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: PHÉP TRỪ CÓ SỐ BỊ TRỪ LÀ SỐ TRÒN CHỤC (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được phép tính trừ có số bị trừ là số tròn chục.
- Củng cố ý nghĩa của phép trừ, vận dụng vào giải quyết vấn đề đơn giản dẫn đến phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (-).
- Bước đầu làm quen cách tính nhanh.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- 2 thẻ chục và 10 khối lập phương

2. Đối với học sinh

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con...
- 1 thẻ chục và 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV cho HS chơi trò chơi “Tìm bạn”- GV cho HS viết số vào bảng con một số bất kì- GV cho HS tìm bạn để hai hay ba số cộng lại bằng số tròn chục <p>Nhóm nào kết hợp được với nhau sớm nhất thì thắng cuộc</p> <ul style="list-style-type: none">- GV cùng cả lớp nhận xét, đánh giá, dẫn HS vào bài học mới <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nắm được cách trừ có nhớ trong</p>	<ul style="list-style-type: none">- HS viết số bất kì vào bảng con- HS tìm các bạn- HS nghe GV giới thiệu bài mới

<p>phạm vi 100 và biết áp dụng để thực hành.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Xây dựng biện pháp trừ có nhớ trong phạm vi 100</p> <p>- GV nêu phép tính trực tiếp cho HS thực hiện. GV vừa nói vừa viết lên bảng lớp: Cô có các phép tính sau:</p> <p>$30 - 4 = ?$ $50 - 24 = ?$</p> <p>- GV gọi vài HS đọc phép tính</p> <p>- GV sử dụng phương pháp mảnh ghép cho HS thảo luận nhóm đôi, mỗi nhóm thực hiện một phép tính, sau đó chia sẻ cùng nhau. GV gợi ý:</p> <p>+ Dùng các thẻ chục và các khối lập phương thể hiện phép tính</p> <p>+ Muốn tính $30 - 4$ (hay $50 - 24$) phải tách từ 1 thanh chục ra 4 khối lập phương để tìm số khối lập phương còn lại ghi vào kết quả.</p> <p>- GV gọi đại diện nhóm trình bày, khuyến khích HS nêu cách thức thực hiện</p> <p>- GV vừa nói, vừa viết giới thiệu biện pháp tính: Để thực hiện phép trừ $30 - 4$ ta có thể làm như sau:</p>	<p>- HS lắng nghe, quan sát phép tính</p> <p>- HS đọc phép tính</p> <p>- HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện phép tính</p> <p>- Đại diện nhóm trình bày. Có thể nhiều phương án:</p> <p>+ Thêm bớt trên khối lập phương hoặc đếm ngón tay</p> <p>+ Tính trực tiếp: $10 - 4 = 6$; $20 + 6 = 26$ nên $30 - 4 = 26$; $50 - 24 = 26$;)</p>
--	--

<ul style="list-style-type: none"> • Đặt tính: Viết số 30 rồi viết số 4 sao cho các chữ số đơn vị thẳng cột với nhau, viết dấu trừ, kẻ vạch ngang. • Tính từ phải sang trái. <p>- GV gọi vài HS nêu lại cách thực hiện như trên.</p> <p>- GV cho HS kiểm tra: Cả lớp cùng đếm bớt trên các khối lập phương để khẳng định kết quả đúng.</p> <p>- Với phép tính $50 - 24$, GV cho cả lớp thực hiện trên bảng con.</p> <p>- GV mượn bảng của một HS để chốt.</p> <p>Bước 2: Thực hành</p> <p>- GV đọc lần lượt từng phép tính cho HS thực hiện ra bảng con</p> <p>70 – 6 40 – 23 30 – 18</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS nêu lại cách thực hiện</p> <p>- HS kiểm tra</p> <p>- HS tính trên bảng con</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thực hiện các phép tính ra bảng con:</p>
---	---

- GV gọi một số HS đọc kết quả
- GV nhận xét, tổng kết

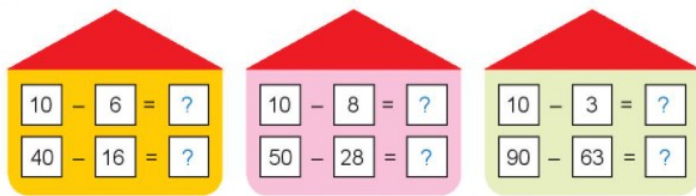
C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách tính phép trừ có số bị trừ là số tròn chục

Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1

- GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi: hai học sinh thực hiện cặp phép tính trên một ngôi nhà vào bảng con (1 HS /phép tính)



- GV cho HS các nhóm chia sẻ kết quả với nhau, yêu cầu HS so sánh số đơn vị ở kết quả của cặp phép tính trên cùng một ngôi nhà.
- GV sửa bài, nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện tốt

Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2

- GV cho cá nhân HS tìm hiểu đề bài và nhận biết yêu cầu và cách thực hiện

- HS đọc kết quả
- HS lắng nghe

- HS thực hiện các phép tính ra bảng con

- HS các nhóm chia sẻ kết quả và so sánh các cặp phép tính trên cùng một ngôi nhà.
- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu, nhận biết: trên mỗi con ngựa có một phép tính trừ, hiệu các số này là số của xe ngựa

<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS thực hiện các phép tính để tìm chiếc xe mỗi chú ngựa kéo - GV lấy tinh thần xung phong gọi một số HS lên trình bày - GV sửa bài, nhận xét, tuyên dương HS thực hiện tốt <p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT3</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho cá nhân HS tìm hiểu đề bài, xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân giải bài toán - GV lấy tinh thần xung phong gọi HS lên trình bày bài giải, có giải thích cách làm <ul style="list-style-type: none"> - GV sửa bài, nhận xét, tuyên dương HS thực hiện tốt <p>D. CỦNG CỐ</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc các phép tính, HS thực hiện trên bảng con 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện phép tính - HS lên bảng trình bày - HS lắng nghe - HS xác định việc cần làm: giải bài toán - HS làm bài cá nhân - HS lên bảng trình bày bài giải: Số con cá chui vào vỏ ốc là: $20 - 7 = 13$ (con cá) Đáp số: 13 con cá - HS lắng nghe - HS thực hiện phép tính trên bảng
--	--

60 - 5; 80 - 27;	con
- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.	- HS lắng nghe

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: PHÉP TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100 (3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thực hiện được phép trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Nhận biết mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ qua các trường hợp cụ thể.
- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả, thành phần trong phép cộng, phép trừ.
- Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản dẫn đến phép trừ.
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (-).
- Bước đầu làm quen cách tính nhanh.
- Ôn tập nhận dạng hình tam giác.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* **Năng lực riêng:** Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

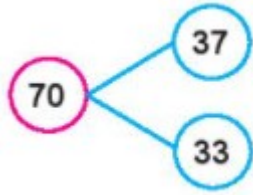
- Giáo án, SGK, SGV.
- 4 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

2. Đối với học sinh

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con...
- 2 thẻ chục và 14 khối lập phương, bộ xếp hình

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn” - GV đưa sơ đồ tách - gộp số (hoặc ba số gia đình - ba số tạo thành phép tính cộng hay trừ). <p>HS chơi theo nhóm bốn: viết bốn phép tính (+; -) vào bảng con (1 phép tính/HS).</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đưa 37; 33; 70 hoặc: 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe GV giới thiệu - HS viết phép tính:



Nhóm nào có nhiều lần đúng và nhanh nhất thì thắng cuộc

- GV cùng cả lớp nhận xét, đánh giá, dẫn HS vào bài học mới

B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

Mục tiêu: HS nắm được cách trừ có nhớ trong phạm vi 100 và biết áp dụng để thực hành.

Cách tiến hành:

Bước 1: Xây dựng biện pháp trừ có nhớ trong phạm vi 100

- GV chia lớp thành hai đội, mỗi đội thực hiện một phép tính:

$$34 - 5 = ?$$

$$54 - 25 = ?$$

- GV yêu cầu mỗi đội thực hiện phép tính theo các bước: đặt tính rồi tính

- GV dùng ĐDHT minh họa cách tính, đặc biệt giải thích “nhớ 1”, “thêm 1”.

$$37 + 33 = 70$$

$$33 + 37 = 70$$

$$70 - 33 = 37$$

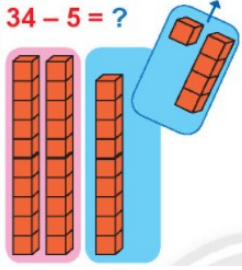
$$70 - 37 = 33$$

- HS nghe GV giới thiệu bài mới

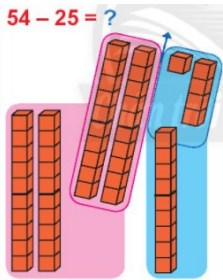
- HS các đội nhận biết các phép tính

- HS thực hiện đặt tính rồi tính:

$34 - 5 = ?$



$54 - 25 = ?$



Bước 2: Thực hành

- GV cho HS quan sát tổng quát, nhận biết các phép trừ.

- GV yêu cầu HS nhắc lại cách trừ qua 10 trong phạm vi 20

- GV đọc lần lượt từng phép tính cho HS thực hiện trên bảng con

$43 - 26$

$35 - 19$

$26 - 8$

$22 - 7$

- GV nhận xét, tổng kết

- HS lắng nghe

- HS quan sát, nhận biết: cả 4 phép trừ đều có nhớ (do phép trừ các số đơn vị là trừ qua 10 trong phạm vi 20)

- HS nhắc lại: trừ để được 10 rồi trừ số còn lại

- HS thực hiện các phép tính ra bảng con:

C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách tính phép trừ có nhớ trong phạm vi 100

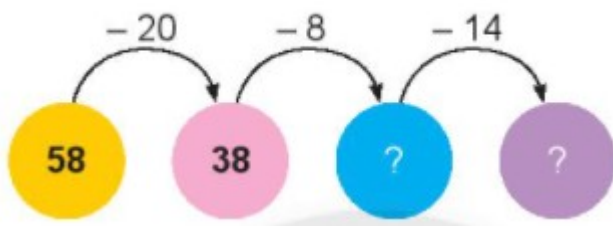
Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1

- GV cho HS thực hiện nhóm đôi: đọc phép tính và nhận biết yêu cầu
- GV yêu cầu cá nhân HS thực hiện phép tính rồi chia sẻ với bạn
- GV sửa bài cho HS, khuyến khích HS nói cách thực hiện
- GV nhận xét, tổng kết

Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2

- GV cho HS thảo luận nhóm đôi nhận biết yêu cầu rồi thực hiện



- GV gọi một số nhóm lên bảng trình bày, khuyến khích HS đọc phép tính theo thứ tự thực hiện

- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu, nhận biết yêu cầu: Tính
- HS thực hiện cá nhân và chia sẻ với bạn bên cạnh
- HS lắng nghe, nói cách thực hiện: bớt để được số tròn chục rồi bớt tiếp
- HS lắng nghe

- HS thảo luận, thực hiện phép tính, điền số vào dấu ?

- GV chữa bài cho HS, nhận xét và tổng kết

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3

- GV cho HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu mẫu và nhận biết yêu cầu của bài rồi thực hiện

- GV lấy tinh thần xung phong gọi HS lên trình bày, khuyến khích HS đọc các phép tính theo sơ đồ tách gộp

- GV mở rộng: mối liên hệ cộng trừ, giúp HS nhận biết cách tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ. Ví dụ

Từ sơ đồ trên giúp HS nhận biết tổng trong

- HS lên bảng trình bày

$50 - 20 = 38; 38 - 8 = 30; 30 - 14 = 16$

- HS lắng nghe

- HS thảo luận tìm hiểu mẫu và nhận biết và thực hiện

- HS xung phong lên trình bày

- HS lắng nghe

phép cộng chính là số bị trừ trong phép trừ, các số hạng trong phép cộng sẽ lần lượt là số trừ và hiệu trong phép trừ.

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4

- GV cho HS tìm hiểu mẫu và nhận biết bài toán



- GV yêu cầu HS thực hiện điền số vào dấu ? theo mẫu



- GV sửa bài, gọi HS đọc kết quả,

Nhiệm vụ 5: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT5

- GV cho HS nhóm hai tìm hiểu và nhận biết yêu cầu

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, tìm cách làm và thực hiện rồi nói kết quả

- HS tìm hiểu và nhận biết: vận dụng sơ đồ tách – gộp số để tìm số thích hợp thay vào dấu ?

$$80 = 30 + 50$$

- HS thực hiện

- HS đọc kết quả, lắng nghe GV sửa bài

- GV sửa bài, gọi các nhóm HS đọc kết quả, trình bày cách làm

- GV nhận xét, đánh giá các nhóm

Nhiệm vụ 6: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT6

- GV cho HS nhóm đôi thảo luận và thực hiện theo 4 bước: xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: Giải bài toán

- GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân giải bài toán

- GV sửa bài, gọi HS trình bày bài giải và giải thích cách làm

Nhiệm vụ 7: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT7

- GV cho HS nhóm đôi tìm hiểu bài và nhận biết yêu cầu

- GV yêu cầu HS xếp hình con cá.



Lưu ý HS: Có thể xếp các hình khác với hình

- HS nhận biết yêu cầu: tính rồi so sánh với số 50 để vượt cá

- HS thảo luận nhóm đôi thực hiện các phép tính

- HS đọc kết quả

- HS lắng nghe

- HS thảo luận tóm tắt bài toán:

Cá màu vàng: 32 con

Cá màu xanh ít hơn cá màu vàng: 7 con

Cá màu vàng: ? con

- HS làm bài cá nhân

- HS trình bày bài giải:

Số con cá màu xanh là:

$$32 - 7 = 25 \text{ (con)}$$

Đáp số: 25 con cá màu xanh

- HS nhóm đôi tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài: xếp hình con cá

- HS xếp hình con cá

<p>trong SGK, miễn là xếp con cá theo đúng yêu cầu của bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV sửa bài, gọi HS trình bày, khuyến khích HS gọi tên các hình đã dùng để xếp con cá (vừa nói vừa chỉ vào hình). - GV nhận xét, tổng kết <p>D. Củng cố</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc các phép tính, HS thực hiện trên bảng con <p>38 - 29; 75 - 8;</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày cách xếp - HS lắng nghe - HS thực hiện phép tính ra bảng con - HS lắng nghe
---	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Tính nhẩm: cộng, trừ nhẩm các số trong phạm vi 20 và các số tròn chục.
- Thực hiện các phép cộng, trừ (không nhớ, có nhớ trong phạm vi 100).
- Tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính (+, -).
- Vận dụng sơ đồ tách - gộp số để tìm kết quả và tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.
- Giải quyết các vấn đề đơn giản liên quan đến độ dài và thời gian (đo độ dài, cộng trừ các số đo độ dài với đơn vị đo xăng-ti-mét; xem lịch, xem đồng hồ).

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

*** Năng lực riêng:** Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

<p>- GV mở rộng: Giúp HS nhận biết cách xác định các phép tính có nhớ, dựa vào dấu hiệu (cộng, trừ qua 10 và vẫn còn phải cộng, trừ tiếp)</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT2</p> <p>- GV cho HS (nhóm bốn) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu của bài:</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân, rồi chia sẻ với bạn</p> <p>- GV sửa bài, gọi HS lên bảng trình bày và giải thích cách làm</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương HS trình bày đúng</p> <p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT3</p>	$9 + 7 = 9 + 1 + 6$ $6 + 5 = 6 + 4 + 1$ $4 + 8 = 4 + 6 + 2$ <p>Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại:</p> $12 - 6 = 12 - 2 - 4$ $11 - 7 = 11 - 1 - 6$ <p>Cách cộng, trừ nhằm các số tròn chục (coi chục là đơn vị đếm)</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS nhận biết:</p> <p>a) Chưa thực hiện phép tính, xác định các phép tính có nhớ</p> <p>b) Đặt tính rồi tính vào bảng con</p> <p>- HS thực hiện</p> <p>- HS trình bày</p> <p>- HS lắng nghe</p>
---	--

- GV cho HS quan sát mẫu, tìm hiểu và nhận biết cách thực hiện



- GV yêu cầu HS làm cá nhân điền số thích hợp và dấu ?



- GV sửa bài, gọi HS trình bày và giải thích cách làm

- GV nhận xét, tuyên dương HS tính đúng và nhanh nhất

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4

- GV cho HS quan sát hình ảnh, tìm hiểu bài và nhận biết yêu cầu, cách thực hiện

- GV yêu cầu HS làm cá nhân thực hiện bài toán. Nên thực hiện phép tính trước, khi có kết quả sẽ tìm túi.

- HS nhận biết: vận dụng sơ đồ tách – gộp để tìm thành phần của phép cộng, phép trừ

- HS làm bài cá nhân

- HS trình bày và giải thích

- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu, nhận biết: xác định số trên mỗi cái túi (dựa vào tia số), mỗi bạn nhỏ cầm một bài toán, kết quả của bài toán chính là số trên túi

- HS thực hiện cá nhân, tìm túi cho các bạn nhỏ còn lại

Nhiệm vụ 5: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT5

- GV cho HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài và nhận biết các yêu cầu
- GV yêu cầu HS quan sát hình: đọc ngày, tháng; đọc giờ và nói kết quả cho bạn nghe.



- GV sửa bài, gọi một số HS đọc kết quả
- Sau khi sửa bài, GV khuyến khích HS đọc ngày, tháng trên tờ lịch của ngày hôm nay

*** Đất nước em**

$$14 - 10 = 4 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 4 cm.

Hoặc: $14 - 10 = 4$

Trả lời: Quãng đường Sên Xanh đi ngắn hơn quãng đường Sên Đỏ đi 4 cm.

- HS nhận biết yêu cầu: xem lịch, xem đồng hồ
- HS quan sát và đọc

- HS đọc kết quả:

a) Tàu lửa khởi hành tại ga Sài Gòn lúc 8 giờ tối thứ sáu ngày 31

b) Tàu lửa đến ga Quảng Ngãi lúc 12 giờ trưa thứ bảy ngày 1

- HS lắng nghe và đọc ngày, tháng trên tờ lịch của ngày hôm nay

GV giúp HS xác định vị trí Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Quảng Ngãi trên bản đồ (SGK trang 30)	- HS quan sát bản đồ SGK trang 30, xác định vị trí Thành phố Hồ Chí Minh và Quảng Ngãi
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: THU THẬP, PHÂN LOẠI, KIỂM ĐIỂM (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thu thập được dữ liệu, phân loại và kiểm đếm các đối tượng thống kê trong một số tình huống quen thuộc

2. Năng lực

** Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

** Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hóa toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: yêu nước

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.


- Nam châm lá dán vào mỗi hình HS chọn

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- Mỗi HS chọn một hình mà mình yêu thích trong ba hình: hình vuông, hình tròn, hình tam giác (bộ đồ dùng học tập).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV tổ chức cho HS cả lớp hát múa bài “Em yêu trường em”</p> <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS có thể thu thập, phân loại và kiểm đếm các đối tượng thống kê</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p><i>Bước 1: Thu thập, phân loại và kiểm đếm các đối tượng thống kê</i></p> <p>* Thu thập</p> <p>- GV yêu cầu mỗi HS cầm trên tay hình mà mình đã chọn (trong ba hình: hình vuông, hình tròn, hình tam giác), lần lượt gắn các hình đã chọn lên bảng lớp</p> <p>* Phân loại</p>	<p>- HS cả lớp cùng hát múa</p> <p>- HS quan sát và trả lời</p> <p>+ Xô lớn</p> <p>- HS lần lượt gắn các hình đã chọn trên bảng lớp.VD:</p>  <p>The image shows a 3x8 grid of red geometric shapes. Row 1: Triangle, Circle, Triangle, Square, Square, Circle, Circle, Triangle. Row 2: Square, Circle, Circle, Triangle, Triangle, Square, Triangle, Circle. Row 3: Triangle, Triangle, Triangle, Square, Circle, Circle, Square, Circle.</p>

<p>- GV giới thiệu: Các hình lớp mình đã thu thập theo hình dạng, được phân thành 3 loại: hình vuông, hình tròn, hình tam giác</p> <p>* Kiểm đếm</p> <p>- GV cho HS hoạt động nhóm đôi thảo luận nhận biết nhiệm vụ.</p> <p>- GV yêu cầu HS đếm và viết vào bảng con</p> <p>- GV gọi HS thông báo kết quả đếm</p> <p>- GV hệ thống lại các việc:</p> <p>- Tìm hiểu về các hình mà các em yêu thích, ta thu thập được như trên.</p> <p>- Với các hình đã thu thập, ta có thể phân thành ba loại (theo hình dạng).</p> <p>- Ta đã kiểm đếm số hình mỗi loại.</p> <p>Bước 2: Thực hành</p> <p>Bài 1: Thu thập, phân loại, kiểm đếm các dụng cụ thể thao của lớp</p> <p>- GV tổ chức cho HS thực hành theo</p>	<p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thảo luận nhận biết nhiệm vụ: đếm số hình mỗi loại</p> <p>+ Xác định cách đếm: nhanh không bỏ sót hoặc không đếm lặp lại hình nào</p> <p>- HS đếm và viết vào bảng con</p> <p>- HS thông báo kết quả đếm, GV viết lên bảng lớp.</p> <p>+ Hình vuông: 6</p> <p>+ Hình tròn: 11</p> <p>+ Hình tam giác: 10</p> <p>- HS lắng nghe và ghi nhớ kiến thức</p> <p>- HS làm việc theo nhóm theo các bước:</p>
---	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: BIỂU ĐỒ TRANH

(3 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thu thập được dữ liệu, phân loại và kiểm đếm các đối tượng thống kê trong một số tình huống quen thuộc.
- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ tranh.
- Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.
- Thể hiện kết quả kiểm đếm trên một biểu đồ tranh cụ thể.
- Ôn tập: các ngày trong tuần.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- 20 khối lập phương, bức tranh cho nội dung bài học

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con...
- 10 khối lập phương

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV cho HS chơi trò chơi “Bão thổi” <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết được biểu đồ tranh và nắm được cách đọc biểu đồ</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Giới thiệu biểu đồ tranh. Cách đọc biểu đồ</p> <p>a) Biểu đồ tranh</p> <ul style="list-style-type: none">- Thu thập, phân loại, kiểm đếm• Thu thập- GV giới thiệu: Tìm hiểu về diễn viên thú ở một	<ul style="list-style-type: none">- HS cả lớp tham gia trò chơi

rạp xiếc, người ta thu thập và thể hiện qua hình ảnh.



- Phân loại

- GV yêu cầu HS phân loại các diễn viên thú và trả lời câu hỏi:

+ Tại sao em phân loại như vậy?

- Kiểm đếm

- GV cho HS đếm số con vật mỗi loại và ghi chép kết quả

- GV gọi HS đọc kết quả. GV viết lên bảng lớp

b) Cách đọc và nêu nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh

- GV giới thiệu: Biểu đồ tranh là một bảng, có thể trình bày theo các hàng ngang hay cột dọc.

- HS lắng nghe

- HS phân loại và trả lời

- HS đếm và ghi chép

- HS thông báo kết quả

+ Khi: 9 con

+ Gấu: 4 con

+ Chó: 5 con

- HS lắng nghe

Khỉ	
Gấu	
Chó	

Yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

- + Biểu đồ tranh này gồm mấy hàng?
- + Tại sao là 3 hàng?
- GV hướng dẫn HS đọc và mô tả các dữ liệu:
- + Hàng đầu thể hiện loại nào?
- + Mỗi con khỉ được thể hiện như thế nào?
- + Có bao nhiêu con khỉ?
- GV cho HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời câu hỏi:
- + Diễn viên thú nào nhiều nhất?
- + Diễn viên thú nào ít nhất?

GV giúp HS: chỉ nhìn vào biểu đồ, trả lời ngay các câu hỏi (không cần đếm lại)

- GV hướng dẫn HS nêu một số nhận xét đơn giản khác

Ví dụ: Số gấu ít hơn khỉ là 5 con

Số chó nhiều hơn số gấu là 1 con

.....

- Trả lời câu hỏi:

+ 3 hàng

+ Ta phân thành 3 hàng


- HS sử dụng SGK, cùng đếm với GV để thể hiện số lượng mỗi vật đã đếm ở trên



- HS xem biểu đồ và nhận xét:

+ Khỉ nhiều nhất




+ Gấu ít nhất

- HS lắng nghe

<p>Bước 2: Thực hành</p> <p>Bài 1: Đọc và nhận xét đơn giản biểu đồ tranh</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu: Tìm hiểu về các môn thể thao mà các bạn học sinh lớp 2A yêu thích, người ta thu thập, phân loại, kiểm đếm và thể hiện qua biểu đồ tranh trong SGK trang 100. - GV hướng dẫn HS đọc và mô tả các số liệu. + Biểu đồ này gồm mấy cột? + Mỗi cột thể hiện số bạn HS thích một môn thể thao, hãy kể tên các môn thể thao đó. + Mỗi bạn HS được thể hiện như thế nào? + Đếm số HS thích từng môn thể thao. a) Có bao nhiêu HS thích môn bóng rổ? - GV yêu cầu HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời các câu hỏi b) và c). <p>Bài 2: Thu thập phân loại dữ liệu, kiểm đếm, thể hiện kết quả kiểm đếm trên một bảng cho sẵn</p> <p>a) Thu thập, phân loại, kiểm đếm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS tìm hiểu bài, nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> • Phân loại: Sở thích của HS về mấy loại trái cây, tên từng loại trái cây. • Thu thập: Phỏng vấn các bạn để biết bạn thích loại trái cây nào trong bốn loại: chuối, thanh long, đu đủ, dưa hấu. • Kiểm đếm: HS đếm số bạn thích từng loại trái 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe - HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> + Biểu đồ gồm 4 cột + Các môn thể thao: bóng đá, bóng rổ, cầu lông, bơi lội + Mỗi hình ảnh  thể hiện một HS + Có 10 HS thích môn bóng rổ - HS thảo luận trả lời <ul style="list-style-type: none"> b) 1 bạn c) bóng đá (12 bạn) - HS tìm hiểu và nhận biết
--	---

<p>cây và ghi chép.</p> <p>Có .?. bạn thích chuối.</p> <p>Có .?. bạn thích thanh long.</p> <p>Có .?. bạn thích đu đủ.</p> <p>Có .?. bạn thích dưa hấu.</p> <p>b) Thể hiện kết quả kiểm đếm trên một bảng cho sẵn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đặt  vào khung: 1  / HS. - GV cho HS hoạt động theo tổ. Các tổ có thể phân việc: một bạn phỏng vấn, các bạn còn lại ghi chép và đặt khối lập phương vào bảng riêng của mình (SGK). • Dựa vào biểu đồ tranh, trả lời các câu hỏi. - GV yêu cầu HS dựa vào biểu đồ tranh đã lập để trả lời câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Loại trái cây nào được nhiều bạn yêu thích? + Loại trái cây nào được ít bạn thích nhất? - GV mở rộng: ích lợi của việc ăn trái cây. <p>C. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách đọc và nêu nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động theo tổ, thực hiện yêu cầu - HS quan sát biểu đồ tranh và trả lời câu hỏi - HS lắng nghe
--	---

- GV giới thiệu: Tìm hiểu về các hình vẽ trang trí cốc, người ta thu thập, phân loại, kiểm đếm và thể hiện qua biểu đồ tranh trong SGK trang 102.

Hổ	
Mèo	
Khi	

- GV hướng dẫn HS đọc và mô tả các số liệu:

+ Biểu đồ này gồm mấy hàng?

+ Mỗi hàng thể hiện số cốc được trang trí theo hình vẽ, hãy kể tên các hình đồ.

+ Mỗi cái cốc được thể hiện như thế nào?

- GV yêu cầu HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời các câu hỏi.

- GV sửa bài, gọi một số HS trình bày và giải thích các câu trả lời.

GV hướng dẫn HS nêu một số nhận xét đơn giản khác.

- GV giáo dục HS giữ vệ sinh các vật dụng cá nhân, vệ sinh môi trường (sử dụng cốc giấy dùng một lần thay cho cốc nhựa), vệ sinh trong ăn uống

- HS lắng nghe, quan sát biểu đồ tranh

- HS thực hiện

- HS trả lời câu hỏi:

+ Biểu đồ gồm 3 hàng

+ Hình con hổ, hình con mèo, hình con khi

+ Hình vẽ cái cốc

- HS thảo luận, trả lời câu hỏi

- HS trình bày:

Dựa vào biểu đồ:

(ăn chín, uống sôi) ,...

Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2

- GV giới thiệu: Tìm hiểu về lượng nước uống của các bạn Linh, bạn Nam và bạn Mai, người ta thu thập, phân loại, kiểm đếm và thể hiện qua biểu đồ tranh trong SGK trang 102.



- GV hướng dẫn HS đọc và mô tả các số liệu:
- + Biểu đồ này gồm mấy hàng?
- + Mỗi hàng thể hiện số cốc nước của một bạn
- + Mỗi cái cốc được thể hiện như thế nào?
- + Đếm số cốc nước của từng bạn
- GV yêu cầu HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời các câu hỏi.
- GV sửa bài, gọi một số HS trình bày và giải thích các câu trả lời.

- a) 8 hồ, 10 mèo, 5 khi (đếm)
- b) Hồ ít hơn mèo 2 cái
- c) Có 23 cái cốc được trang trí (Đếm hoặc tính)

- HS lắng nghe và ghi nhớ

- HS lắng nghe, quan sát biểu đồ tranh

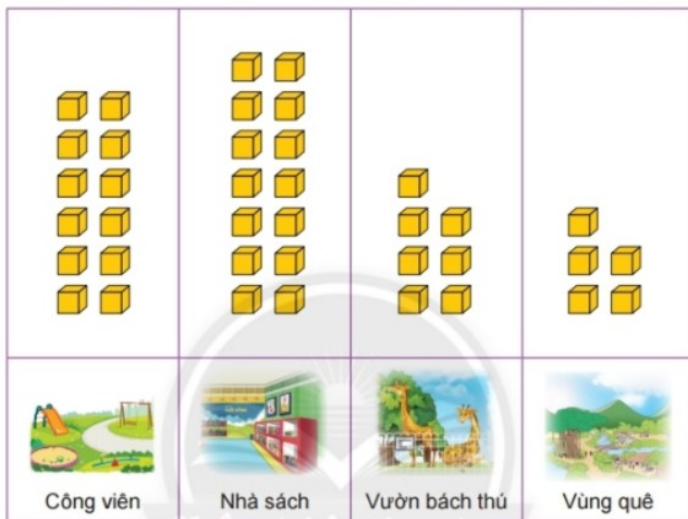
- HS thực hiện

- HS trả lời câu hỏi:
- + Biểu đồ gồm 3 hàng
- + Hình vẽ cái cốc
- + Linh: 6 cốc; Nam: 8 cốc; Mai: 10 cốc
- HS thảo luận, trả lời câu hỏi

- GV giáo dục HS uống đủ nước trong một ngày

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3

- GV giới thiệu: Tìm hiểu về những nơi mà các bạn HS lớp 2B muốn đến, người ta thu thập, phân loại, kiểm đếm và thể hiện qua biểu đồ tranh trong SGK trang 103.



- GV hướng dẫn HS đọc và mô tả các số liệu:

+ Biểu đồ này gồm mấy cột? (4 cột)

- HS trình bày:

Dựa vào biểu đồ, ta thấy ngay

a) Bạn Nam uống nhiều nước hơn bạn Linh, nhưng lại uống ít nước hơn bạn Mai.

Bạn Linh uống ít nước nhất.

Bạn Mai uống nhiều nước nhất.

b) Bạn Nam uống đủ 2l / 1 ngày.
Bạn Linh uống chưa đủ 2 l/1 ngày.

Bạn Mai uống nhiều hơn 2 l/1 ngày.
(Vì 2l chỉ có 8 cốc mà bạn Mai uống 10 cốc,...)

- HS lắng nghe và ghi nhớ

- HS lắng nghe, quan sát biểu đồ tranh

- + Mỗi cột thể hiện số bạn HS muốn đến nơi đó.
- + Mỗi HS được thể hiện như thế nào?
- GV yêu cầu HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời các câu hỏi.
- GV sửa bài, gọi HS trình bày và giải thích các câu trả lời.

- GV giáo dục HS về phép lịch sự khi đến nơi công cộng.


Ví dụ: không ồn ào, xếp hàng (nếu cần), để sách vở / đồ đạc đúng chỗ sau khi xem ,...

Nhiệm vụ 4: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT4

- a) Thu thập, phân loại, kiểm đếm
 - Thu thập

- HS trả lời:

+ 4 cột

+ Mỗi HS được thể hiện bằng 

- HS thảo luận và trả lời các câu hỏi

- HS trình bày:

Ví dụ: Dựa vào biểu đồ:

a) Các bạn HS lớp 2B chọn 4 nơi yêu thích để đến. (đếm)

b) Đếm: Có 12 bạn thích đến công viên.

Có 14 bạn thích đến nhà sách.

Có 7 bạn thích đến vườn bách thú.

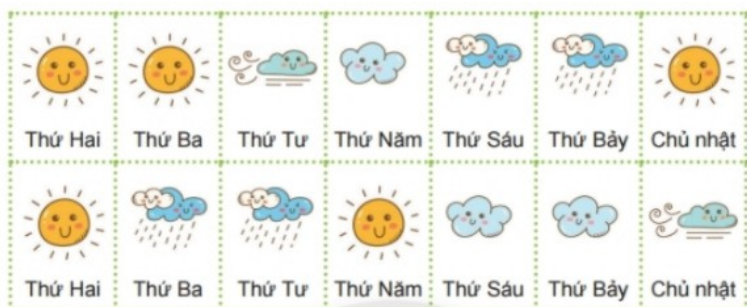
Có 5 bạn thích về vùng quê.

c) Đếm: Nhà sách có nhiều bạn thích đến nhất.

Vùng quê có ít bạn thích đến nhất.

- HS lắng nghe và ghi nhớ

GV giới thiệu: Tìm hiểu về thời tiết trong hai tuần qua, người ta thu thập và thể hiện qua bảng thời tiết hằng ngày (SGK trang 104).



• Phân loại

- GV đặt câu hỏi

+ Người ta phân loại thời tiết thành mấy loại? Kể tên.

• Kiểm đếm

- GV yêu cầu HS đếm số ngày của mỗi loại thời tiết và ghi chép kết quả đếm.

b) Thể hiện kết quả kiểm đếm trên một bảng cho sẵn

- GV hướng dẫn HS đặt  vào khung: 1  / ngày

• Đọc và nêu nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh

- GV yêu cầu HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời các câu hỏi.

- HS lắng nghe, quan sát biểu đồ tranh

- HS trả lời:

+ 4 loại: ngày nắng, ngày gió, ngày nhiều mây, ngày mưa

- HS thông báo kết quả, GV viết trên bảng lớp.

Ngày nắng: 5 ngày.

Ngày nhiều gió: 2 ngày.

Ngày nhiều mây: 3 ngày.

Ngày mưa: 4 ngày.

- HS lắng nghe, hoàn thiện biểu đồ tranh

- GV sửa bài, Gọi một số HS trình bày và giải thích các câu trả lời.

- Sau khi sửa bài, GV giáo dục HS về trang phục ra đường thích hợp cho mỗi loại thời tiết.

Ví dụ: đội mũ (nón) khi trời nắng, mặc áo mưa (che dù) khi trời mưa,...

D. Củng cố

Mục tiêu: HS củng cố lại một lần nữa kiến thức đã học

Cách tiến hành:

- GV cho HS chơi “Tôi bảo”

- GV đưa ra bảng phụ:

EM THÍCH MÀU GÌ?

Màu đỏ	Màu trắng	Màu vàng

- GV chọn 3 HS, mỗi HS phụ trách 1 màu.

+ GV: Tôi bảo, tôi bảo.

+ GV: Tôi bảo ai thích màu trắng đứng lên.

- HS thảo luận trả lời câu hỏi, nói cho nhau nghe

- HS trình bày:

+ 2 tuần = 14 ngày (có thể đếm số ngày trực tiếp trên biểu đồ tranh, đếm trên lịch, cũng có thể tính để biết).

+ Chỉ cần nhìn vào sơ đồ, ta thấy ngay: Số ngày nắng nhiều nhất, số ngày nhiều gió ít nhất

- HS lắng nghe và ghi nhớ

- HS lắng nghe

<p>+ GV: Tôi bảo, tôi bảo.</p> <p>+ GV: Tôi bảo các em ngồi xuống.</p> <p>- Tương tự với các màu còn lại.</p> <p>Lưu ý, 1 HS có thể thích nhiều màu và cũng có thể không thích màu nào.</p> <p>+ GV: Tôi bảo, tôi bảo.</p> <p>+ GV: Tôi bảo các em cho biết màu nào có nhiều bạn thích nhất.</p> <p>.....</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS.</p>	<p>+ HS: Bảo gì? Bảo gì?</p> <p>+ Những em HS thích màu trắng đứng lên.</p> <p>HS phụ trách màu trắng đếm nhẩm, không nói số lượng và thể hiện vào bảng (có thể đánh dấu x, hay dấu □, hoặc vẽ hình ... tùy GV quy định).</p> <p>+ HS: Bảo gì? Bảo gì?</p> <p>+ HS ngồi xuống</p> <p>+ HS: Bảo gì? Bảo gì?</p> <p>+ HS trả lời</p> <p>- HS lắng nghe</p>
---	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: CÓ THỂ, CHẮC CHẮN, KHÔNG THỂ (1 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Làm quen với các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện.
- Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan đến các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể thông qua vài thí nghiệm, trò chơi hoặc xuất phát từ thực tiễn.

2. Năng lực

*** Năng lực chung:**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

*** Năng lực riêng:** Tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học.

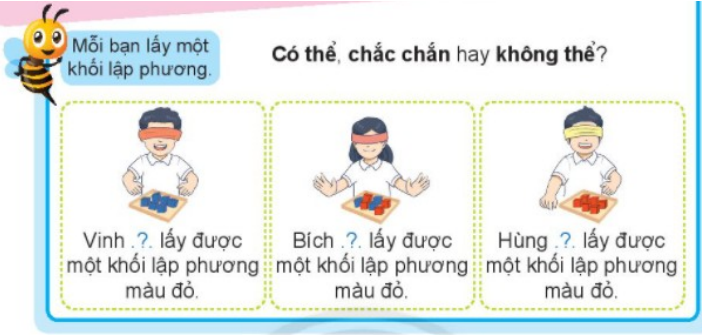
3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Hình vẽ bài học (nếu cần)



- GV gọi HS trình bày, GV ghi chú trên bảng lớp

+ Khi nào dùng từ không thể để mô tả khả năng xảy ra?

+ Khi nào dùng từ có thể để mô tả khả năng xảy ra?

+ Khi nào dùng từ chắc chắn để mô tả khả năng xảy ra?

- GV cho HS (thảo luận nhóm bốn) nêu một vài ví dụ có sử dụng các từ: có thể, chắc chắn, không thể.

- HS trình bày:

• Tình huống 1: không thể

Vinh không thể lấy được một khối lập phương màu đỏ, vì trong khay chỉ có các khối lập phương màu xanh.

+ Khi biết rõ là chắc chắn không xảy ra

• Tình huống 2: có thể

Bích có thể lấy được một khối lập phương màu đỏ.

+ Khi biết có thể xảy ra nhưng không chắc chắn.

• Tình huống 3: chắc chắn

Hùng chắc chắn lấy được khối lập phương màu đỏ.

+ Khi biết rõ chắc chắn xảy ra.

- HS nêu ví dụ

<p>Bước 2: Thực hành</p> <p>Bài 1: Có thể, chắc chắn hay không thể?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS nhóm hai tìm hiểu và nhận biết yêu cầu của bài - GV yêu cầu các nhóm thảo luận điền từ thích hợp vào chỗ trống - GV sửa bài, gọi HS đọc kết quả và khuyến khích HS giải thích tại sao điền như vậy. <p>- GV nhận xét, tổng kết</p> <p>Bài 2: Trò chơi Tập tâm vững</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV dạy HS bài đồng dao, nói luật chơi, tổ chức cho HS chơi theo nhóm đôi. <p>- Sau khi chơi, GV giúp HS nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khi dự đoán, em không biết chắc chắn tay nào của bạn có khối lập phương. 	<p>Ví dụ: Hôm nay, chắc chắn là thứ</p> <p>Chiều nay trời có thể mưa, con nhớ mang áo mưa.</p> <p>Chim cánh cụt không thể bay.</p> <p>.....</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm hiểu và nhận biết yêu cầu: + Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống. - HS thảo luận điền từ <p>- HS đọc kết quả và giải thích:</p> <p>a) chắc chắn (vì tất cả các thẻ số đều là số tròn chục).</p> <p>b) không thể (vì không có số 70).</p> <p>c) có thể (vì trong ba thẻ, có một thẻ là số 50).</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe <p>- HS học thuộc bài đồng dao, lắng nghe GV giới thiệu luật chơi và tiến hành chơi theo nhóm đôi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe
---	---

<ul style="list-style-type: none"> • Cỏ thể tay trái, cũng có thể tay phải. <p>C. CÙNG CỐ</p> <p>Mục tiêu: HS củng cố lại kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ: mô tả khả năng xây ra (có sử dụng các từ: có thể, chắc chắn, không thể). Ví dụ: mô tả thời tiết, thời gian, thời khóa biểu học tập,... * Hoạt động thực tế Em tập dùng các từ có thể, chắc chắn, không thể khi nói chuyện với người thân. - GV nhận xét, đánh giá kết quả, thái độ học tập của HS. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS các tổ thi đua và chọn ra tổ chiến thắng - HS về nhà tập cùng người thân - HS lắng nghe
---	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: NGÀY, GIỜ (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được 1 ngày có 24 giờ.
- + Cảm nhận được khoảng thời gian 1 giờ và 1 ngày.
- + Làm quen với khoảng thời gian, bước đầu phân biệt thời điểm và khoảng thời gian.
- Nhận biết một ngày có các buổi: sáng, trưa, chiều, tối, đêm và hai cách đọc giờ vào buổi chiều, tối, đêm.
- Biết xem giờ trên đồng hồ điện tử.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Chăm chỉ (quý trọng thời gian), trách nhiệm
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.
- Mô hình đồng hồ 2 kim, đồng hồ điện tử

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con...
- Mô hình đồng hồ 2 kim

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn” - GV đọc giờ - GV tiếp tục cho HS chơi theo nhóm đôi - GV cùng cả lớp nhận xét, đánh giá, dẫn HS vào bài học mới <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nắm được các đơn vị ngày, giờ và</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quay kim đồng hồ - HS chơi theo nhóm đôi - HS nghe GV giới thiệu bài mới

+ GV nói: 18 giờ.

- GV cho HS mở SGK (nhóm bốn) lần lượt **đọc** giờ và **xoay** kim đồng hồ theo hình vẽ.



- Trò chơi: **Đố bạn**

GV: Đố bạn, đố bạn.

GV: 8 giờ là buổi gì trong ngày?

- GV cho HS tiếp tục chơi theo nhóm

- GV chốt: Sáng từ 1 giờ đến hết 10 giờ;

Trưa từ 11 giờ đến hết 12 giờ;

Chiều từ 13 giờ đến hết 18 giờ;

Tối từ 19 giờ đến hết 21 giờ;

Đêm từ 22 giờ đến hết 24 giờ.

- HS: xoay kim đồng hồ chỉ 6 giờ rồi nói: 6 giờ chiều.

- HS mở SGK, theo nhóm 4 lần lượt đọc giờ và xoay kim đồng hồ theo hình vẽ

HS: Đố gì, đố gì?

HS: Đó là buổi sáng, buổi sáng.

- HS chơi theo nhóm

- HS lắng nghe, ghi nhớ

Bước 2: Thực hành

Bài 1:

- GV tổ chức cho HS nhóm hai thay nhau làm theo SGK



- GV nhận xét, tổng kết

Bài 2:

- GV giới thiệu: Đây là bức tranh nói về các hoạt động của bạn Minh trong một ngày (24 giờ)
- GV yêu cầu HS nhóm hai quan sát từng hoạt động gắn với từng cái đồng hồ thay nhau nói theo mẫu:

Lúc 6 giờ sáng, Minh thức dậy.

C. LUYỆN TẬP

Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách đọc giờ theo buổi

Cách tiến hành:

Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1

- GV giới thiệu một đồng hồ điện tử (loại để bàn

- HS nhóm hai thực hiện:

+ Một HS xoay kim đồng hồ và nói giờ

+ Một HS viết giờ buổi chiều (tối, đêm) vào bảng con.

- HS lắng nghe GV

- HS quan sát tranh và lắng nghe GV giới thiệu

- HS quan sát nói theo mẫu

+ Lúc 7 giờ sáng, Minh đi học

.....

hay treo tường), nếu không có thì viết giờ lên bảng để HS **đọc**:

17 : 00 **5 giờ chiều**

7 : 00 **7 giờ sáng**

20 : 00 **8 giờ tối**

.....

- GV giới thiệu: Đây là các hoạt động của bạn Hà trong một ngày Chủ nhật, các hoạt động diễn ra theo thứ tự thời gian, từ hình a đến hình g.

- GV gọi HS nói theo mẫu:



- GV cho HS nhóm hai tập nói theo mẫu các tranh còn lại

- GV sửa bài, hỏi HS dưới nhiều hình thức:

+ Nói theo tiến trình thời gian (lần lượt từ hình a đến hình g)

+ Hà chơi thả diều lúc mấy giờ? (hình d)

+ Lúc 8 giờ tối (20 giờ), Hà làm gì?

.....

Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT2

- HS quan sát và đọc giờ

- HS lắng nghe

- HS nói theo mẫu:

+ Lúc 5 giờ chiều, Hà giúp mẹ nấu ăn

- HS nói theo mẫu

- HS trả lời

- GV giúp HS xác định khoảng thời gian 1 giờ hay 1 ngày
- GV cho HS nhóm 4 tìm hiểu bài và nhận biết yêu cầu.

- GV yêu cầu HS thảo luận, thực hiện điền giờ hay ngày vào các bức tranh



Ba sơn nhà trong 1 .?.



Mẹ nấu ăn trong 1 .?.



Em tập bơi trong 1 .?.

- GV sửa bài, gọi HS đọc kết quả và khuyến khích HS giải thích cách làm
- GV nhận xét, tổng kết

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3

- GV yêu cầu HS nhóm hai quan sát từng hoạt động gắn với từng cái đồng hồ thay nhau nói theo mẫu:

Hà thức dậy lúc 6 giờ sáng.

- GV sửa bài, gọi một số nhóm nói các bức tranh còn lại, khuyến khích HS nói theo 2 cách
- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm nói chính xác

- HS lắng nghe

- HS thảo luận nhận biết:

Hình vẽ các thành viên trong gia đình với công việc quen thuộc. Xác định khoảng thời gian cần để thực hiện công việc

- HS thảo luận, thực hiện

- HS đọc kết quả và giải thích

- HS lắng nghe

- HS quan sát tranh và nói theo mẫu

- HS các nhóm nói các bức tranh còn lại theo 2 cách

*** Hoạt động thực tế**

- GV yêu cầu HS về nhà trao đổi với người thân:
Trong các việc sau, em nên giành nhiều thời gian
cho việc nào?



- HS lắng nghe

- HS về nhà trao đổi cùng với người thân

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: NGÀY, THÁNG

(2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được số ngày trong tháng.
- Biết xem lịch tháng.
- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thời gian.
- Nhận biết được một số ngày lễ quan trọng gần gũi với HS.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học, sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Chăm chỉ (quý trọng thời gian), trách nhiệm
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- Quyển lịch tháng

2. Đối với học sinh

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con...

- 1 tờ lịch tháng

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”- GV cho HS cầm tờ lịch đem theo đố bạn đọc thứ, ngày <p>B. BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS nhận biết được số ngày trong tháng và biết xem lịch tháng</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bước 1: Giới thiệu tờ lịch tháng</p> <ul style="list-style-type: none">- GV đưa ra một tờ lịch ngày hôm nay, hướng dẫn HS xem thứ, ngày, tháng trên tờ lịch. <p>GV đặt vấn đề: Xem trên tờ lịch này, chúng ta chỉ biết thứ, ngày, tháng của hôm nay; còn các ngày</p>	<p>- HS đọc thứ ngày trên các tờ lịch</p> <p>- HS lắng nghe và quan sát tờ lịch</p>

khác trong tháng và đặc biệt có biết được tháng này có bao nhiêu ngày không?

- GV giới thiệu: Tờ lịch tháng.

GV giới thiệu: Các ngày trong tháng 12 được viết bởi các số liên tiếp từ ngày 1 đến ngày 31.

Tháng 12 có 31 ngày.

Tháng 12

2021

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
		1	2	3	4	5
6	7	8	9	10	11	12
13	14	15	16	17	18	19
20	21	22	23	24	25	26
27	28	29	30	31		

- GV cho HS xem thêm vài tờ lịch tháng để HS **nhận biết** ngày cuối cùng của tháng là ngày bao nhiêu và nói số ngày trong tháng đó.

GV hướng dẫn HS cách xem lịch đọc viết thứ, ngày, tháng (hôm qua - hôm nay - ngày mai - tuần sau ...).

Ví dụ: Hôm nay là thứ Ba, ngày 14 tháng 12.

Ngày mai là thứ.....

Tuần sau là

Bước 2: Thực hành

Bài 1:

- GV cho HS nhóm hai thay trả lời các câu hỏi

- HS lắng nghe và ghi nhớ

- HS quan sát các tờ lịch và nhận biết

- HS quan sát, lắng nghe GV hướng dẫn

<p>trong SGK</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV sửa bài, gọi HS trình bày câu trả lời, khuyến khích HS thao tác trên tờ lịch tháng 12 để kiểm tra thông tin <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tổng kết <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chỉ vào dòng: thứ, ngày, tháng trên bảng cho HS đọc rồi GV chỉ vào ngày trên lịch cho HS đọc lại thứ, ngày, tháng (của hôm nay). - GV chỉ vào ngày 1/12. <ul style="list-style-type: none"> - GV cho nhóm hai HS thay nhau đọc - viết theo mẫu. - GV sửa bài, sử dụng tờ lịch tháng 12 trên bảng lớp, cho HS kiểm tra thông tin. <p>C. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại cách đọc ngày tháng</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời các câu hỏi trong SGK <ul style="list-style-type: none"> - HS trình bày câu trả lời <p>a) Tháng 12 có 31 ngày.</p> <p>b) Ngày hai mươi lăm tháng Mười hai là thứ Bảy.</p> <p>c) Trong tháng 12 có 4 ngày Chủ nhật. Đó là các ngày: 5, 12, 19, 26.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc theo GV chỉ <ul style="list-style-type: none"> - Một HS đọc và một HS viết trên bảng con: Thứ Tư, ngày 1 tháng 12. - HS thực hiện theo nhóm <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe GV
--	--

- GV cho HS tìm hiểu bài và giúp HS nhận biết:

Tương tự tháng 12, các ngày trong tháng 1 cũng được viết bởi các số liên tiếp từ ngày 1 đến ngày 31.

- GV chỉ vào vị trí số 31 trên tờ lịch và nói rõ tại sao số 31 được viết vào ô trên đầu tờ lịch thay vì viết tiếp sau số 30: theo quy ước về khung lịch.

- GV yêu cầu HS đọc tiếp các ngày còn thiếu, xác định ngày Chủ nhật tuần trước và tuần sau ngày Chủ nhật 16/1.

Tháng 1 2022

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
31					1	2
3	?	5	6	?	8	9
10	11	?	?	14	?	16
17	18	?	20	21	?	?
?	?	26	27	?	29	30

- GV sửa bài, treo tờ lịch tháng 1 trên bảng lớp, cho HS kiểm tra thông tin.

Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2

- GV cho HS tìm hiểu bài

- GV yêu cầu HS quan sát tờ lịch, điền tiếp các ngày còn thiếu và xác định các ngày theo yêu cầu của bài

- HS tìm hiểu và nhận biết

- HS quan sát và lắng nghe

- HS đọc và xác định

- HS lắng nghe GV sửa bài; quan sát tờ lịch và kiểm tra thông tin

- HS đọc câu hỏi và nêu yêu cầu của bài

- HS quan sát tờ lịch và trả lời các

Tháng 4

2022

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
				1	2	3
4	?	6	7	?	9	10
?	12	?	14	15	16	?
18	?	20	?	22	?	24
?	26	?	28	?	30	

- GV sửa bài, gọi HS đọc kết quả và hỏi lại HS em dựa vào đâu để xác định được ngày như vậy

- GV treo tờ lịch tháng 4, tháng 5 lên bảng cho HS kiểm tra thông tin

- GV mở rộng: Giới thiệu ngày 30/4 và ngày 1/5.

+ Ngày 30 tháng 4 là ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

+ Ngày 1/5 là ngày Quốc tế Lao động, đây là ngày hội lớn của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam. Đây cũng là ngày biểu thị tình đoàn kết hữu nghị với giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, cùng đấu tranh cho thắng lợi của hoà bình, tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội.

+ GV giới thiệu đôi nét về cuộc đua xe đạp “Cúp Truyền hình”.

câu hỏi

- HS đọc kết quả

- HS quan sát, kiểm tra thông tin

- HS lắng nghe

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ (2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ôn tập cộng, trừ trong phạm vi 100.
- Ôn tập biểu đồ tranh.
- Ôn tập về ngày, giờ, xem lịch.
- Vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản.

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: Trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Thủ công.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.

- Bộ xếp hình

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- Bộ xếp hình

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>- GV tổ chức cho HS cả lớp hát múa</p> <p>B. LUYỆN TẬP</p> <p>Mục tiêu: HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT1</p> <p>- GV giới thiệu khái quát về các hình ảnh nói về cái gì?</p>	<p>- HS cả lớp tham gia</p> <p>- HS lắng nghe, tìm hiểu bài và nhận biết yêu cầu: Xem đồng hồ, xem lịch, tìm khoảng thời gian.</p>



Lưu ý HS khi quan sát hình ảnh:

Thứ mấy? -> Ngày bao nhiêu? -> Tháng mấy? ->

Mấy giờ? -> Buổi gì? -> Làm gì?

- GV cho HS (nhóm bốn) thảo luận.

- GV sửa bài, gọi các nhóm trình bày trước lớp, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

- Sau khi sửa bài, GV giáo dục HS phép lịch sự khi đi trên những phương tiện công cộng: đến đúng giờ, ngồi đúng số ghế, không nói chuyện ồn ào, không xả rác bừa bãi,....

- HS thảo luận

- HS trình bày trước lớp

a) Xe khởi hành tại bến Mỹ Đình vào

- Thứ 5 ngày 30 tháng 12
- Lúc 10 giờ, buổi tối

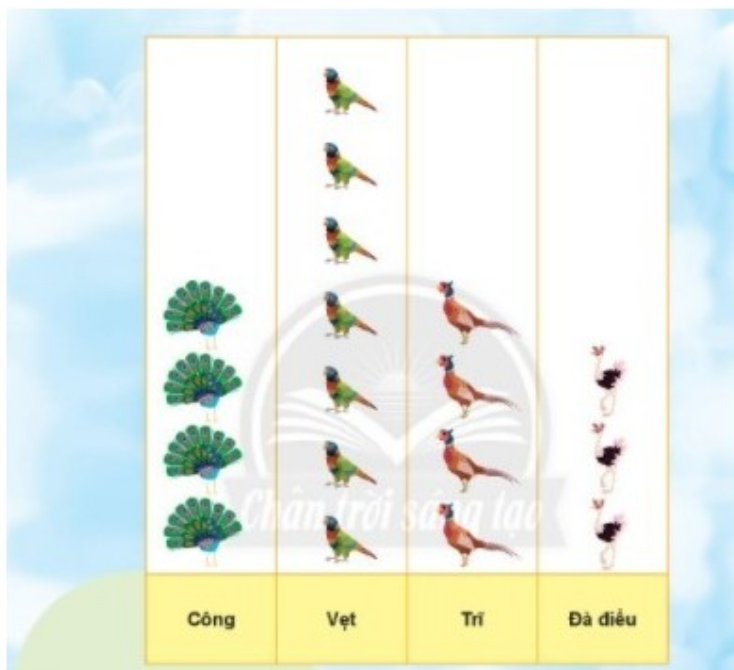
b) Xe đến bến Sơn La vào:

- Thứ 6 ngày 31 tháng 12
- Lúc 6 giờ sáng

c) Xe đi từ bến xe Mỹ Đình đến bến xe thành phố Sơn La mất 8 giờ

Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2

- GV giới thiệu: Tìm hiểu về một số con vật ở một vườn thú, người ta thu thập, phân loại, kiểm đếm và thể hiện qua biểu đồ tranh trong SGK trang 113.



- GV hướng dẫn HS đọc và mô tả các số liệu:

+ Biểu đồ này gồm mấy cột? (4 cột).

+ Tại sao là 4 cột?

+ Mỗi cột thể hiện số con thú của một loại thú.

+ Mỗi con thú được thể hiện như thế nào?

- GV yêu cầu HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời các câu hỏi.

- GV sửa bài, gọi HS trình bày và giải thích các

- HS lắng nghe

- HS lắng nghe, quan sát SGK

- HS trả lời

+ 4 cột

+ Vì các con thú được phân thành 4 loại

+ Hình vẽ

<p>câu trả lời.</p> <p>- Sau khi sửa bài, GV giới thiệu các con vật (công, vẹt, trĩ, đà điểu) đều bay được.</p> <p>* Trò chơi Bin - gô</p> <p>- GV phát cho HS: mỗi em một thẻ BIN-GÔ có kẻ sẵn ô số.</p> <p>- GV nêu luật chơi rồi lần lượt đọc và viết các phép tính lên bảng. (Cộng, trừ trong phạm vi 100).</p> <p>- Giáo viên và các bạn cùng kiểm tra kết quả các phép tính của bạn thắng cuộc.</p> <p>* Đất nước em</p> <p>Cà Mau có nhiều hải sản tươi ngon, nổi tiếng nhất là cua Cà Mau.</p> <p>GV giúp HS xác định vị trí tỉnh Cà Mau trên bản đồ (SGK trang 130).</p>	<p>- HS thảo luận trả lời câu hỏi</p> <p>- HS trình bày và giải thích</p> <p>Nhìn vào biểu đồ, ta thấy ngay:</p> <p>a) Công: 4 con</p> <p>Vẹt: 7 con</p> <p>Trĩ: 4 con</p> <p>Đà điểu: 3 con</p> <p>b) Vẹt nhiều nhất, đà điểu ít nhất.</p> <p>c) Tất cả có 18 con vật.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- Học sinh tính rồi khoanh vào số chỉ kết quả trên thẻ.</p> <p>- HS nào khoanh đủ ba số theo một hàng (hàng dọc, hàng ngang hay hàng chéo) thì thắng cuộc và hô lớn “Bin-gô!”</p> <p>- HS lắng nghe, xác định vị trí tỉnh Cà Mau trên bản đồ</p>
---	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: ÔN TẬP HỌC KÌ I

(9 TIẾT)

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ôn tập các số trong phạm vi 100: cấu tạo số, sơ đồ tách - gộp số, so sánh số, dãy số thứ tự theo quy luật, ước lượng, ...

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước

- Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

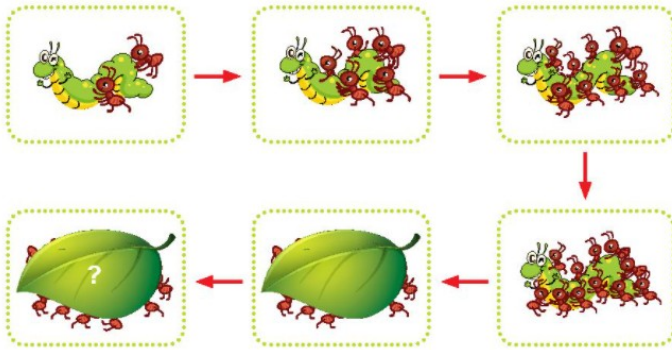
- Giáo án, SGK, SGV.

<p>- GV hỏi để hệ thống lại cấu tạo thập phân của số</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu, nhận biết: xác định cách đọc số, viết số và cấu tạo số</p> <p>- GV yêu cầu HS nhóm đôi thảo luận chọn cách đọc số, viết số, cấu tạo số đúng</p> <p>- GV sửa bài, gọi HS các nhóm đọc kết quả</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm làm đúng và nhanh nhất</p> <p>Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm hai, hoàn thành BT3</p> <p>- GV yêu cầu HS nhóm hai tìm hiểu bài và nhận biết:</p> <p>+ Yêu cầu của bài</p> <p>+ Tìm thế nào?</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, điền số vào các dấu ? của các phần a, b, c, d</p> <p>- GV sửa bài, gọi 4 HS đọc kết quả và khuyến khích HS giải thích tại sao điền như vậy.</p> <p>- GV mở rộng: hình dạng các dãy số (tròn, tam giác, vuông, chữ nhật có cùng màu ghép vào giống</p>	<p>b) $96 = 90 + 6$</p> <p>$90 + 6 = 96$</p> <p>- HS trả lời: số chục – số đơn vị</p> <p>- HS tìm hiểu, nhận biết</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm đôi</p> <p>- HS các nhóm đọc kết quả</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thảo luận nhận biết:</p> <p>+ Yêu cầu của bài: Số?</p> <p>+ Dãy số đếm thêm – câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 5; câu d: thêm 10.</p> <p>- HS thảo luận điền số</p> <p>- HS đọc kết quả</p>
--	---

hình cây nến).

Nhiệm vụ 4: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT4

- GV cho HS tìm hiểu đề: nhận biết yêu cầu, xác định nhiệm vụ.



- GV yêu cầu HS nhóm bốn thảo luận tìm cách làm

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ trong nhóm để kiểm tra lại kết quả

- GV sửa bài, gọi vài HS đọc kết quả và nói cách làm.

- GV chốt: HS có thể có cách làm khác nhau, lí luận đúng để tìm kết quả đúng thì chấp nhận.

Hình cuối cùng có 17 con kiến

Nhiệm vụ 5: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT5

- GV cho HS nhóm hai tìm hiểu bài và nhận biết yêu cầu của bài

- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu nhận biết yêu cầu:

+ Hình cuối cùng (thứ sáu) có bao nhiêu con kiến

- HS thảo luận tìm cách làm:

Đếm và viết số con kiến bốn hình theo thứ tự: 2; 5; 8; 11 (đếm thêm 3)

- HS làm bài cá nhân và chia sẻ kết quả trong nhóm

- HS đọc kết quả: 17 con kiến (cộng thêm 3 con kiến vào mỗi hình)

- HS lắng nghe

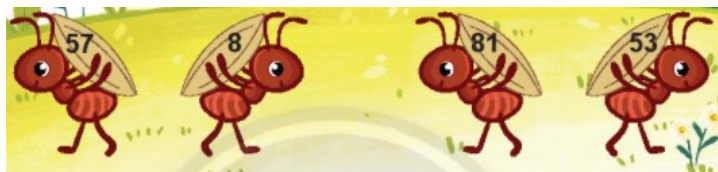
- GV yêu cầu HS thực hiện so sánh, điền dấu thích hợp vào dấu ?

- GV gọi 3 HS lên bảng viết kết quả, giải thích tại sao điền dấu đó

- GV nhận xét, tuyên dương HS làm đúng và nhanh nhất.

Nhiệm vụ 6: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT6

- GV cho HS tìm hiểu xác định yêu cầu của bài và thực hiện



- GV sửa bài, gọi HS đọc kết quả và giải thích tại sao chọn số đó

- GV hệ thống hoá cách so sánh các số trong phạm vi 100.

• Số có một chữ số bé hơn số có hai chữ số.

• So sánh các số có hai chữ số: So sánh từ trái sang phải.

+ Số nào có số chục lớn hơn thì số đó lớn hơn.

+ Nếu số chục bằng nhau, số nào có số đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn.

- HS tìm hiểu nhận biết yêu cầu: so sánh – điền dấu.

- HS thực hiện

- HS lên bảng viết kết quả:

$$34 > 30 \quad 51 > 28 \quad 70 + 4 = 74$$

$$9 < 22 \quad 75 > 57 \quad 9 + 5 = 5 + 9$$

- HS lắng nghe

- HS xác định yêu cầu của bài (tìm số lớn nhất, số bé nhất) và thực hiện so sánh các số để tìm

- HS đọc kết quả và giải thích:

+ Số lớn nhất là số 81

+ Số bé nhất là số 8

- HS lắng nghe

<p>- GV nhận xét, tuyên dương HS thực hiện đúng và nhanh</p> <p>Nhiệm vụ 9: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT9</p> <p>- GV cho HS nhóm đôi tìm hiểu bài và nhận biết yêu cầu</p> <p>- GV yêu cầu HS thực hiện rồi nói kết quả</p> <p>- GV sửa bài, gọi HS trình bày cách làm. Khuyến khích HS vừa nói vừa thao tác trên hình vẽ GV treo trên bảng lớp</p> <p>- GV tổng kết, nhận xét, tuyên dương các nhóm hoàn thành tốt bài tập</p>	<p>- HS đọc kết quả</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS tìm hiểu nhận biết yêu cầu: Ước lượng – đếm số trứng chim mỗi nhóm.</p> <p>- HS thực hiện rồi nói kết quả.</p> <p>- HS trình bày: Có 7 nhóm, mỗi nhóm khoảng 10 quả. Em đếm: 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70. Có khoảng 70 quả trứng. Đếm: có 73 quả.</p> <p>- HS lắng nghe</p>
--	---

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: ÔN TẬP HỌC KÌ I (9 TIẾT)

ÔN TẬP PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ôn tập cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100: tính nhẩm, tính viết, vận dụng sơ đồ tách - gộp số, mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ để tìm kết quả và tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ, biểu đồ tranh, vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản,...

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng phẩm chất yêu nước

<p>- GV sửa bài, GV HS đọc kết quả. Khuyến khích HS nhìn vào phép tính nêu cách xác định phép tính (cộng, trừ)</p> <p>Ví dụ: $8 + 3$; $5 + 8$; $7 + 6$; $9 + 4$ là các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20.</p> <p>$12 - 5$; $16 - 8$; $11 - 3$; $13 - 7$ là các phép trừ qua 10 trong phạm vi 20 (các số trừ đều có số đơn vị lớn hơn số đơn vị ở số bị trừ).</p> <p>- GV hỏi để hệ thống hóa cách tính nhằm</p> <p>- GV nhận xét, tổng kết</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT2</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu, nhận biết yêu cầu của bài.</p> <p>- GV hỏi để hệ thống hoá:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định loại phép tính (có nhớ hay không nhớ). • Đặt tính. • Tính (nếu có nhớ thì sao). • Giới thiệu cách kiểm tra kết quả: kiểm tra các con số có đúng như đề bài và kiểm tra cách 	<p>- HS đọc kết quả</p> <p>- HS trả lời</p> <p>+ Làm cho đủ chục rồi cộng với số còn lại.</p> <p>+ Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại.</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS tìm hiểu, nhận biết yêu cầu: đặt tính rồi tính</p> <p>- HS lắng nghe, trả lời các câu hỏi của GV</p>
--	--

tính; có thể dùng mối quan hệ cộng, trừ; riêng đối với phép cộng, có thể dùng thêm tính chất giao hoán để kiểm tra.

- GV yêu cầu HS thực hiện các phép tính ra bảng con

- GV sửa bài, gọi 3 HS lên bảng thực hiện các phép tính

- GV nhận xét, tuyên dương các HS thực hiện đúng và nhanh

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3

- GV yêu cầu HS tìm hiểu bài và nhận biết:

+ Yêu cầu của bài

+ Tìm thế nào?

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, thảo luận tìm các số mỗi con vật đã che

$$\begin{array}{cc} 9 + \text{ant} = 16 & 80 - \text{ant} = 20 \\ \text{ant} - 6 = 8 & \text{ant} + 10 = 50 \end{array}$$

- GV sửa bài, gọi 4 HS đọc kết quả và khuyến khích HS giải thích tại sao điền như vậy.

- GV nhận xét, tổng kết

*** Thử thách**

- GV cho HS tìm hiểu bài, phân tích mẫu và nhận biết yêu cầu của bài

- HS thực hiện các phép tính ra bảng con

- HS trình bày các phép tính

- HS lắng nghe

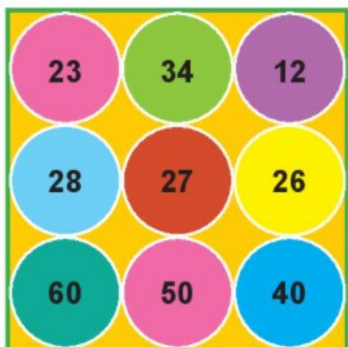
- HS tìm hiểu nhận biết: Vận dụng sơ đồ tách gộp hoặc mối liên hệ cộng, trừ để tìm thành phần trong phép tính.

- HS thảo luận thực hiện

- HS đọc kết quả và giải thích cách làm

- HS lắng nghe

- GV yêu cầu HS (nhóm bốn) thảo luận, nhận dạng: tìm hai số có tổng là một số tròn chục.



Vi dụ: $8 + 2 = 10$, nên tổng của 28 và 12 là một số tròn chục: $28 + 12 = 40$.

- GV yêu cầu HS viết các phép tính ra bảng con.

- GV sửa bài, gọi HS viết các phép tính lên bảng lớp và khuyến khích HS trình bày cách xác định các số gia đình.

- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm thực hiện tốt

Nhiệm vụ 4: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT4

- GV cho HS nhóm đôi tìm hiểu đề: nhận biết yêu cầu, tìm cách làm

- HS nhận biết yêu cầu của bài:

+ Tìm 3 số gia đình rồi viết 4 phép tính.

- HS thảo luận

- HS viết các phép tính ra bảng con

- HS viết các phép tính

$$28 + 12 = 40 \quad 40 - 28 = 12$$

$$12 + 28 = 40 \quad 40 - 12 = 28$$

$$34 + 26 = 60 \quad 60 - 34 = 26$$

$$26 + 34 = 60 \quad 60 - 26 = 34$$

- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu, nhận biết:

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân điền các số vào dấu ? sau đó chia sẻ trong nhóm để kiểm tra lại kết quả.

50	21	8	30	25	12	6	36
	29	42	?	?	?	?	?

- GV sửa bài, gọi HS đọc kết quả và khuyến khích HS giải thích tại sao điền như vậy.

- GV nhận xét, tổng kết

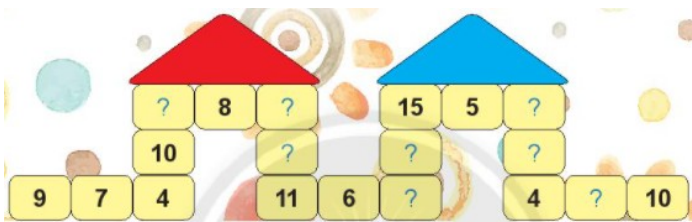
Nhiệm vụ 5: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT5

- GV cho HS nhóm hai tìm hiểu bài và nhận biết:

+ Yêu cầu của bài

+ Tìm thế nào?

- GV yêu cầu HS nhóm đôi, điền số thích hợp vào các dấu ?



+ Yêu cầu của bài: Số?

+ Tìm cách làm: Tổng các số trong các ô cùng màu (trong cùng cột) đều bằng 50

- HS thực hiện cá nhân sau đó chia sẻ trong nhóm

- HS đọc kết quả

50	21	8	30	25	12	6	36
	29	42	20	25	38	44	14

50 gồm 21 và 29; 50 gồm 8 và 42; 50 gồm 30 và 20,....

- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu, nhận biết:

+ Yêu cầu: Số?

+ Cách tìm: Tổng 3 số cạnh nhau trong cùng hàng hay cùng cột đều bằng 20.

- HS thực hiện theo nhóm đôi

- GV sửa bài, gọi HS đọc kết quả, giải thích tại sao điền như vậy. Gợi ý HS dựa vào sơ đồ tách gộp số để kiểm tra kết quả

- GV nhận xét, tuyên dương HS

Nhiệm vụ 6: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT6

- GV cho HS tìm hiểu xác định cái đã cho và câu hỏi của bài, xác định việc cần làm

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân, giải bài toán

- GV sửa bài, gọi HS lên bảng trình bày bài giải và giải thích cách làm

- GV mở rộng nói về con đom đóm: Đom đóm là loài côn trùng cánh cứng nhỏ, có khả năng phát sáng, hoạt động về ban đêm, con đực thường có cánh và bay vào những đêm đầu mùa hạ.

Nhiệm vụ 7: Hoạt động nhóm đôi, hoàn

- HS đọc kết quả



- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu, tóm tắt bài toán và xác định việc cần làm: Giải bài toán

Có : 7 con đom đóm bay ra ngoài

Còn: 5 con đom đóm trong bình

Ban đầu có: ? con đom đóm trong bình

- HS làm bài cá nhân

- HS trình bày bài giải:

Ban đầu có tất cả số con đom đóm trong bình là:

$$7 + 5 = 12 \text{ (con đom đóm)}$$

Đáp số: 12 con đom đóm

- HS lắng nghe

thành BT7

- GV cho HS thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu



a) $76 + 20 = 96$ 

$76 + 20 = 56$ 

b) $0 + 51 = 51$ 

$83 - 83 = 0$ 

$42 - 0 = 42$ 

c) $35 + 19 = 19 + 35$  

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để tìm cách làm và thực hiện rồi nói kết quả

- GV sửa bài, gọi HS trình bày cách làm

GV lưu ý để HS nhận biết:

• Nếu kết quả tăng so với các thành phần tham dự phép tính thì nghĩ đến phép tính cộng.

• Nếu kết quả giảm so với các thành phần tham dự phép tính thì nghĩ đến phép tính trừ.

- GV hệ thống kiến thức: Vai trò số 0 trong phép cộng, phép trừ; đổi chỗ các số hạng thì tổng không thay đổi.

* Vui học

- GV cho HS nhóm đôi tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu

- GV sửa bài, gọi HS trình bày cách làm (GV treo hình vẽ lên bảng để minh họa).

- HS tìm hiểu, nhận biết yêu cầu: điền dấu phép tính

- HS thảo luận nhóm đôi

- HS trình bày:

a) $76 + 20 = 96$ $76 - 20 = 56$

b) $0 + 51 = 51$ $83 - 83 = 0$

$42 - 0 = 42$ hoặc $42 + 0 = 42$

c) $35 + 19 = 19 + 35$

- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu, nhận biết yêu cầu: “đi theo các phép tính có nhớ” (các phép tính cộng, trừ

qua 10).

- HS trình bày:

* Các phép tính có nhớ: $83 - 44$; $50 - 22$; $13 + 69$



- GV Hệ thống cách cộng, trừ có nhớ:

+ Làm tròn 10 rồi cộng tiếp, nhớ thêm vào chục.

+ Trừ còn 10, rồi trừ tiếp, nhớ bớt ở chục.

Nhiệm vụ 8: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT8

- GV cho HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu

- GV cho HS quan sát từng hình vẽ, thảo luận để xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán.

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ

- HS lắng nghe

- HS tìm hiểu nhận biết yêu cầu: Viết phép tính tìm số con bọ rùa ở mỗi hình vẽ.

- HS quan sát các hình vẽ, thảo luận

- HS làm bài cá nhân và chia sẻ kết quả

với bạn.

- GV sửa bài, gọi HS trình bày. GV khuyến khích HS đọc các phép tính theo sơ đồ tách - gộp số.

- GV mở rộng: Mỗi liên hệ cộng, trừ, giúp HS hệ thống lại cách tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ (dựa vào sơ đồ tách - gộp số hay mỗi liên hệ cộng, trừ).

Nhiệm vụ 9: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT9

- GV cho HS tìm hiểu xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định các việc cần làm.



- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.

- GV sửa bài: gọi HS trình bày bài giải và giải thích cách làm

- HS trình bày:

a) Phép tính: $9 + 7 = 16$

b) Phép tính: $16 - 7 = 9$

c) Phép tính: $16 - 9 = 7$

- HS lắng nghe

- HS xác định yêu cầu: điền số thích hợp vào dấu ?

- HS làm bài cá nhân

- HS trình bày:

$$12 - 8 = 4$$

a) Bạn gái có nhiều hơn bạn trai 4 hạt đậu

b) Bạn trai có ít hơn bạn gái 4 hạt đậu

+ Giải thích: Chọn phép trừ vì sử dụng thao tác tách để tìm kết quả

- GV lưu ý HS khi so sánh để tìm kết quả có 2 yêu cầu:

- Nhiều hơn (khi so sánh số lớn với số bé).
- Ít hơn (khi so sánh số bé với số lớn).

Nhưng chỉ có một cách làm, đó là thực hiện phép tính trừ.

Nhiệm vụ 10: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT10

- GV cho HS tìm hiểu xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định các việc cần làm.

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.

- GV sửa bài: gọi HS trình bày bài giải và giải thích cách làm

- GV lưu ý HS khi khi biết một số và phần chênh lệch ít hơn, để tìm số còn lại, ta chọn phép tính trừ vì số phải tìm là số bé hơn (thao tác tách).

Nhiệm vụ 11: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT11

- HS lắng nghe

- HS tóm tắt bài toán và xác định việc cần làm: Giải bài toán

Bạn trai có: 15 hạt đậu

Bạn gái có ít hơn bạn trai: 7 hạt đậu

Bạn gái có: hạt đậu?

- HS làm bài cá nhân

- HS trình bày bài giải:

Số hạt đậu của bạn gái là:

$$15 - 7 = 8 \text{ (hạt đậu)}$$

Đáp số: 8 hạt đậu

- HS lắng nghe

- GV cho HS tìm hiểu xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định các việc cần làm.

- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.

- GV sửa bài: gọi HS trình bày bài giải và giải thích cách làm

- GV lưu ý HS khi biết một số và phần chênh lệch nhiều hơn, để tìm số còn lại, ta chọn phép tính cộng vì số phải tìm là số lớn hơn (thao tác gộp).

Nhiệm vụ 11: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT11

a) Thu thập, phân loại, kiểm đếm

• Thu thập

GV giới thiệu: Tìm hiểu về các con bọ rùa theo màu sắc, người ta thu thập và thể hiện qua bảng (SGK trang 124).



- HS xác định việc cần làm: Giải bài toán

- HS làm bài cá nhân

- HS trình bày bài giải:



Số bạn trai là:

$$15 + 5 = 20 \text{ (hạt đậu)}$$

Đáp số: 20 hạt đậu

- HS lắng nghe

- HS lắng nghe, quan sát bảng trong SGK

<ul style="list-style-type: none"> • Phân loại - GV đặt câu hỏi: + Người ta phân loại bọ rùa thành mấy loại? Kể tên. • Kiểm đếm - GV yêu cầu HS đếm số bọ rùa mỗi loại và ghi chép kết quả đếm. b) Thể hiện kết quả kiểm đếm trên một bảng cho sẵn. - Đặt  vào khung: 1  / con. • Đọc và nêu nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh - GV yêu cầu HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời các câu hỏi - GV sửa bài, gọi HS trình bày và giải thích các câu trả lời (thao tác trên bảng lớp để minh họa) - GV nhận xét, tổng kết 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: + Gồm 4 loại: bọ rùa màu xanh, bọ rùa màu đỏ, bọ rùa màu vàng, bọ rùa màu tím. - HS đếm và ghi kết quả: Có 18 con bọ rùa màu đỏ. Có 9 con bọ rùa màu vàng. Có 14 con bọ rùa màu xanh. Có 11 con bọ rùa màu tím. - HS trả lời các câu hỏi, nói cho nhau nghe - HS trình bày: Chi cần nhìn vào sơ đồ, ta thấy ngay: + Số con bọ rùa màu đỏ nhiều nhất, số con bọ rùa màu vàng ít nhất. + Số con bọ rùa màu đỏ nhiều hơn số con bọ rùa màu vàng 9 con (HS chỉ vào phần nhiều hơn). - HS lắng nghe
--	--

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: ÔN TẬP HỌC KÌ I (9 TIẾT)

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ôn tập hình học và đo lường: ngày, giờ, xem lịch, đo độ dài, cộng trừ số đo độ dài, ghép hình,

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

<p>- GV cho HS nhóm đôi tìm hiểu bài và nhận biết:</p> <p>+ Yêu cầu của bài</p> <p>+ Tìm thế nào?</p> <p>- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ với bạn kết quả</p> <p>- GV sửa bài, gọi một số HS đọc kết quả, yêu cầu HS giải thích tại sao lại điền như vậy</p> <p>- GV nhận xét, tuyên dương các bạn HS thực hiện tốt</p> <p>Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2</p> <p>- GV cho HS tìm hiểu, nhận biết:</p> <p>+ Yêu cầu của bài</p> <p>+ Làm thế nào</p> <p>- GV yêu cầu HS nhóm đôi thảo luận chọn đơn vị đúng cho từng trường hợp</p> <p>- GV sửa bài, gọi HS các nhóm đọc kết quả</p>	<p>+ Yêu cầu: điền số?</p> <p>+ Dựa vào mối liên hệ giữa các đơn vị đo độ dài</p> <p>- HS làm bài cá nhân và chia sẻ với bạn</p> <p>- HS đọc kết quả:</p> <p>1 dm = 10 cm 10 cm = 1 dm</p> <p>3 dm = 30 cm 40 cm = 4 dm</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS tìm hiểu, nhận biết</p> <p>+ Yêu cầu: cm hay dm</p> <p>+ Dựa vào độ lớn của đơn vị đo</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm đôi</p> <p>- HS các nhóm đọc kết quả</p> <p>a) Một đốt ngón tay của em dài 1 cm</p> <p>b) Một gang tay của mẹ dài 2 dm</p> <p>c) Em của bạn Lan cao 10 dm</p>
--	---

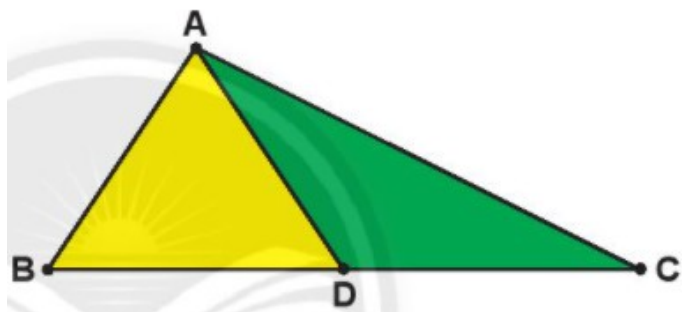
- GV giúp HS ôn lại các số đo bản thân cần ghi nhớ:

- Bụng ngón trỏ đo được 1 cm.
- Gang tay trung bình đo được 16 cm.

Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm hai, hoàn thành BT3

- GV yêu cầu HS nhóm hai tìm hiểu bài và nhận biết yêu cầu của bài

- GV treo hình vẽ lên bảng lớp, gọi HS vừa đọc vừa chỉ vào hình vẽ



- GV nhận xét, tổng kết

Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4

- GV yêu cầu HS quan sát hình tìm hiểu bài:



+ Quan sát hình vẽ, nói xem bức hình vẽ gì?

+ Giúp HS dựa vào bức hình, mô tả đặc điểm của đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc

- GV yêu cầu HS xác định các đường thẳng,

d) Cây bút chì của em dài 10 cm

- HS lắng nghe và ghi nhớ

- HS tìm hiểu và nhận biết:

+ Yêu cầu của bài: Đọc tên điểm, đoạn thẳng, ba điểm thẳng hàng

- HS đọc:

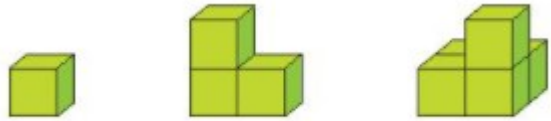
+ Các điểm: A; B, D; C

+ Các đoạn thẳng: AB; AD; AC; BD; BC; DC

+ Ba điểm B, D, C thẳng hàng.

- HS lắng nghe

- HS quan sát hình vẽ lắng nghe và trả lời các câu hỏi.

<p>đường cong, đường gấp khúc trên hình vẽ và tiến hành đo rồi tính độ dài đường gấp khúc</p> <p>+ GV lưu ý: Cách đặt thước để đo; Cách đọc viết số đo</p> <p>- GV sửa bài, gọi HS nói câu trả lời</p> <p>- GV nhận xét</p> <p>* Thử thách</p> <p>- GV cho HS quan sát các hình ảnh, nhận biết phần khuyết của mỗi hình. Yêu cầu HS sử dụng các khối lập phương trong bộ đồ dùng học toán để thực hiện ghép hình.</p> <div data-bbox="175 1171 722 1339" style="text-align: center;">  <p>A B C</p> </div> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận và làm bài</p> <p>- GV sửa bài, khuyến khích HS thao tác trên các khối lập phương.</p> <p>- GV nhận xét</p> <p>Nhiệm vụ 5: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT5</p> <p>- GV yêu cầu HS tự tìm hiểu và làm bài</p>	<p>- HS làm bài, lưu ý cách đo</p> <p>- HS nói câu trả lời:</p> <p>a) Đường màu đỏ là đường gấp khúc</p> <p>Đường màu xanh dương là đường cong</p> <p>Đường màu xanh lá cây là đường thẳng</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS quan sát nhận biết, sử dụng các khối lập phương để ghép hình</p> <p>- HS thảo luận làm bài</p> <p>- HS thao tác ghép hình</p> <p>- HS lắng nghe</p>
---	---

- GV sửa bài, treo tờ lịch tháng 10 và tháng 11 lên, khuyến khích HS **xem** lịch vừa trả lời vừa chỉ vào lịch.

Tháng 10 2021

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	31

Tháng 11 2021

Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30					

- GV mở rộng: Một số ngày cần ghi nhớ, đặc biệt nói về ngày 22/12 để chuyển tiếp sang bài 6.

Nhiệm vụ 6: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT6

- GV cho HS quán sát tranh, nói xem bức tranh vẽ gì?

+ Dựa vào bức tranh, xác định sự việc xảy ra vào ngày nào, buổi nào trong ngày đó

- GV yêu cầu H thảo luận nhóm đôi và làm bài

- GV sửa bài, treo tranh lên bảng lớp gọi HS đọc

- HS tìm hiểu và làm bài

- HS quan sát các tờ lịch và trả lời

a) Tháng 10 có 31 ngày

Có 5 ngày chủ nhật là các ngày 3, 10, 17, 24 và 31

Ngày 20 tháng 10 là thứ tư

b) Tháng 11 có 30 ngày

Có 4 ngày chủ nhật là các ngày 7, 14, 21, 28

Ngày 20 tháng 11 là thứ bảy

- HS lắng nghe

kết quả và giải thích cách làm

*** Hoạt động thực tế**

- GV: Em hãy ghi nhận những ngày đáng nhớ của em và của những người thân trong gia đình em.

Ngày, tháng	Sự kiện đáng nhớ
?	?
?	?
?	?

- HS quan sát bức tranh và tìm hiểu

- HS thảo luận và làm bài

- HS đọc kết quả:

a) Ngày 22 tháng 12 chúng em đi tặng hoa các chú bộ đội

b) Xe khởi hành lúc 7 giờ

Chúng em tặng hoa các chú bộ đội lúc 9 giờ

- HS ghi vào bảng những sự kiện đáng nhớ với người thân vào bảng

Ngày soạn: .../.../...

Ngày dạy: .../.../...

BÀI: THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Đi tàu trên sông

(2 TIẾT)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Ôn tập: Xem giờ, đặt giờ
- Ôn tập: Biểu đồ tranh
- Ôn tập: Giải quyết vấn đề

2. Năng lực

* *Năng lực chung:*

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

* *Năng lực riêng:* Tư duy và lập luận toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất: yêu nước
- Tích hợp: Toán học và cuộc sống; Tự nhiên và Xã hội

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- Giáo án, SGK, SGV.


- Mô hình đồng hồ 2 kim, hình cho bài khám phá

2. Đối với học sinh

- SGK, vở ghi, bút viết, bảng con

- Mô hình đồng hồ 2 kim

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. KHỞI ĐỘNG</p> <p>Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.</p> <p>Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho HS cả lớp chơi trò chơi Đố bạn - GV đọc giờ - HS quay kim đồng hồ - GV cho HS tiếp tục chơi theo nhóm đôi <p>B. THỰC HÀNH</p> <p>Mục tiêu: HS thực hành đi tàu trên sông</p> <p>Cách tiến hành:</p> <p>Bài 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát hình ảnh, nói xem bức hình vẽ gì? 	<p>- HS cả lớp chơi trò chơi.</p> <p>- HS quan sát hình ảnh nói: Bức tranh vẽ tuyến buýt đường thủy số 1, tàu, bảng giờ khởi hành.</p>

- GV giới thiệu sơ lược: Tuyến buýt đường sông đầu tiên tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đi vào hoạt động từ tháng 11/2017. Tuyến buýt xuất phát từ bến Bạch Đằng (Quận 1) đi theo sông Sài Gòn, qua kênh Thanh Đa và ra lại sông Sài Gòn đến khu vực phường Linh Đông (thành phố Thủ Đức). Tuyến buýt đường sông số 1 có 3 tàu buýt, mỗi tàu 75 chỗ ngồi. Hiện có 5 bến được đưa vào hoạt động bao gồm: Bạch Đằng, Bình An, Thanh Đa, Hiệp Bình Chánh và Linh Đông.

- Dựa vào hình ảnh, GV giúp HS xác định thời gian khởi hành của các chuyến tàu.

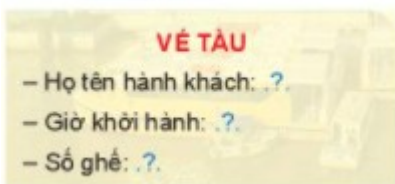
- GV yêu cầu HS (nhóm đôi) thay nhau xoay kim đồng hồ theo yêu cầu, đọc giờ theo buổi.

Bài 2:

- GV giới thiệu cho HS biết có 4 chuyến tàu, số lượng vé theo sĩ số lớp.

- GV phát vé cho HS đăng kí.

- GV cho HS xếp hàng đăng kí vé, GV ghi nhận: Ưu tiên em nào đăng kí trước được chọn chuyến và số ghế, em nào đăng kí sau phải chọn ghế hoặc chuyến khác nếu bị trùng vé.



- GV cho HS thu thập, phân loại dữ liệu, kiểm đếm,

- HS lắng nghe

- HS quan sát hình ảnh xác định thời gian khởi hành các chuyến tàu

- HS thực hiện theo nhóm đôi

- HS lắng nghe

- HS xếp hàng đăng kí vé

thể hiện kết quả kiểm đếm trên một bảng cho sẵn

Chuyến tàu 8 giờ	
Chuyến tàu 10 giờ	
Chuyến tàu 13 giờ	
Chuyến tàu 15 giờ	

- **Phân loại:** Chuyến tàu mà em đăng kí.
- **Thu thập:** Phỏng vấn các bạn để biết bạn đăng kí chuyến tàu nào trong 4 chuyến tàu: 8 giờ, 10 giờ, 13 giờ, 15 giờ.
- **Kiểm đếm:** Đếm số bạn đi trên từng chuyến tàu và ghi chép.

Có .?. bạn đi chuyến tàu 8 giờ.

C ó .?. bạn đi chuyến tàu 10 giờ.

Có .?. bạn đi chuyến tàu 13 giờ.

Có .?. bạn đi chuyến tàu 15 giờ.

*** Thể hiện kết quả kiểm đếm trên một bảng cho sẵn.**

- Đặt  vào khung: l  / H S .

- GV yêu cầu HS hoạt động theo tổ. Các em có thể **phân việc:** một bạn phỏng vấn, các bạn còn lại ghi chép và đặt khối lập phương vào bảng riêng của mình (SGK)).

- HS tiến hành thu thập dữ liệu theo yêu cầu của GV và ghi chép lại


<p>- GV yêu cầu HS dựa vào biểu đồ tranh, trả lời các câu hỏi.</p> <p>- GV sửa bài: gọi nhiều nhóm trình bày về kết quả làm việc của tổ, trả lời các câu hỏi trong bài thảo tác trên bảng lớp để minh họa.</p> <p>- Sau khi sửa bài, GV giáo dục HS về phép lịch sự khi đi trên các phương tiện giao thông công cộng.</p> <p>Ví dụ: không ồn ào, xếp hàng (nếu cần), ngồi đúng số ghế,...</p> <p>Bài 3: Chơi đi tàu</p> <p>- GV treo 4 đồng hồ lên bảng lớp, HS đọc các giờ khởi hành. HS xếp hàng theo các chuyến tàu. GV ghi số lên mặt bàn để biểu thị số ghế.</p> <p>- GV điều khiển.</p> <p>+ Hành khách đi chuyến tàu lúc 8 giờ cầm vé trên tay để tiện việc kiểm soát.</p> <p>+ Các em đi tàu 8 giờ vào ngồi đúng số ghế được ghi trên vé. Cả lớp hát bài <i>Em đi chơi thuyền</i>. Hát xong, đến bến, các em lên bờ.</p> <p>Đến chuyến 10 giờ.</p> <p>.....</p> <p>* Khám phá</p> <p>- GV cho HS xem hình để xác định tòa nhà cao nhất.</p> <p>+ Đây là bài tập mở, HS có thể chọn từ tùy ý và có lời giải thích phù hợp là được.</p>	<p>- HS hoạt động theo tổ hoàn thành bảng</p> <p>- HS trả lời các câu hỏi</p> <p>- Các nhóm trình bày kết quả làm việc</p> <p>- HS lắng nghe, ghi nhớ</p> <p>- HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi</p> <p>- HS cả lớp tham gia trò chơi theo sự điều khiển của GV</p>
---	--


- GV có thể giới thiệu: Tòa nhà **Vincom Landmark 81** cao 81 tầng (với 3 tầng hầm), ở Tân Cảng, quận Bình Thạnh, ven sông Sài Gòn được khởi công ngày 26/07/2014. Tòa nhà được khai trương và đưa vào sử dụng ngày 26/07/2018.

*** Hoạt động thực tế**

Em tập làm phóng viên.

- GV: Em hãy phỏng vấn người thân rồi hoàn thành biểu đồ sau.

Thích đi tàu trên sông	
Không thích đi tàu trên sông	

Mỗi  thay cho **1** người.

- HS quan sát hình dùng từ **có thể, chắc chắn, không thể** điền vào chỗ chấm rồi nói

- HS lắng nghe GV giới thiệu

- HS về nhà phỏng vấn người thân và hoàn thành biểu đồ

KIỂM TRA HỌC KÌ I

1. Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

Số liền trước số 80 là:

A. 70

B. 79

C. 89

2. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 89; 34; 58; 67.

.....

3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm.

a) 70 cm = dm

b) 8 dm = cm

4. Khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

Biết số bị trừ và số trừ lần lượt là 65 và 27, hiệu của chúng là:

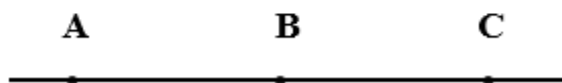
A. 38

B. 48

C. 35

5. Đúng ghi đ , sai ghi s .

. D



a) A, B, C là ba điểm thẳng hàng.

b) A, D, C là ba điểm thẳng hàng.

6. Đặt tính rồi tính.

$83 - 36$

$45 + 39$

$67 - 19$

$57 + 33$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

7. Tính:

$65 \text{ dm} + 20 \text{ dm} - 5 \text{ dm} = \dots\dots\dots$

8. Vẽ thêm kim giờ, kim phút để đồng hồ chỉ:

a) 9 giờ

b) 15 giờ



9. Khối lớp Một trồng được 42 cây, khối lớp Hai trồng được nhiều hơn khối lớp Một 9 cây. Hỏi khối lớp Hai trồng được bao nhiêu cây?



10. Người ta dùng hai cái xô để đựng nước (như hình vẽ). Xô nhỏ đựng được 9 l nước, xô lớn đựng được 25 nước. Hỏi xô lớn đựng được nhiều hơn xô nhỏ bao nhiêu lít nước?

